

VƯƠN RA BIỂN LỚN

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU VIETCOMBANK	04
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD	06
Thông tin khái quát	10
Lịch sử hình thành và phát triển	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
10 dấu ấn tiêu biểu Vietcombank 2017	20
Thông tin về mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý	26
Chỉ số tài chính cơ bản 2013 – 2017	28
Định hướng phát triển	32
Danh hiệu và giải thưởng	36
BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO	44
Tình hình tài chính	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	50
Đánh giá của Ban Điều hành	56
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	78
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	88
Tổ chức và nhân sự	90
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	92
Giới thiệu Ban Điều hành	94
Giới thiệu Ban Kiểm soát	97
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	98
Quản trị Công ty	100
Quản trị rủi ro	108
Mạng lưới hoạt động	110
CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI	114
Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank 2016	116
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	130
Thông tin về Ngân hàng	133
Báo cáo của Ban Điều hành	135
Báo cáo Kiểm toán độc lập	136
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	138
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	141
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	143
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	145



VƯƠN RA
BIỂN LỚN

01

Trụ sở chính

02

Văn phòng đại diện

101

Chi nhánh

397

Phòng giao dịch

53/63

hoạt động tại 53/63 tỉnh
thành phố trong cả nước



**NGÂN HÀNG
TỐT NHẤT VIỆT NAM
3 NĂM LIÊN TIẾP
(2015-2017)**

EUROMONEY

1

NGÂN HÀNG





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG TÀI SẢN TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ VÀ ĐÃ VƯỢT QUA MỐC 1 TRIỆU TỶ ĐỒNG, VỀ ĐÍCH TRƯỚC 2 NĂM SO VỚI ĐỀ ÁN, LÀ NĂM CÓ LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG ẤN TƯỢNG VÀ KỶ LỤC NHẤT TRONG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM VỚI MỨC TĂNG GẦN 3.000 TỶ ĐỒNG, TƯƠNG ĐƯƠNG 32,21% SO VỚI NĂM 2016, LÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN CÁN ĐÍCH LỢI NHUẬN TRÊN 10 NGHÌN TỶ ĐỒNG, ĐẠT 11.341 TỶ ĐỒNG.

Năm 2017, tình hình kinh tế thế giới nói chung đã có những dấu hiệu khả quan, tăng trưởng GDP toàn cầu đạt mức cao nhất kể từ năm 2011; kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng mạnh mẽ, vượt kỳ vọng đầu năm, các chỉ tiêu kinh tế xã hội đều đạt và vượt các chỉ tiêu Quốc hội đề ra, GDP tăng trưởng 6,81% vượt mục tiêu 6,7% của Quốc hội đề ra; lạm phát tiếp tục được kiểm soát và là năm thứ 4 liên tiếp duy trì ở mức thấp; tỷ lệ bội chi ngân sách thấp nhất trong vòng 4 năm qua; thu hút vốn FDI ghi nhận kỷ lục mới; cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Chính sách tiền tệ được Ngân hàng Nhà nước điều hành chủ động, linh hoạt góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng. Cung tiền tăng hợp lý, thanh khoản hệ thống dồi dào, mặt bằng lãi suất giảm nhẹ, tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại hối tăng nhanh tạo nền tảng chung thuận lợi cho hệ thống ngân hàng thương mại tăng trưởng bền vững gắn với cải thiện chất lượng, hiệu quả. Khung pháp lý để thực hiện tái cơ cấu hệ thống tài chính tiếp tục được hoàn thiện bao gồm: Luật sửa đổi Luật các TCTD và Nghị quyết về xử lý nợ xấu của các TCTD đã góp phần đẩy nhanh quá trình thu hồi, xử lý nợ xấu, hỗ trợ tái cơ cấu các TCTD.

Năm 2017, cùng với sự thành công to lớn của ngành Ngân hàng về điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động kinh doanh của Vietcombank tiếp tục tạo nên nhiều dấu mốc mới. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh mẽ và



đã vượt qua mốc 1 triệu tỷ đồng, về đích trước 2 năm so với Đề án, là năm có lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng và kỷ lục nhất trong các tổ chức tín dụng ở Việt Nam với mức tăng gần 3.000 tỷ đồng, tương đương 32,21% so với năm 2016, là ngân hàng đầu tiên cán đích lợi nhuận trên 10 nghìn tỷ đồng, đạt 11.341 tỷ đồng. Nợ xấu được kiểm soát một cách thực chất sau khi đã xử lý thành công toàn bộ nợ xấu tại VAMC trước đó. Năm 2017, toàn hệ thống Vietcombank đã tiếp tục xử lý nợ xấu hiệu quả, đưa nợ xấu nội bảng về mức 1,11%, là mức thấp nhất so với các tổ chức tín dụng lớn tại Việt Nam.

Đề án cơ cấu lại hệ thống Vietcombank đến năm 2020 đã chính thức được Thống đốc NHNN Việt Nam phê duyệt với tầm nhìn và sứ mệnh trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực; một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất. Cùng với đó, Vietcombank đã xây dựng 4 tiểu Đề án, 4 Chương trình hành động để hiện thực hóa sứ mệnh to lớn này.

Cùng với việc cấu trúc lại mô hình tổ chức, triển khai nhiều dự án chuyển đổi để phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế, Vietcombank chuyển dịch hoạt động kinh doanh tập trung vào 3 trụ cột chính là hoạt động bán lẻ, kinh doanh vốn, dịch vụ; kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng tài sản; chuyển dịch cơ cấu thu nhập; tăng cường kiểm soát chi phí. và đặc biệt là chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số.





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC



KỶ NIỆM 55 NĂM THÀNH LẬP VIETCOMBANK, KẾ THỪA TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ QUÝ BÁU VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA VIETCOMBANK, TẬP THỂ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO VÀ HƠN 16 NGHÌN CÁN BỘ VIETCOMBANK HÔM NAY SẼ TIẾP TỤC NỖ LỰC, PHẤN ĐẤU “ĐỔI MỚI - KỶ CƯƠNG - TRÁCH NHIỆM”, ĐƯA VIETCOMBANK TIẾP TỤC “CHUYỂN ĐỔI - HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG” ĐỂ HIỆN THỰC HÓA TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2020.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)

11.341
↑ TĂNG **32,21%** SO VỚI NĂM 2016

Năm 2017, cổ phiếu VCB ghi nhận mức giá giao dịch và khối lượng giao dịch kỷ lục, tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về quy mô vốn hóa thị trường trong ngành ngân hàng và top 3 doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường với quy mô vốn hóa trên 10 tỷ USD.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Vietcombank đã tích cực chung tay cùng các địa phương trong các hoạt động an sinh xã hội, tạo dựng một hình ảnh ngân hàng xanh luôn hướng đến cộng đồng và vì cộng đồng.

Thương hiệu, uy tín và hình ảnh của Vietcombank liên tục được nâng cao, được các tổ chức trong nước và quốc tế trao tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng uy tín: Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's đánh giá Vietcombank là ngân hàng có chất lượng tài sản tốt nhất; The Asian Banker đánh giá Vietcombank có khả năng sinh lời cao nhất; Forbes xếp hạng Vietcombank là ngân hàng có thị giá lớn nhất; Vietcombank cũng là ngân hàng nộp thuế doanh nghiệp lớn nhất; Vietcombank là đơn vị ngân hàng duy nhất có mặt trong Top 10 và giữ vị trí dẫn đầu danh sách trong khối ngân hàng về doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam theo đánh giá của Anphabe và Nielsen.

Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam đang đặt ra thách thức và yêu cầu đổi mới đối với các

ngân hàng. Vietcombank cần tiếp tục bám sát các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương Đảng, định hướng của Chính phủ và chỉ đạo từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nỗ lực vượt qua các khó khăn, thách thức, đón bắt các cơ hội, tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để đưa “con tàu Vietcombank” tăng tốc, bút phá, hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã được xác định, phát triển và hội nhập bền vững, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của ngành Ngân hàng và công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Kỷ niệm 55 năm thành lập Vietcombank, kế thừa truyền thống lịch sử quý báu và những giá trị cốt lõi của Vietcombank, tập thể cán bộ lãnh đạo và hơn 16 nghìn cán bộ Vietcombank hôm nay sẽ tiếp tục nỗ lực, phấn đấu “Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm”, đưa Vietcombank tiếp tục “Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững” để hiện thực hóa tầm nhìn và mục tiêu chiến lược đến năm 2020, trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất, xứng đáng với niềm tin mà Đảng, Nhà nước, Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý, đồng đảo đối tác, cổ đông và hàng triệu khách hàng đã gửi gắm niềm tin.

**Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH**

**Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG**





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.

Tên công ty bằng tiếng Anh:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN
do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/6/2008 (đăng ký lần đầu).

Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/12/2016

Vốn điều lệ: 35.977.685.750.000 đồng

Bằng chữ: *Ba mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bảy tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.*

Mã cổ phiếu: VCB

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.597.768.575

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 84 - 24 - 3934 3137

Fax: 84 - 24 - 3826 9067

Website: www.vietcombank.com.vn



VỐN ĐIỀU LỆ
35.978
TỶ ĐỒNG





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ CÁC TỔ CHỨC TIỀN THÂN

Ngày 6/5/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 15/SL thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc, việc thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ thương mại... với các nước được đặt ra. Vì vậy, Sở quản lý ngoại hối thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 443/TTg ngày 20/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tham mưu cho Chính phủ về công tác quản lý ngoại tệ, vàng bạc, thực hiện thanh toán mậu dịch, phi mậu dịch giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Tiếp đó, ngày 26/10/1961 Chính phủ ra Nghị định số 171/CP đổi tên Ngân hàng Quốc gia Việt Nam thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có Cục Ngoại hối, thay cho Sở Quản lý ngoại hối trước đây. Đây là bước phát triển, tạo tiền đề thành lập ngân hàng chuyên doanh và nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại sau này.

Để phù hợp với tập quán quốc tế về hoạt động ngân hàng đối ngoại, ngày 30/10/1962 Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 115/CP thành lập Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với nhiệm vụ kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế, cho vay ngoại thương; Tham gia quản lý ngoại hối, góp phần bảo vệ tiền tệ và tài sản Nhà nước, tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị và giao lưu văn hóa với nước ngoài. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 01/4/1963 Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức đi vào hoạt động, và cũng kể từ đó thương hiệu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức ra đời.

NHIỆM VỤ CAO CẢ VỚI TỔ QUỐC VÀ NHỮNG MỐC SON CHÓI LỢI

Thời kỳ đầu từ 1963 - 1977, Vietcombank với vai trò độc quyền về hoạt động ngân hàng đối ngoại đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh mà Chính phủ, ngành Ngân

hàng giao cho, vừa đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho nền kinh tế của hậu phương miền Bắc, vừa làm trọn nhiệm vụ cung ứng ngoại tệ cho chiến trường miền Nam, đóng góp to lớn vào công cuộc giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước mà tiêu biểu là hoạt động của B29.

Cùng với các giải pháp hết sức táo bạo của chiến tranh nhân dân do Đảng ta mà trực tiếp là Ban Kinh tế Trung ương Cục miền Nam tổ chức và chỉ đạo, giải pháp thanh toán đặc biệt do B29 thực hiện đã có ý nghĩa lớn giúp cho việc cung cấp cho chiến trường miền Nam một số vật tư kỹ thuật, kể cả vũ khí, đạn dược ngay tại chỗ. Kết quả trong các năm cuối của cuộc chiến tranh, B29 đã thực hiện việc thanh toán đặc biệt an toàn cho hàng trăm chuyến hàng trị giá hàng trăm triệu USD. Đây là một chiến công thầm lặng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà Cục Ngoại hối, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có vinh dự được tham gia.

Trong quá trình tiếp nhận vốn ngoại tệ từ nước ngoài về đến khi đưa ngoại tệ chi viện vào miền Nam, B29 đã vận dụng linh hoạt các nghiệp vụ, chuyển đổi ngoại tệ này sang ngoại tệ khác, tranh thủ điều chuyển vốn từ ngân hàng không trả lãi sang ngân hàng trả lãi, ngân hàng trả lãi thấp sang ngân hàng trả lãi cao nhờ đó đã thu được khoản lãi gần 21 triệu Đô la Mỹ, tăng thêm nguồn viện trợ cho chiến trường.

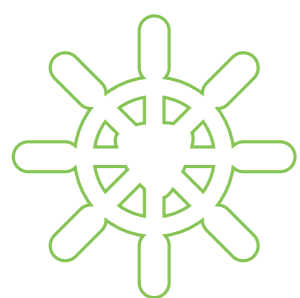
Sau ngày miền Nam giải phóng, bằng nhiều biện pháp sáng tạo, có hiệu quả, Ngân hàng Ngoại thương đã nhanh chóng tiếp quản hệ thống ngân hàng của chế độ cũ, thu về cho Quốc gia một khối lượng tài sản, vốn lớn đang nằm ở nước ngoài, đấu tranh với các ngân hàng nước ngoài trong việc chuyển các tài khoản đứng tên ngân hàng quốc gia ngụ quyền Sài Gòn vào tài khoản đứng tên NHNN Việt Nam ở nước ngoài để sau khi bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, đã thu về hàng trăm triệu USD, góp phần vào công cuộc khắc phục hậu quả sau chiến tranh, phát triển kinh tế xã hội đất nước.





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

VIETCOMBANK ĐÃ CHÍNH THỨC THAM GIA VÀO THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ THẾ GIỚI, GIA NHẬP TỔ CHỨC SWIFT; LÀ THÀNH VIÊN CỦA HIỆP HỘI NGÂN HÀNG CHÂU Á, TỔ CHỨC THẾ QUỐC TẾ VÀ LÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM PHÁT HÀNH CÁC LOẠI THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ NHƯ MASTER CARD, VISA.



KHẮNG ĐỊNH VỊ THẾ NGÂN HÀNG CHỦ ĐẠO TRONG GIAI ĐOẠN ĐỔI MỚI

Bước vào thời kỳ đổi mới, từ những năm đầu thập kỷ 90, cùng với việc ra đời các Pháp lệnh về ngân hàng, sau này là Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các TCTD, Vietcombank đã đi tiên phong trong việc xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu nhằm đổi mới toàn diện tổ chức, hoạt động Vietcombank. Danh mục đầu tư của Vietcombank được chuyển đổi theo hướng tập trung và phục vụ cho các dự án lớn và trọng điểm, hỗ trợ tích cực cho các thành phần kinh tế đẩy mạnh sản xuất kinh doanh góp phần không nhỏ cho tăng trưởng kinh tế đất nước thời bấy giờ.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX là "chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế", Vietcombank đã từng bước thoát khỏi tư duy bao cấp, vượt qua những rào cản cơ chế để tiếp cận, hội nhập với thị trường tài chính - tiền tệ thế giới; đi đầu trong việc thực hiện vai trò hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong nước, gương mẫu trong thực thi chính sách của NHNN, góp phần ổn định tiền tệ, kiềm chế lạm phát, điều hành tỷ giá và tăng cường dự trữ ngoại tệ quốc gia. Vietcombank đã chính thức tham gia vào thị trường tiền tệ thế giới, gia nhập tổ chức SWIFT; là thành viên của Hiệp hội ngân hàng châu Á, tổ chức thế quốc tế và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành các loại thẻ tín dụng quốc tế như Master Card, Visa. Bên cạnh đó, Vietcombank đã tăng cường đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao trình độ công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác bằng việc thành lập các công ty liên doanh, các công ty trực thuộc. Với lợi thế về nguồn vốn, đặc biệt là vốn ngoại tệ, Vietcombank đã tham gia tài

trợ vốn cho nhiều dự án thuộc các lĩnh vực then chốt phục vụ các dự án trọng điểm phát triển của quốc gia như điện lực, dầu khí, hàng không, viễn thông.

Không chỉ đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động của mình, trong những thời điểm khó khăn của ngành ngân hàng Việt Nam, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, Vietcombank còn tham gia vào việc chấn chỉnh, củng cố, kiểm soát và xử lý một số NHTM cổ phần. Với sự hỗ trợ hiệu quả của Vietcombank về nguồn vốn, nhân lực cũng như các giao dịch nghiệp vụ, các ngân hàng này đã vượt qua được những thời điểm khó khăn nhất của thị trường để từng bước ổn định và vươn lên.

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Vietcombank luôn xác định rõ và hướng tới việc xây dựng một ngân hàng hoạt động chuẩn mực, tuân thủ các quy định của pháp luật và bắt nhịp với các thông lệ quốc tế, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững. Uy tín, chất lượng và hiệu quả hoạt động của Vietcombank không chỉ được bạn bè và khách hàng trong nước đánh giá cao mà còn được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Vietcombank trong mắt khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư là một ngân hàng hiện đại, tin cậy, chuẩn mực, chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng một cách tổng thể các dịch vụ với chất lượng tốt nhất, là ngân hàng luôn minh bạch thông tin, hoạt động an toàn, hiệu quả và được quản trị theo các thông lệ quốc tế. Nói đến Vietcombank cũng là nói đến một ngân hàng có hạ tầng công nghệ tiên tiến hiện đại, có đội ngũ cán bộ lành nghề, tận tâm, gắn gũi và luôn sẵn sàng sẻ chia.

Bên cạnh đó, Vietcombank cũng được biết đến là doanh nghiệp tiêu biểu trong các hoạt động cộng đồng với nhiều chương trình an sinh xã hội có ý nghĩa lớn, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo, gia đình chính sách..., được cộng đồng xã hội đánh giá cao, thương hiệu Vietcombank nhờ đó càng trở nên gắn gũi với các doanh nghiệp, dân cư và cộng đồng xã hội.

Những đóng góp của Vietcombank đã được Đảng, Nhà nước, Nhân dân ghi nhận bằng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý, được cộng đồng tài chính thế giới tôn vinh với danh hiệu "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" liên tục trong nhiều năm qua.





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

VIETCOMBANK ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC LỰA CHỌN LÀ ĐƠN VỊ ĐI TIÊN PHONG TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG VỀ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỔ PHẦN HÓA DNNN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ. NGÀY 26/12/2007 ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT DẤU MỐC ĐÁNG NHỚ CỦA HỆ THỐNG VIETCOMBANK KHI ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG (IPO) ĐẠT KẾT QUẢ THÀNH CÔNG HƠN MỨC KỶ VỌNG.



NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Vietcombank đã vinh dự được lựa chọn là đơn vị đi tiên phong trong ngành ngân hàng về thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN của Đảng, Nhà nước, Chính phủ. Ngày 26/12/2007 đã trở thành một dấu mốc đáng nhớ của hệ thống Vietcombank khi đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) đạt kết quả thành công hơn mức kỳ vọng, cổ phiếu VCB đã nhanh chóng trở thành cổ phiếu hàng đầu trong các cổ phiếu ngân hàng kể từ đó đến nay.

Tiếp đó, vào tháng 9/2011, Vietcombank còn tạo một bước ngoặt quan trọng thông qua việc ký kết Hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc Tập đoàn Tài chính Mizuho - Tập đoàn tài chính lớn thứ ba tại Nhật Bản và thứ 20 trên thế giới. Việc bán cổ phần chiến lược của Vietcombank đã trở thành thương vụ M&A lớn nhất khu vực trong năm, là minh chứng cho niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào tiềm năng và tương lai phát triển của thị trường tài chính Việt Nam nói chung, của Vietcombank nói riêng.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập (1963-2013), Vietcombank đã chính thức công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới với thông điệp "Chung niềm tin vững tương lai", khẳng định sự đổi mới toàn diện của Vietcombank cả về hình ảnh và chất lượng hoạt động để tiếp tục phát triển bền vững, giữ vững vị thế là ngân hàng hàng đầu trong nước và từng bước vươn xa trên trường quốc tế, khẳng định cam kết của Vietcombank luôn sẵn sàng đồng hành cùng khách hàng trên con đường hướng tới tương lai.

TRANG SỬ MỚI TÔ ĐUỘM VIETCOMBANK

Giai đoạn 2013 - 2018 ghi nhận dấu ấn chuyển mình, bút phá ngoạn mục của Vietcombank khi ngân hàng đã có sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô và hiệu quả kinh doanh. Quy mô, tốc độ tăng trưởng vốn điều lệ, tổng tài sản, nguồn vốn huy động, dư nợ cho vay và đầu tư tăng trưởng cao. Cùng với đó, Vietcombank đã vừa tập trung triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, vừa triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhiều dự án nâng cao năng lực quản trị, hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nền tảng vững chắc cho một giai đoạn phát triển mới và hội nhập quốc tế.

Năm 2017, cùng với sự thành công to lớn của ngành Ngân hàng về điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động kinh doanh của Vietcombank tiếp tục tạo nên nhiều dấu mốc mới. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh mẽ và đã vượt qua mốc 1 triệu tỷ đồng, về đích trước 2 năm so với đề án, là năm có lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng và kỷ lục nhất trong các các tổ chức tín dụng ở Việt Nam với mức tăng gần 3.000 tỷ đồng, tương đương 33% so với năm 2016, là ngân hàng đầu tiên chinh phục đỉnh cao lợi nhuận trên 10 nghìn tỷ đồng, đạt 11.341 tỷ đồng. Nợ xấu được kiểm soát một cách thực chất sau khi đã xử lý thành công toàn bộ nợ xấu tại VAMC trước đó. Năm 2017, toàn hệ thống Vietcombank đã tiếp tục xử lý nợ xấu hiệu quả, đưa nợ xấu nội bảng về mức 1,11%, là mức thấp nhất so với các TCTD lớn tại Việt Nam. Điều quan trọng nhất và tài sản lớn nhất là quy mô khách hàng gia tăng nhanh chóng và uy tín, hình ảnh, thương hiệu của Vietcombank đã được nâng cao mạnh mẽ ở trong nước và quốc tế với những đánh giá nổi bật như: Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's đánh giá Vietcombank là ngân hàng có chất lượng tài sản tốt nhất; The Asian Banker đánh giá Vietcombank có khả năng sinh lời cao nhất; Forbes

xếp hạng Vietcombank là ngân hàng có thị giá lớn nhất; Vietcombank cũng là ngân hàng nộp thuế doanh nghiệp lớn nhất; Vietcombank là đơn vị ngân hàng duy nhất có mặt trong Top 10 và giữ vị trí dẫn đầu danh sách trong khối ngân hàng về doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam theo đánh giá của Amphabe và Nielsen.

KHẲNG ĐỊNH MỘT NIỀM TIN VƯƠN XA

Đề án cơ cấu lại hệ thống Vietcombank đến năm 2020 đã chính thức được Thống đốc NHNN Việt Nam phê duyệt với tầm nhìn và sứ mệnh trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực; một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất. Cùng với đó, Vietcombank đã xây dựng 4 tiểu Đề án, 4 Chương trình hành động để hiện thực hóa sứ mệnh to lớn này.

Cùng với việc cấu trúc lại mô hình tổ chức, triển khai nhiều dự án chuyển đổi để phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế, Vietcombank chuyển dịch hoạt động kinh doanh tập trung vào 3 trụ cột chính là hoạt động bán lẻ, kinh doanh vốn, dịch vụ; kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng tài sản; chuyển dịch cơ cấu thu nhập; tăng cường kiểm soát chi phí... và đặc biệt là chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số.

Năm 2018, năm bản lề của giai đoạn chuyển đổi với dấu mốc lịch sử 55 năm phát triển, tiếp tục phương châm hành động **Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững** và quan điểm điều hành **Đổi mới - Kỳ cương - Trách nhiệm**, Ban Lãnh đạo Vietcombank tin tưởng toàn hệ thống Vietcombank sẽ tiếp tục nỗ lực cao nhất hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh, tiếp tục chinh phục các đỉnh cao mới, sớm hiện thực hóa tầm nhìn và mục tiêu chiến lược đã đề ra.

55 NĂM DỰNG XÂY, PHÁT TRIỂN VÀ CỐNG HIẾN KHÔNG CHỈ TẠO NÊN MỘT THƯƠNG HIỆU LỚN MANG TÊN VIETCOMBANK MÀ CÒN TẠO DỰNG NÊN MỘT VĂN HOÁ VIETCOMBANK, MỘT CỐT CÁCH VIETCOMBANK RẤT ĐÁNG TỰ HÀO VỚI NHỮNG ĐẶC TRƯNG RIÊNG CÓ: TIN CẬY, CHUẨN MỰC, SẴN SÀNG ĐỔI MỚI, BỀN VỮNG VÀ NHÂN VĂN. TRUYỀN THỐNG, THƯƠNG HIỆU, VĂN HÓA VÀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CHÍNH LÀ NHỮNG NHÂN TỐ ĐÃ TẠO NÊN SỨC MẠNH, GIÚP VIETCOMBANK VƯỢT QUA NHỮNG BƯỚC THĂNG TRẦM CÙNG LỊCH SỬ ĐỂ VIETCOMBANK TIẾP TỤC VÀ CHINH PHỤC NHỮNG ĐỈNH CAO MỚI, VƯƠN RA BIỂN LỚN.





2.105



NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ TẠI 131 QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ TRÊN TOÀN THẾ GIỚI.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ▶ Dịch vụ tài khoản
- ▶ Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu)
- ▶ Dịch vụ cho vay (ngắn, trung, dài hạn)
- ▶ Dịch vụ bảo lãnh
- ▶ Dịch vụ chiết khấu chứng từ
- ▶ Dịch vụ thanh toán quốc tế
- ▶ Dịch vụ chuyển tiền
- ▶ Dịch vụ thẻ
- ▶ Dịch vụ nhờ thu
- ▶ Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- ▶ Dịch vụ ngân hàng đại lý
- ▶ Dịch vụ bao thanh toán
- ▶ Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến hết năm 2017, bên cạnh Trụ sở chính, Vietcombank hiện có 101 Chi nhánh với 397 phòng giao dịch hoạt động tại 53/63 tỉnh thành phố trong cả nước, phân bố cụ thể theo 07 khu vực sau: Bắc bộ có 19 chi nhánh chiếm tỷ lệ 18,8%; Hà Nội có 15 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 14,85%; Bắc và Trung bộ có 13 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,87%; Nam Trung bộ và Tây Nguyên có 10 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 9,9%; Hồ Chí Minh có 17 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 16,83%; Đông Nam Bộ có 12 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 11,88%; Tây Nam Bộ có 15 chi nhánh, chiếm 14,85%.

Vietcombank thiết lập và mở rộng mạng lưới 2.105 ngân hàng đại lý tại 131 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.



10

DẤU ẤN TIÊU BIỂU VIETCOMBANK 2017

01

LỢI NHUẬN LẦN ĐẦU TIÊN VƯỢT NGƯỠNG 10.000 TỶ ĐỒNG. TỔNG TÀI SẢN VƯỢT MỐC 1.000.000 TỶ ĐỒNG

Năm 2017, Vietcombank chính thức gia nhập câu lạc bộ triệu tỷ đồng về quy mô tổng tài sản, sớm hơn 2 năm so với đề án phát triển. Vietcombank trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có quy mô lợi nhuận đạt mốc 5 con số với mức 11.341 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Vietcombank chính thức lấy lại ngôi vị ngân hàng số 1 về quy mô lợi nhuận.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

 **11.341**
TỶ ĐỒNG



02

TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG CÓ TỶ LỆ NỢ XẤU (NỢ NỘI BẢNG VÀ NỢ VAMC) THẤP NHẤT TẠI VIỆT NAM

Chất lượng tín dụng tiếp tục được quản trị thực chất; tỷ lệ nợ có vấn đề thấp nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam. Nợ xấu giảm chỉ còn chiếm 1,1% trên tổng dư nợ. Trong khi đó, tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu của Vietcombank lại tăng lên mức kỷ lục - hơn 130% - mức cao nhất trong các NHTM tại Việt Nam.



Hội thảo xử lý nợ xấu tháng 9/2017

03

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI, CÁC TIỂU ĐỀ ÁN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Vietcombank đã xây dựng và thông qua Đề án cơ cấu lại đến năm 2020, 4 tiểu Đề án, 4 Chương trình hành động thực hiện Đề án. Đây là các định hướng chiến lược và tiền đề quan trọng để hệ thống Vietcombank xây dựng các kế hoạch và triển khai thực hiện nhằm phát triển bền vững trong giai đoạn mới.





10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU VIETCOMBANK 2017

04

KIỆN TOÀN BỘ MÁY LÃNH ĐẠO CẤP CAO

Năm 2017, Vietcombank bầu bổ sung 3 thành viên HĐQT; Bổ nhiệm mới 3 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Bán buôn và lần đầu tiên trong lịch sử, Vietcombank thực hiện việc tuyển dụng và bổ nhiệm người nước ngoài làm Giám đốc Khối bán lẻ nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng số 1 bán lẻ vào năm 2020.



05

MỞ RỘNG HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI, SẮP XẾP LẠI BỘ MÁY TRỤ SỞ CHÍNH

Năm 2017, Vietcombank mở mới 5 Chi nhánh (CN) và 39 Phòng giao dịch (PGD) trên toàn quốc; Thành lập Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hà Nội. Hoàn tất các thủ tục để chuẩn bị đưa vào hoạt động ngân hàng con tại Lào.

Thực hiện sắp xếp lại bộ máy Trụ sở chính (TSC), sáp nhập thu gọn 4 phòng/ban TSC. Công tác luân chuyển cán bộ được thực hiện một cách đồng bộ.



06

HÀNG LOẠT CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI ĐƯỢC TRIỂN KHAI ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ VÀ CHẤT LƯỢNG.

2 Chương trình và 12 Dự án chuyển đổi đang được triển khai cũng là một con số đầy ấn tượng trong năm 2017. Hơn 2/3 số sáng kiến trong lộ trình tuân thủ Basel II đã được Vietcombank thực hiện, là ngân hàng đầu tiên đã hoàn thành xây dựng mô hình lượng hóa xác suất rủi ro (PD) theo yêu cầu của Basel II; giai đoạn 1 Dự án CTOM, Dự án ALM-FTP-MPA đã kết thúc...



07

THOÁI VỐN TẠI CÁC TCTD, GHI NHẬN HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CAO.

Vietcombank đã thực hiện thoái vốn thành công tại Ngân hàng Sài Gòn công thương và Công ty Cổ phần tài chính xi măng. Theo đó, Vietcombank đã thu lãi 200 tỷ đồng sau khi thoái vốn. Ngày 29/12, Vietcombank cũng đã bán thành công 2/3 số cổ phần đang nắm giữ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) và thu về 171 tỷ đồng.





10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU VIETCOMBANK 2017

08

LÀ NGÂN HÀNG NỘI ĐỊA NẮM TRỌN GIAO DỊCH LỊCH SỬ GẦN 5 TỶ USD THƯƠNG VỤ SABECO

Vietcombank là đầu mối tiếp nhận gần 5 tỷ USD trong thương vụ chuyển nhượng sở hữu tại Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn - Sabeco, để nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi sang VND thanh toán tiền mua cổ phần Sabeco. Trong lịch sử hoạt động ngành, chưa từng có một giao dịch nào lớn như vậy mà do một ngân hàng nội địa đứng ra xử lý.

TIẾP NHẬN GIAO DỊCH LỚN NHẤT LỊCH SỬ NGÀNH NGÂN HÀNG, TRỊ GIÁ GIAO DỊCH LÀ

5 TỶ USD



09

CỔ PHIẾU VIETCOMBANK (VCB) CÓ MỨC TĂNG KỶ LỤC VÀ CỐ GIÁ GIAO DỊCH CAO NHẤT NGÀNH, NẪM TRONG TOP 3 DOANH NGHIỆP CÓ QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG.

Trong năm 2017, cổ phiếu VCB ghi nhận mức giá giao dịch và khối lượng giao dịch kỷ lục. Đóng cửa phiên giao dịch cuối năm, cổ phiếu VCB chạm ngưỡng 54.300đ, tăng 53% so với cuối 2016, tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về quy mô vốn hóa thị trường trong ngành và TOP 3 doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường.



TOP 3

DOANH NGHIỆP CÓ QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG

10

UY TÍN VÀ VỊ THẾ NGÀY MỘT CAO

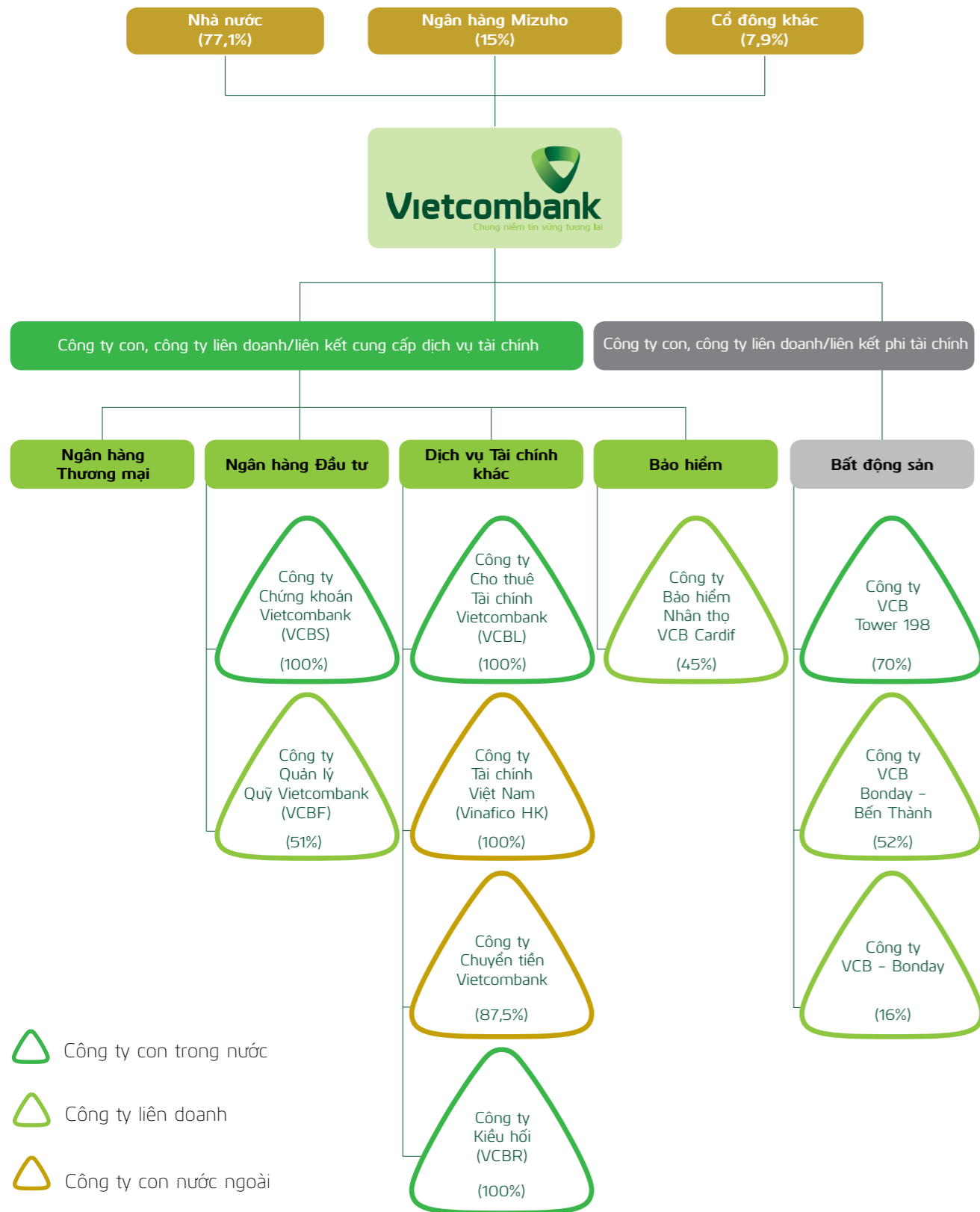
Năm 2017, Vietcombank tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng uy tín của hàng loạt tổ chức/định chế tài chính trong và ngoài nước như: Giải thưởng của The Asian Banker; EuroMoney; Forbes; Ngân hàng uy tín nhất, Ngân hàng có khả năng sinh lời cao nhất và Ngân hàng nộp thuế doanh nghiệp lớn nhất...



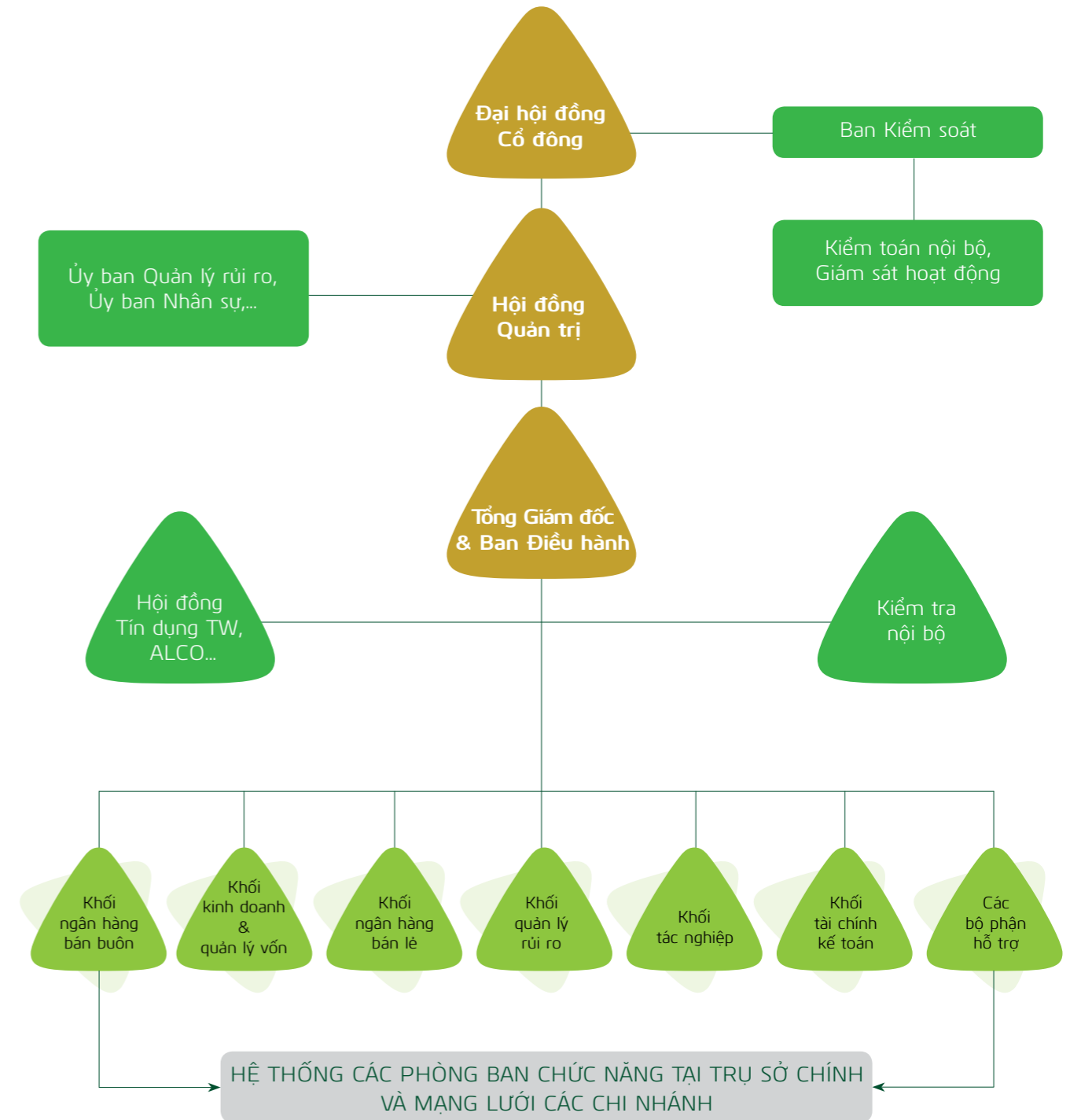


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



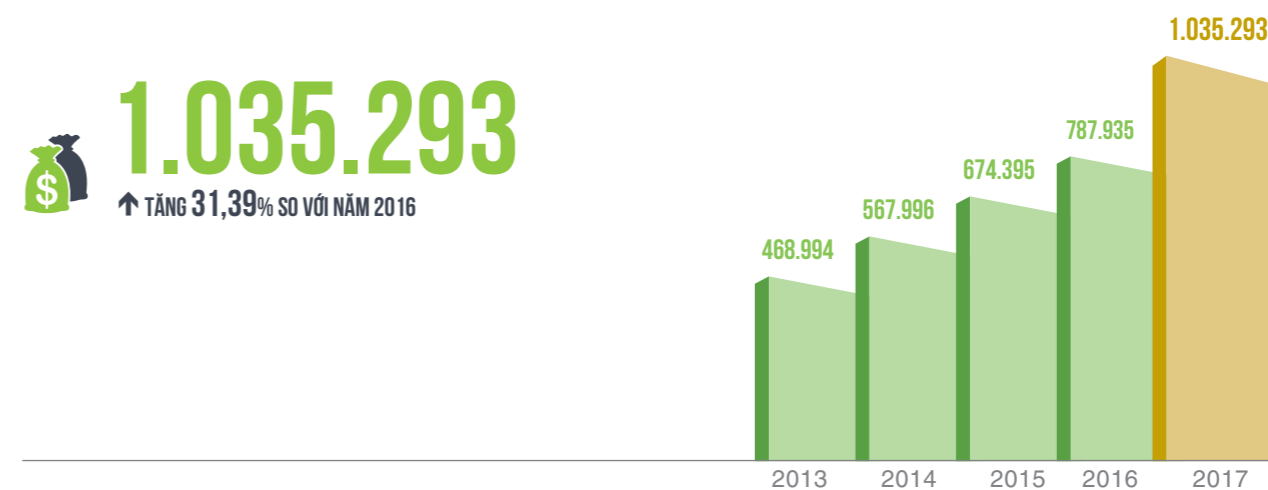


CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2013 - 2017

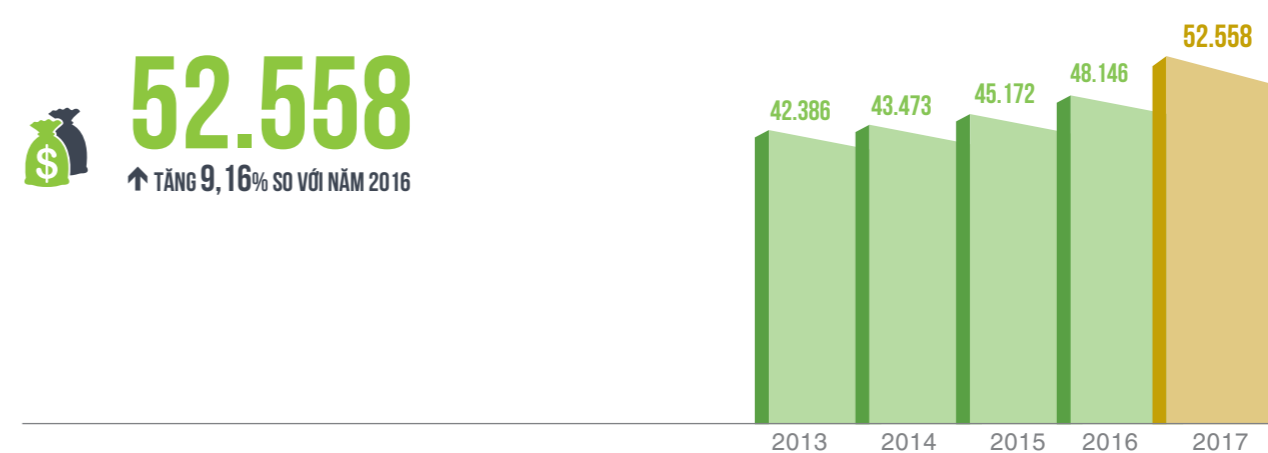
ĐVT: Tỷ VNĐ

	2013	2014	2015	2016	2017
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Tổng tài sản	468.994	576.996	674.395	787.935	1.035.293
Vốn chủ sở hữu	42.386	43.473	45.172	48.146	52.558
Dư nợ tín dụng/TTS	59,13%	56,51%	59,05%	60,40%	53,87%
Thu nhập ngoài lãi thuần	4.725	5.295	5.749	6.353	7.469
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	15.507	17.286	21.202	24.886	29.406
Tổng chi phí hoạt động	-6.244	-6.849	-8.306	-9.939	-11.866
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9.263	10.436	12.896	14.947	17.540
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-3.520	-4.591	-6.068	-6.369	-6.198
Lợi nhuận trước thuế	5.743	5.844	6.827	8.578	11.341
Thuế TNDN	-1.365	-1.258	-1.495	-1.683	-2.231
Lợi nhuận sau thuế	4.378	4.586	5.332	6.895	9.111
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.358	4.567	5.314	6.876	9.091
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ					
NIM	2,55%	2,35%	2,58%	2,63%	2,66%
ROAE	10,33%	10,76%	12,03%	14,78%	18,09%
ROAA	0,99%	0,88%	0,85%	0,94%	1,00%
CHỈ TIÊU AN TOÀN					
Tỷ lệ dư nợ tín dụng/huy động vốn	82,96%	76,83%	79,07%	79,22%	76,74%
Tỷ lệ nợ xấu	2,73%	2,31%	1,79%	1,45%	1,11%
Hệ số an toàn vốn CAR	13,13%	11,35%	11,04%	11,13%	11,63%
CỔ PHIẾU					
Cổ phiếu phổ thông	2.317	2.665	2.665	3.597	3.597
Tỷ lệ chi trả cổ tức	12%	10%	10%	8%	8%
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	26.800	31.900	43.900	35.450	54.300
Giá trị vốn hóa thị trường	62.107	85.014	116.994	127.514	195.359
EPS	1.582	1.533	1.626	1.566	2.526
DPS	1.200	1.000	1.000	800	800

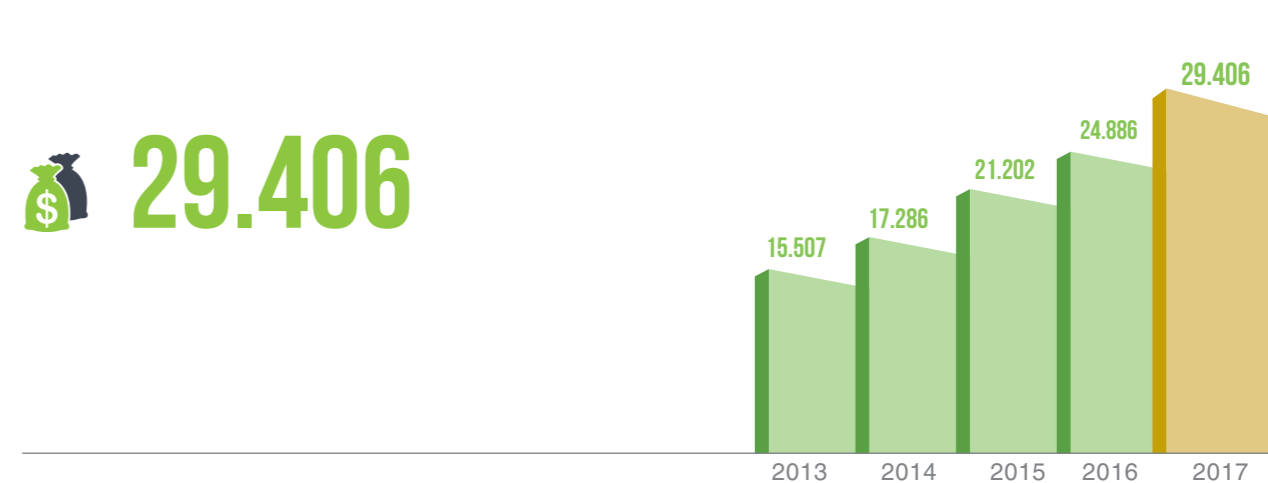
TỔNG TÀI SẢN (TỶ VNĐ)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ VNĐ)



TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TỶ VNĐ)

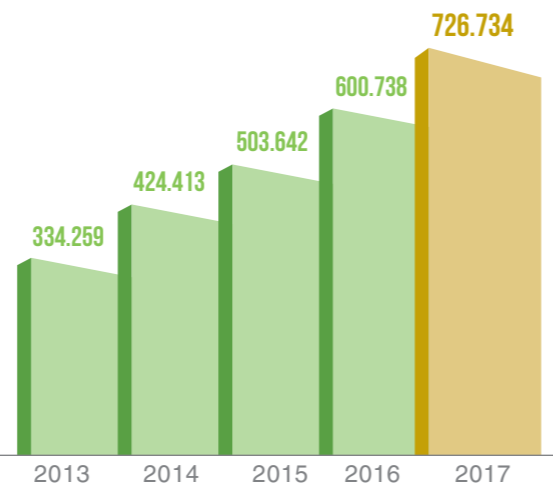




CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2013 - 2017

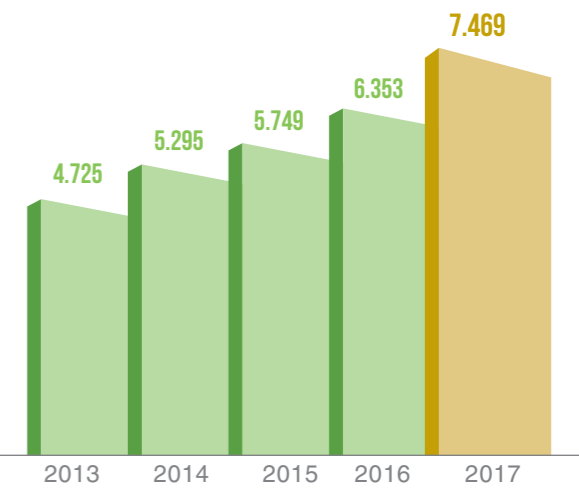
HUY ĐỘNG VỐN (TỶ VNĐ)

726.734
↑ TĂNG 21,0% SO VỚI NĂM 2016



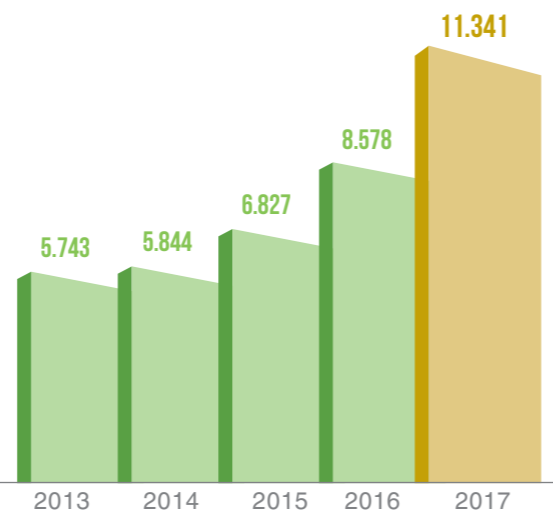
THU NHẬP NGOÀI LÃI THUẦN (TỶ VNĐ)

7.469



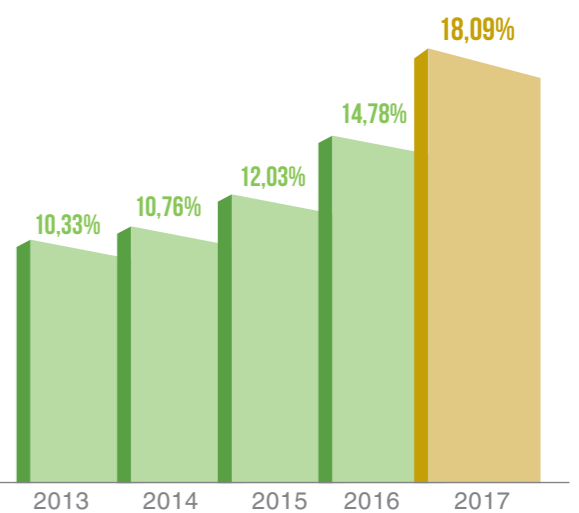
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

11.341
↑ TĂNG 32,2% SO VỚI NĂM 2016



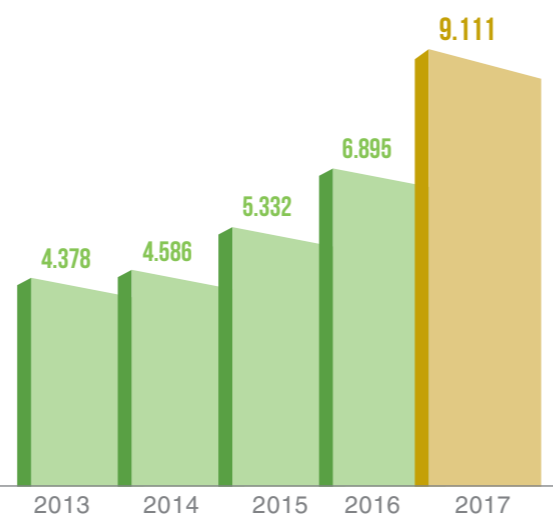
ROAE (%)

18,09



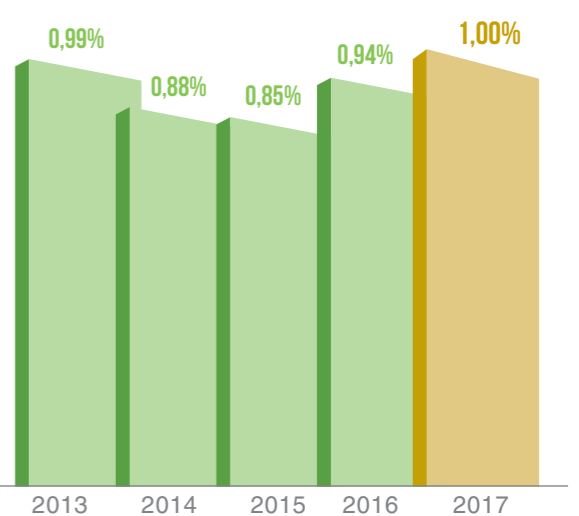
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VNĐ)

9.111



ROAA (%)

1,00





TẦM NHÌN

1

Trở thành Ngân hàng số

tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực, một trong 300 Tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất vào năm 2020.



CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2020



Ngân hàng đạt Top 1 Bán lẻ và Top 2 Bán buôn

Củng cố hoạt động bán buôn, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ làm cơ sở phát triển bền vững. Duy trì và mở rộng thị trường trong nước và chọn lọc phát triển thị trường nước ngoài.



Ngân hàng có quy mô lợi nhuận lớn nhất với hiệu suất sinh lời cao

Phần đầu tăng quy mô và chuyển dịch cơ cấu thu nhập cao và bền vững, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí hoạt động, cải thiện hiệu quả hoạt động đầu tư và hoạt động của các công ty con.



Ngân hàng đứng đầu về mức độ hài lòng của khách hàng

Phát triển dịch vụ ngân hàng tiên tiến dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, gia tăng số lượng và đa dạng hóa sản phẩm, tiếp tục nâng cao và đảm bảo sự đồng đều về chất lượng dịch vụ.



Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ; tăng cường sự gắn bó và hiệu quả của cán bộ.



Ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất

Quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và không ngừng nâng cao văn hóa quản trị rủi ro. Đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN và mục tiêu của Vietcombank.



Ngân hàng đứng đầu về chuyển đổi ngân hàng số

Xây dựng kiến trúc công nghệ hiện đại tiên tiến, đáp ứng yêu cầu phát triển của hoạt động kinh doanh, nhất là các lĩnh vực dịch vụ ngân hàng số và yêu cầu của các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực cạnh tranh.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

VIETCOMBANK LUÔN TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO, ĐỒNG BÀO VÙNG SÂU, VÙNG XA, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TRONG LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC... NHẪM ĐÓNG GÓP TỐI ĐA CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI.





DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG



VIETCOMBANK 2017 NĂM CỦA NHỮNG GIẢI THƯỞNG TỰ HÀO

NĂM 2017, BÊN CẠNH NHỮNG MỐC SON THÀNH CÔNG MỚI, VIETCOMBANK TIẾP TỤC ĐƯỢC CÁC TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ UY TÍN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VINH DANH BẰNG NHỮNG GIẢI THƯỞNG LỚN VÔ CÙNG Ý NGHĨA.

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM

Đây là năm thứ 2 liên tiếp Vietcombank được Tạp chí The Asian Banker (TAB) trao giải thưởng "Ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam". Giải thưởng được trao cho 1 ngân hàng tốt nhất của mỗi quốc gia dựa trên các tiêu chí đánh giá ở 6 khía cạnh: quy mô phát triển, tăng trưởng của bảng cân đối kế toán, quản trị rủi ro, lợi nhuận, chất lượng tài sản và tính thanh khoản.



Đại diện Vietcombank, ông Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT Vietcombank (đứng giữa) nhận Giải thưởng "Ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam" do TAB trao tặng

5 NĂM LIÊN TIẾP THUỘC TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

Vietcombank vinh dự được bình chọn thuộc nhóm 19 công ty sau 5 năm vẫn giữ được vị trí trong danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất của Tạp chí Forbes Việt Nam. Forbes Việt Nam đánh giá: Vietcombank ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng 32,13% nhờ hoạt động huy động vốn và cho vay đều tăng trưởng tốt.



Đại diện Vietcombank, Ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc (giữa) nhận giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng



Đại diện Vietcombank, ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc (giữa) nhận giải thưởng "Thương hiệu ngân hàng tốt nhất Việt Nam"

GIẢI THƯỞNG TỶ LỆ ĐIỆN ĐẠT CHUẨN STP CỦA NGÂN HÀNG DEUTSCHE BANK AG

Ngân hàng Deutsche Bank AG - Ngân hàng đứng đầu nước Đức xét về Tổng tích sản đã trao tặng giải thưởng tỷ lệ điện đạt chuẩn STP (Straight-Through Processing Excellence Award) năm 2016 cho Vietcombank nhằm ghi nhận chất lượng thanh toán xuất sắc bằng đồng USD và EUR của Vietcombank. Vietcombank đã vinh dự nhận được Giải thưởng danh giá này từ Deutsche Bank AG trong nhiều năm liên tiếp và cũng là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được trao tặng giải thưởng đối với mảng thanh toán bằng cả đồng USD và EUR năm 2016.



Đại diện Vietcombank, Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Phó Tổng Giám đốc nhận giải thưởng



Đại diện Vietcombank, Bà Vũ Thị Bích Thu - Trưởng Văn phòng đại diện tại Singapore nhận giải thưởng của The Asian Banker.

GIẢI THƯỞNG THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM

Vietcombank đã vinh dự được tạp chí Asiamoney trao giải thưởng "Thương hiệu ngân hàng tốt nhất Việt Nam" (Best Banking Brand in Vietnam) thuộc gói giải thưởng Best Brands in Finance của Asiamoney. Giải thưởng được đánh giá dựa trên nghiên cứu và bình chọn của các nhà đầu tư tài chính trong cộng đồng tài chính ngân hàng. Đây là năm đầu tiên Asiamoney tổ chức xét giải "Best Brands in Finance" và Vietcombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được trao giải thưởng "Best Banking Brand".

3 GIẢI THƯỞNG QUAN TRỌNG CỦA THE ASIAN BANKER

Vietcombank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được The Asian Banker trao tặng 3 giải thưởng quan trọng trong gói giải thưởng Transaction Banking Awards, gồm: "Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam"; "Ngân hàng quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng ngoại hối tốt nhất Việt Nam". Gói giải thưởng Transaction Banking Awards nhằm vinh danh các đơn vị dẫn đầu trong thị phần, mức độ đa dạng của sản phẩm và hiệu quả kinh doanh.



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

TOP 500 NGÂN HÀNG TOÀN CẦU

Theo đánh giá của Brand Finance, xếp ở vị trí thứ 461 là thương hiệu của Vietcombank với giá trị 201 triệu USD. Bảng xếp hạng 500 thương hiệu ngân hàng trị giá nhất thế giới được Brand Finance thực hiện qua định giá hàng nghìn giao dịch thương hiệu, tài sản vô hình trị giá hàng tỷ USD, công bố thường niên trong ấn bản phát hành tháng 2 của tạp chí uy tín hàng đầu thế giới The Banker.

Name	Strength Rank 2016	ABS00 Rank 2016	Strength Rank (in the country)
Vietnam			
Vietcombank	62	193	1
HSBC Bank (Vietnam)	140	492	2
Vietinbank	182	175	3
Military Commercial Joint Stock Bank	239	371	4
Bank for Investment and Development of Vietnam	253	161	5
Techcombank	270	391	6
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	298	488	7
Ha Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank	311	457	8
Asia Commercial Joint Stock Bank	322	384	9
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	322	389	9
Vietnam Maritime Commercial Stock Bank	350	460	11
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	389	478	12
Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank	393	383	13
Saigon Commercial Bank	453	324	14
Vietcom Export Import Commercial Joint Stock Bank	480	439	15
Saigon Thương Tín Commercial Joint Stock Bank	482	334	16
Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank	499	455	17

DẪN ĐẦU CÁC NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM TRONG DANH SÁCH TOP 500 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT CHÂU Á

Trong danh sách Top 500 Ngân hàng mạnh nhất - Strongest Bank 2016 do Tạp chí tài chính ngân hàng hàng đầu của khu vực châu Á - The Asian Banker bình chọn có 17 NHTM đến từ Việt Nam. Vietcombank được The Asian Banker xếp hạng 1 quốc gia, đứng thứ 62 trong bảng xếp hạng Top 500 với khoảng cách so với ngân hàng xếp hạng thứ 2 tới gần 80 bậc.

NGÂN HÀNG QUẢN LÝ TIỀN MẶT VÀ KINH DOANH VỐN TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM

Theo bảng xếp hạng thường niên các ngân hàng tốt nhất về quản lý tiền mặt và kinh doanh vốn trên toàn cầu do Global Finance - tạp chí uy tín hàng đầu thế giới trong lĩnh vực tài chính công bố, Vietcombank đã xuất sắc vượt qua các ngân hàng trong nước để có mặt trong danh sách 55 quốc gia trên thế giới được vinh danh. Kết quả bình chọn được xác định theo đánh giá khách quan từ các chuyên gia, các lãnh đạo cấp cao của các tập đoàn, doanh nghiệp, các chuyên gia công nghệ và từ kết quả nghiên cứu độc lập của Global Finance.

Global Finance Names The World's Best Treasury & Cash Management Banks and Providers 2017

COUNTRY CONTINUED			
Netherlands	ABN-Nordea Banking	South Africa	Rand Merchant Bank
Nigeria	Ecobank	South Korea	Woori Bank
Norway	Rutube	Spain	BBVA
Peru	CD	Switzerland	UBS
Philippines	Union Bank of the Philippines	Sri Lanka	Fabun
Poland	mBank	Thailand	Kasikornbank
Portugal	Banco BPI	Turkey	Zenit Bank
Puerto Rico	FNB Bank	UAE	Mashreq
Qatar	Qatar National Bank	United Kingdom	Lloyds
Russia	Phosphorbank	United States	BBW Mellon
Saudi Arabia	SAGB	Vietnam	Vietcombank
Singapore	DBS Bank		

NGÂN HÀNG DUY NHẤT LỘT TOP 10 TRONG DANH SÁCH 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Theo khảo sát thường niên được Anphabe và Nielsen công bố về Top 100 công ty có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam 2016, trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng hấp dẫn nhất với thứ hạng không ngừng được cải thiện, tăng mạnh thêm 5 bậc so với năm 2015 để trở thành đơn vị ngân hàng duy nhất có mặt trong Top 10 và tiếp tục dẫn đầu danh sách trong khối ngân hàng.



Danh sách bình chọn 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2016 do Anphabe và Nielsen công bố ngày 22/03/2017. Nguồn ảnh: www.anphabe.com

THƯƠNG HIỆU DUY NHẤT NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM LỘT TOP 1.000 THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU CHÂU Á NĂM 2017

Theo Hãng nghiên cứu thị trường Mỹ Nielsen có hoạt động tại Việt Nam, kết quả Top 1.000 thương hiệu hàng đầu châu Á 2017 do Tạp chí Campaign Asia Pacific (Singapore) công bố cho thấy, Việt Nam vẫn có 11 thương hiệu lọt nhóm 1.000 thương hiệu mạnh của châu Á. Trong số 11 doanh nghiệp Việt Nam lọt vào danh sách này thì Vietcombank là ngân hàng duy nhất được xếp hạng.

STT	CÔNG TY	GIÁ TRỊ (Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)
1	Vinamilk	1.714,8
2	Viettel	849,6
3	Vingroup	299,3
4	Bia Sài Gòn (Sabeco)	254,5
5	Masan Consumer	217,9
6	FPT	176,2
7	Vietcombank	137
8	Vietinbank	134,5
9	Oto Trường Hải	130
10	BIDV	124,32

THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2017

Trong danh sách 40 thương hiệu công ty giá trị nhất năm 2017 do tạp chí Forbes công bố, Vietcombank đã xuất sắc vượt qua các NHTM lớn mà nhà nước giữ cổ phần chi phối để trở thành đại diện xếp thứ hạng cao nhất trong số các ngân hàng có tên trong danh sách được xếp hạng. Trên thị trường nội địa, Forbes đánh giá Vietcombank là "Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam" liên tục trong 5 năm qua với nhận xét tích cực về vai trò dẫn dắt thị trường của cổ phiếu VCB khi liên tục duy trì mức giá cao nhất ngành.



Đại diện Vietcombank nhận giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2017" do Tạp chí Euromoney trao tặng

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 3 NĂM LIÊN TIẾP

Giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2017" do Tạp chí Euromoney trao tặng cho Vietcombank. Đây là giải thưởng thuộc hệ thống giải thưởng danh giá bậc nhất thế giới trong ngành tài chính - ngân hàng, bao gồm trên 20 giải thưởng quốc tế và các giải thưởng Best Bank trao cho các ngân hàng dẫn đầu tại gần 100 quốc gia. Giải thưởng thể hiện sự ghi nhận, khẳng định vị thế của tổ chức được bình chọn trên thị trường.



Đại diện Vietcombank, Bà Vũ Thị Bích Thu - Trưởng Văn phòng đại diện tại Singapore nhận giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" năm 2017 của Tạp chí Alpha SEA

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2017

Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia (Alpha SEA) bình chọn và trao cho các định chế tài chính xuất sắc nhất khu vực được tổ chức định kỳ hàng năm gồm giải thưởng dành cho đơn vị tiêu biểu nhất trong khu vực và giải thưởng dành cho các đơn vị dẫn đầu thuộc các lĩnh vực khác nhau tại mỗi quốc gia. Vietcombank vinh dự được trao giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" năm 2017. Đây cũng là hệ thống giải thưởng đầu tiên và duy nhất tập trung vào khu vực Đông Nam Á.





DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN TỐT NHẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Theo Báo cáo xếp hạng tín nhiệm của Moody's, Vietcombank nhận được những nhận xét tích cực như: Chất lượng tài sản tốt nhất trong các ngân hàng tại Việt Nam, khả năng sinh lời được cải thiện do NIM được cải thiện và xu hướng đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi... Moody's hiện giữ nguyên kết quả xếp hạng tín nhiệm của Vietcombank như tại kỳ đánh giá tháng 7/2016, trên các khía cạnh chính: Định hạng nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ dài hạn (B1); Định hạng tiền gửi nội tệ dài hạn (B1); Định hạng tiền gửi ngoại tệ dài hạn (B2); Đánh giá rủi ro cơ sở (b2); Đánh giá rủi ro cơ sở điều chỉnh (b2); triển vọng ổn định.



NGÂN HÀNG CÓ KHẢ NĂNG SINH LỜI CAO NHẤT TRONG NHÓM CÁC NGÂN HÀNG TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Trong bảng xếp hạng 500 ngân hàng thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Tạp chí tài chính The Asian Banker, về quy mô tài sản, Vietcombank đứng ở vị trí thứ 3 tại thị trường Việt Nam (thứ hạng 188 trong bảng AB500 Rank) nhưng lại được đánh giá cao về khả năng sinh lời khi xếp thứ 48 trong danh sách về Strength Rank, cao nhất trong số các NHTM Việt Nam, cách ngân hàng nội địa xếp ngay sau là 53 bậc và cách ngân hàng nội địa xếp cuối cùng là 451 bậc.

THƯƠNG HIỆU XUẤT SẮC TRONG NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Giải thưởng Thương hiệu xuất sắc thế giới - BrandLaureate Special Edition World 2017 do tổ chức Thương hiệu châu Á Thái Bình Dương (APBF) thực hiện. Nhiều lĩnh vực đã được APBF bình chọn, trao giải gồm: CNTT và Viễn thông; FMCG - Dinh dưỡng - Sữa ; Tài chính - Ngân hàng; Bất động sản, Giáo dục; Ô tô cao cấp; Golf; Nhà hàng - Khách sạn... Vietcombank là ngân hàng nội địa duy nhất tại Việt Nam được bình chọn là Thương hiệu xuất sắc nhất trong ngành Tài chính - Ngân hàng (Brand Excellence in Banking and Financial Services).



Đại diện Vietcombank, Ông Huỳnh Song Hào - Trưởng VPĐD Vietcombank Khu vực phía Nam (thứ 2 từ phải sang) nhận giải thưởng

TOP 2.000 CÔNG TY LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Danh sách Global 2.000 do Tạp chí Forbes công bố gồm các công ty đại chúng lớn và quyền lực nhất thế giới. Các tiêu chí để đánh giá là doanh thu, lợi nhuận, tài sản và giá trị thị trường. Trong bảng xếp hạng, Vietcombank đứng ở vị trí 1.656 với doanh thu 2,1 tỷ USD và thị giá 5,8 tỷ USD. 2000 công ty năm nay đến từ 58 quốc gia, sở hữu 35.300 tỷ USD doanh thu, 2.500 tỷ USD lợi nhuận, 169.100 tỷ USD tài sản và có tổng vốn hóa 48.800 tỷ USD.



GIẢI THƯỞNG TỶ LỆ ĐIỆN ĐẠT CHUẨN STP CỦA NGÂN HÀNG JP MORGAN CHASE

Ngân hàng JP Morgan Chase đã trao tặng Vietcombank giải thưởng tỷ lệ điện đạt chuẩn STP cho năm 2016 với tỷ lệ điện chuẩn đạt gần như tuyệt đối: 98,64% đối với điện chuyển tiền thương mại MT103 và 99,86% đối với điện điều vốn MT202.



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG THANH TOÁN XUẤT SẮC

Ngân hàng Wells Fargo Bank, N.A. đã trao tặng Vietcombank Giải thưởng Chất lượng Thanh toán Xuất sắc cho năm 2016 với tỷ lệ điện đạt chuẩn xử lý tự động cao, tỷ lệ phát sinh tra soát thấp. Vietcombank đã được Wells Fargo Bank, N.A. ghi nhận và trao giải thưởng này trong nhiều năm liên tiếp. Wells Fargo Bank, N.A. là một trong các ngân hàng thương mại đứng đầu nước Mỹ xét về Tổng tích sản và là một trong những ngân hàng đại lý cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ đồng USD lớn nhất thế giới.





DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG



GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



Đại diện Vietcombank, Ông Thomas William Tobin - Giám đốc Khối Bán lẻ (bên trái) nhận giải thưởng "Ngân hàng vì cộng đồng 2017"

NGÂN HÀNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Đánh giá về giải thưởng "Ngân hàng vì cộng đồng 2017" được trao cho Vietcombank, đại diện Ban tổ chức cho biết: Vietcombank đã dành gói tín dụng ưu đãi để hỗ trợ các cơ sở khám chữa bệnh đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị nhằm đẩy mạnh sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính - ngân hàng tại các cơ sở khám chữa bệnh, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ của các bệnh viện.

Giải thưởng do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp với Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG bình chọn.

DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG 4 NĂM LIÊN TIẾP

Bảng xếp hạng "Doanh nghiệp vì Người lao động" được đánh giá dựa trên bộ tiêu chí chặt chẽ do các chuyên gia về lao động và công đoàn xây dựng. Bộ Tiêu chí đảm bảo phản ánh sâu sát tình hình thực tế sử dụng và đãi ngộ người lao động của doanh nghiệp trên mọi khía cạnh. Với số lượng hơn 15 nghìn lao động, bên cạnh việc khuyến khích, động viên để người lao động không ngừng sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Vietcombank luôn tổ chức nhiều chương trình ý nghĩa để nâng cao thể chất, tinh thần đối với người lao động.



Đại diện Vietcombank, ông Trần Phúc Cường - Phó Chủ tịch thường trực Công đoàn Vietcombank nhận giải thưởng "Doanh nghiệp vì Người lao động"

TOP 20 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2016

Bảng xếp hạng "50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam" (Top 50) do Tạp chí Nhip cầu Đầu tư công bố thể hiện kết quả kinh doanh và phản ánh năng lực quản trị của doanh nghiệp trong năm 2016. Vietcombank được bình chọn trong Top 20 và là ngân hàng dẫn đầu trong danh sách các ngân hàng có tên trong bảng xếp hạng này. Đây là lần thứ 6 liên tiếp Vietcombank có tên trong bảng xếp hạng.



Đại diện Vietcombank (hàng đầu, thứ 2 từ phải sang) nhận chứng nhận 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam



Đại diện Vietcombank (thứ 2 từ phải sang) nhận giải thưởng Ngân hàng uy tín nhất năm 2017

NGÂN HÀNG UY TÍN NHẤT NĂM 2017

Vietcombank vinh dự được trao giải thưởng "Ngân hàng uy tín nhất năm 2017" và cũng là ngân hàng đứng đầu trong Top 10 NHTM Việt Nam uy tín nhất do Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietnamNet công bố. Theo Vietnam Report, kết quả bình chọn được xây dựng dựa trên sự tổng hợp các đánh giá về uy tín của ngân hàng từ các phương tiện truyền thông có ảnh hưởng (tính đến ngày 31/5/2017), từ góc nhìn của khách hàng cũng như của các chuyên gia tài chính.



Đại diện Vietcombank, ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng giám đốc Vietcombank nhận giải thưởng ngân hàng nộp thuế doanh nghiệp lớn nhất

NGÂN HÀNG NỘP THUẾ DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT

Trong Top 10, Vietcombank được đánh giá là ngân hàng nộp thuế lớn nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đây là lần thứ 7 Vietcombank được vinh danh trong danh sách này. Hai tiêu chí để Tổng cục Thuế đưa vào danh sách các doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất gồm: Doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định; Mức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định là số thuế đã nộp trong năm 2016.



Ngân hàng số **1** Việt Nam



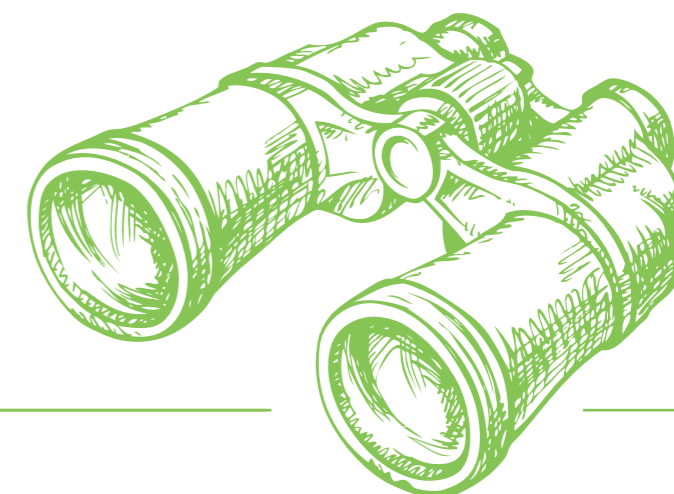
1
trong 100 ngân hàng
lớn nhất khu vực



1
trong 300 tập đoàn
ngân hàng lớn nhất
thế giới và được
quản trị theo các
thông lệ quốc tế tốt
nhất vào năm 2020

**NGÂN HÀNG
CÓ CHẤT LƯỢNG
TÀI SẢN TỐT NHẤT
MOODY'S**

1
MỤC TIÊU





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ VNĐ

Tình hình tài chính	2016	2017
A Tình hình tài chính		
1 Tổng giá trị tài sản	787.935	1.035.293
2 Doanh thu	48.029	58.278
3 Thuế và các khoản phải nộp (Số đã nộp trong kỳ)	2.597	3.262
4 Lợi nhuận trước thuế	8.578	11.341
5 Lợi nhuận sau thuế	6.895	9.111
B Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
1 Quy mô vốn		
1.1 Vốn điều lệ	35.978	35.978
1.2 Tổng tài sản có	787.935	1.035.293
1.3 Tỷ lệ an toàn vốn	11,13%	11,63%
2 Kết quả hoạt động kinh doanh		
2.1 Doanh số huy động tiền gửi	9.561.306	12.653.763
2.2 Doanh số cho vay	1.216.539	1.458.668
2.3 Doanh số thu nợ	1.143.574	1.376.305
2.4 Nợ xấu	6.922	6.209
2.5 Tỷ lệ dư nợ tín dụng/tổng vốn huy động (quy VNĐ)	79,22%	76,74%
2.6 Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	1,13%	0,66%
2.7 Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	1,03%	2,02%
2.8 Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1,45%	1,11%
3 Khả năng thanh toán		
3.1 Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	30,5%	35,9%
3.2 Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- VNĐ	299,4%	155,6%
- USD và Ngoại tệ khác quy USD	79,1%	89,4%

TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017)

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
3.597.768.575	Cổ phần phổ thông	283.678.357	3.314.090.218

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	2.774.353.387	Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."
2	Cổ đông nội bộ	68.329	68.329	
	Hội đồng Quản trị	54.693	54.693	
	Ban Kiểm soát	13.636	13.636	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	539.668.502	539.668.502	
Tổng		3.314.090.218	3.314.090.218	

* Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN ngày 05/12/2014 của NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank, Ông Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, Ông Phạm Quang Dũng - Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	77,11%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	539.668.502	15,00%	1
III	Cổ đông khác	283.746.686	7,89%	24.024
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	56.885.930	1,58%	23.018
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	20.453.273	0,57%	165
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	8.154.414	0,23%	677
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	198.253.069	5,51%	164
Tổng		3.597.768.575	100,00%	24.026

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.774.353.387	77,11%
2	Mizuho Bank. Ltd	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	539.668.502	15,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 29/12/2017 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam - VSD cung cấp)





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOẠI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, VCB đã thực hiện đầu tư thêm/thoái vốn đầu tư:

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Tên đơn vị	Vốn đầu tư 31/12/2017	Vốn đầu tư 31/12/2016	Đầu tư thêm/ (thoái vốn)
1	Công ty TNHH MTV Kiểu hối Vietcombank	30,00	-	30,00
2	Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	70,00	197,65	(127,65)
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	-	123,45	(123,45)



CÔNG TY CON, LIÊN DOANH - LIÊN KẾT

Thông tin chung công ty con

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHO THUÊ TÀI CHÍNH VIETCOMBANK (VCBL)

Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017 của Ngân hàng Nhà nước.

Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê tài chính

Vốn đầu tư (31/12/2017): 500,00 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK (VCBS)

Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 63/GPDC-UBCK ngày 29/12/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán

Vốn đầu tư (31/12/2017): 700,00 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

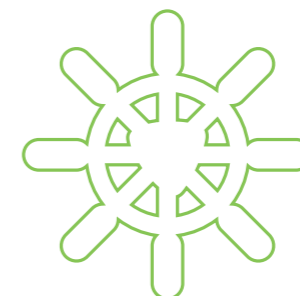


VCBL là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2017, hoạt động kinh doanh của VCBL tiếp tục ổn định và tăng trưởng. Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 85,9 tỷ đồng, vượt 25,2% kế hoạch lợi nhuận được giao. Đây cũng là kết quả tốt nhất trong quá trình hoạt động của Công ty. Dự nợ cho thuê tài chính của VCBL đến 31/12/2017 đạt 3.603,3 tỷ đồng, tăng 21,5% so với năm 2016.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Hoạt động kinh doanh của Công ty khả thuận lợi trong năm 2017 do thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến tích cực. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2017 đạt 177,60 tỷ đồng, vượt 48% kế hoạch.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÔNG TY CON, LIÊN DOANH - LIÊN KẾT

Thông tin chung Công ty con

CÔNG TY TÀI CHÍNH VIỆT NAM TẠI HỒNG KÔNG (VFC)

Giấy phép hoạt động: Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ Tài chính

Vốn đầu tư (31/12/2017): 116,90 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIỀU HỐI VIETCOMBANK (VCBR)

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20/09/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp

Lĩnh vực kinh doanh: Chi trả kiều hối

Vốn đầu tư (31/12/2017): 30,00 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN VIETCOMBANK (VCBM)

Giấy phép hoạt động: Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 do chính quyền bang Nevada cấp ngày 15/06/2009.

Lĩnh vực kinh doanh: Chuyển tiền kiều hối

Vốn đầu tư (31/12/2017): 204,98 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 87,5%

CÔNG TY TNHH CAO ỐC VIETCOMBANK 198 (VCBT)

Giấy phép hoạt động: Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần cuối ngày 11/09/2017 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê văn phòng

Vốn đầu tư (31/12/2017): 70,00 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 70%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Năm 2017, lợi nhuận trước thuế của VFC đạt 12,17 tỷ đồng, vượt 44% kế hoạch.

DOANH SỐ CHI TRẢ DỰ KIẾN NĂM 2018 (TRIỆU USD)



VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Kế hoạch năm 2018 Công ty sẽ phát triển mạng lưới nhân viên chi trả khắp cả nước với doanh số chi trả là 193 triệu USD.

DOANH SỐ NĂM 2017 (TRIỆU USD)



VCBM là công ty cổ phần do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền từ Mỹ về Việt Nam. Công ty đang trong giai đoạn phát triển kinh doanh nên chưa có lãi. Trong năm 2017, VCBM tiếp tục mở rộng mạng lưới thông qua xin giấy phép hoạt động tại các bang và phát triển hệ thống đại lý. Tính đến cuối năm 2017, Công ty đã triển khai được 02 phòng giao dịch và 119 đại lý và có giấy phép hoạt động tại 18 bang của Mỹ. Doanh số của VCBM năm 2017 đạt 103,9 triệu USD, tăng 35% so với năm 2016 và dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2018.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên năm 2017 Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 87,1 tỷ đồng, vượt 21,6% kế hoạch.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÔNG TY CON, LIÊN DOANH - LIÊN KẾT

Thông tin chung Công ty liên doanh – liên kết

CÔNG TY TNHH VIETCOMBANK – BONDAY– BẾN THÀNH (VBB)

Giấy phép hoạt động: Số 2458/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.

Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê văn phòng

Vốn đầu tư (31/12/2017): 410,36 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 52%

CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK (VCBF)

Giấy phép hoạt động: Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 06/08/2015.

Lĩnh vực kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư

Vốn đầu tư (31/12/2017): 135,15 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 51%

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETCOMBANK–CARDIF (VCLI)

Giấy phép hoạt động: Số 55/GP do BTC cấp ngày 23/10/2008.

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ

Vốn đầu tư (31/12/2017): 270,00 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 45%

CÔNG TY LIÊN DOANH VIETCOMBANK BONDAY (VCBB)

Giấy phép hoạt động: Số 283/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 05/12/1991; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 02/10/2000.

Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê văn phòng

Vốn đầu tư (31/12/2017): 11,11 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 16%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

 **135,56**
↑ TĂNG 81% SO VỚI KẾ HOẠCH

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng cao cấp (hạng A), đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Tính đến hết năm 2017, 100% diện tích có thể cho thuê của tòa nhà đã được lấp đầy. Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 135,56 tỷ đồng, vượt 81% kế hoạch.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

 **10,5**
↑ TĂNG SO VỚI KẾ HOẠCH ĐỀ RA

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 10,5 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra do các nguồn thu chính của Công ty được cải thiện trong khi chi phí được tiết kiệm. Hầu hết các danh mục đầu tư ủy thác được VCBF quản lý đều đạt kết quả tốt và vượt mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, hai quỹ mới của VCBF cũng đạt được các kết quả ấn tượng, cụ thể: Giá trị tài sản ròng (NAV)/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng chiến lược VCBF tăng 31,3% và Giá trị tài sản ròng/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF tăng 37,4% trong năm 2017.

TỔNG DOANH THU (TỶ VNĐ)

 **276,16**
↑ TĂNG 76,2% SO VỚI NĂM 2016

VCLI là công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ của Vietcombank, BNP Paribas Cardif và SeAbank với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 45%; 43% và 12%, chuyên về phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng (bancassurance). Hiện tại, Công ty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như: Bảo hiểm tín dụng cá nhân; Bảo hiểm tín dụng nhóm; Bảo hiểm tín dụng cho hai người đồng vay, Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp,...

Năm 2017, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược kinh doanh trung hạn đến năm 2020, theo đó, trong năm 2017, Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng, mở rộng mạng lưới tư vấn viên tài chính bán bảo hiểm (FC) tại hệ thống VCB. Nhờ vậy, Công ty đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng với tổng doanh thu phí năm 2017 là 276,16 tỷ đồng, tăng 76,2% so với năm 2016. Do tăng cường đầu tư vào mô hình tư vấn tài chính nên chi phí hoạt động lớn dẫn tới Công ty bị lỗ trước thuế năm 2017 là -3,3 tỷ đồng. Dự kiến tới năm 2020 sẽ thoát lỗ và bắt đầu có lãi trở lại với lợi nhuận kế hoạch là 38 tỷ đồng.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

 **39,4**
↑ TĂNG 33,8% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2017

VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty điều hành Tòa nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động trên lĩnh vực cho thuê văn phòng.

Năm 2017, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 39,4 tỷ đồng, vượt 33,8% kế hoạch năm 2017.

(Ghi chú: Số liệu tài chính của các Công ty trên là số liệu đã kiểm toán năm 2017).





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017



TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)

1.035.293

↑ TĂNG 31,39% SO VỚI NĂM 2016

HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC ĐỀ RA TRONG NĂM 2017

XUẤT PHÁT TỪ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG ĐÚNG ĐẮN TRONG PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, TRONG NĂM 2017 VIETCOMBANK ĐÃ HOÀN THÀNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH DO ĐHCĐ GIAO ĐỐI VỚI CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH TRỌNG YẾU:



VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)

52.558

↑ TĂNG 9,16% SO VỚI NĂM 2016

Tổng tài sản tăng mạnh và Vốn chủ sở hữu tăng tốt hơn kế hoạch 2017

- ◆ Tổng tài sản đạt 1.035.293 tỷ đồng, tăng 31,39% so với năm 2016.
- ◆ Vốn chủ sở hữu đạt 52.558 tỷ đồng, tăng 9,16% so với năm 2016, trong đó lợi nhuận chưa phân phối đạt 8.715 tỷ đồng.

Huy động vốn tăng trưởng đúng định hướng: Rút giảm giảm huy động vốn lãi suất cạnh tranh; Gia tăng tỷ trọng nguồn vốn không kỳ hạn và nguồn vốn ngoại tệ.

- ◆ Huy động vốn từ nền kinh tế bao gồm cả phát hành GTCG đạt 726.734 tỷ đồng, tăng 20,97% so



HUY ĐỘNG VỐN (TỶ ĐỒNG)

726.734

↑ TĂNG 20,97% SO VỚI NĂM 2016

với năm 2016, vượt kế hoạch đã đặt ra trong năm 2017. Trong đó, huy động vốn tăng đều ở cả TCKT (20,12%) và cá nhân (19,9%).

- ◆ Cơ cấu nguồn vốn huy động được duy trì phù hợp với định hướng của Vietcombank (tỷ trọng huy động vốn từ TCKT/cá nhân tương ứng là 44,67%/55,33%).
- ◆ Huy động vốn không kỳ hạn tăng 27,8% so với cuối 2016 (chiếm tỷ trọng 29,92% tổng nguồn vốn).
- ◆ Huy động vốn ngoại tệ đạt 135.551 tỷ đồng, tăng 18,98% so với năm 2016, chiếm tỷ trọng 18,65% tổng huy động vốn từ nền kinh tế (có bao gồm giấy tờ có giá), vượt kế hoạch năm 2017.





ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



HOẠT ĐỘNG THẺ TIẾP TỤC GIỮ VỮNG VỊ TRÍ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG. CÁC HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ CỦA VIETCOMBANK ĐỀU TĂNG TRƯỞNG MẠNH SO VỚI NĂM 2016. NHIỀU CHỈ TIÊU CÓ MỨC TĂNG TRƯỞNG MẠNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH NĂM 2017.

DƯ NỢ TÍN DỤNG
557.688
↑ TĂNG 17,19% SO VỚI NĂM 2016

Tín dụng tăng trưởng tốt ngay từ các tháng đầu năm; Cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo đúng định hướng: giảm dư nợ bán buôn hiệu quả thấp, mở rộng tín dụng bán lẻ, tăng tín dụng bán lẻ tại PGD

- ◆ Dư nợ tín dụng tăng trưởng tốt, đạt 557.688 tỷ đồng, tăng 17,19% so với cuối năm 2016, hoàn thành kế hoạch năm 2017 và nằm trong mức kiểm soát của NHNN. Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn được kiểm soát, tỉ trọng dư nợ trung dài hạn được giữ ở mức 43,05% tổng dư nợ.
- ◆ Thực hiện định hướng gia tăng tỷ trọng tín dụng bán lẻ và giảm dần tín dụng bán buôn, tín dụng cho TCKT đã tăng trưởng chậm lại (6,19%) trong khi tín dụng thẻ nhân tăng mạnh ở mức 52,65%.
- ◆ Dư nợ cho vay tại Phòng giao dịch đạt 81.352 tỷ đồng, tăng 58,3% so với năm 2016, chiếm tỷ trọng 14,59% tổng dư nợ tín dụng của Vietcombank năm 2017.

Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ; Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng

- ◆ Chất lượng tín dụng được cải thiện đáng kể. Dư nợ nhóm 2 tại 31/12/2017 ở mức 4.783 tỷ đồng, giảm 2.637 tỷ đồng so với cuối 2016 (giảm ~35,54%). Tỷ lệ nợ nhóm 2: 0,86%, giảm 0,7 điểm % so với 2016.
- ◆ Dư nợ xấu nội bảng tại 31/12/2017 ở mức 6.208 tỷ đồng, giảm 714,4 tỷ đồng so với 2016 (giảm ~10,32%). Tỷ lệ nợ xấu: 1,11%, giảm 0,34 điểm % so với cuối 2016, thấp hơn mức khống chế kế hoạch (1,5%).
- ◆ Dư quỹ dự phòng rủi ro 8.113 tỷ đồng, tỷ lệ quỹ DPRR/nợ xấu duy trì ở mức cao (~130,69%).
- ◆ Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.185 tỷ đồng, đạt kế hoạch đề ra trong năm 2017.

Hoạt động dịch vụ tăng trưởng khả quan trên các mảng kinh doanh ngoại tệ, tài trợ thương mại, dịch vụ thẻ, và dịch vụ ngân hàng hiện đại

- ◆ Doanh số thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại đạt 69,4 tỷ USD, tăng 28,4% so với năm 2016; thị phần cải thiện lên mức 16,34% từ mức 15,47% của năm 2016. Dịch vụ chuyển tiền kiều hối đạt 1,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ 2016.
- ◆ Vị thế dẫn đầu thị trường kinh doanh và dịch vụ ngoại tệ tiếp tục được giữ vững. Doanh số mua bán ngoại tệ (không bao gồm giao dịch liên ngân hàng) đạt 45,1 tỷ USD, tăng 27,2% so cùng kỳ, đạt 120,3% kế hoạch 2017.
- ◆ Hoạt động thẻ tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường: (i) Doanh số thanh toán thẻ tăng 31,67% so với cùng kỳ; (ii) Số lượng phát hành thẻ tín dụng quốc tế tăng 1,35% so với cùng kỳ; (iii) Doanh số sử dụng thẻ tăng 24,18% so với cùng kỳ; (iv) Mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ tăng thêm 11.773 đơn vị.
- ◆ Dịch vụ Online Banking và SMS chủ động có mức tăng trưởng khá, thực hiện kế hoạch tương ứng ở mức 123,8% và 135,5%.
- ◆ Hoạt động vốn tín dụng quốc tế tiếp tục được chú trọng phát triển. Năm 2017, tổng giá trị các dự án ODA mới Vietcombank được giao làm ngân hàng phục vụ đạt 790,65 triệu USD; trong bối cảnh nguồn vốn này đang thu hẹp thì Vietcombank vẫn tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng đầu trong việc phục vụ các dự án vốn vay ODA.

Tỷ suất sinh lời tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, lợi nhuận trước thuế vượt mức 10.000 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2016

- ◆ Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân ROAA và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân ROAE: đạt tương ứng là 1,0% và 18,09%, tăng so với năm 2016 (Năm 2016, ROAA đạt 0,94%, ROAE đạt 14,78%).
- ◆ Thu nhập thuần từ lãi tăng 18,37% so với năm 2016; thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 20,51% so với năm 2016.
- ◆ Tỷ lệ chi phí quản lý/tổng thu nhập: ~40,35%, giảm so với năm 2016.
- ◆ Tỷ trọng thu ngoài lãi/tổng thu nhập: ~25,4%.
- ◆ Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) duy trì ở mức 2,66%.
- ◆ Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 11.341 tỷ đồng, tăng 32,21% so với năm 2016, vượt kế hoạch năm 2017.

VCB tiếp tục là TCTD có mức vốn hóa lớn nhất thị trường, hệ số an toàn vốn trong giới hạn an toàn

- ◆ Cổ phiếu VCB tiếp tục có mức giá cao nhất ngành, liên tục nằm trong top 3 doanh nghiệp có mức vốn hóa lớn nhất thị trường. Giai đoạn 2016 - 2017, giá chứng khoán sau điều chỉnh của Vietcombank tăng 56,49% trong khi chỉ số VNI tăng 48,03%.
- ◆ Hệ số an toàn vốn (CAR) ở mức 11,63%, đáp ứng qui định của NHNN.

LỢI NHUẬN THUẦN TRƯỚC DPRR (TỶ ĐỒNG)
17.540
↑ TĂNG 17,35% SO VỚI NĂM 2016





TỔNG TÀI SẢN

1.035.293

TỶ ĐỒNG

1

mục tiêu trở thành Ngân hàng số một tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2017

VỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG SỐ MỘT TẠI VIỆT NAM, MỘT TRONG 100 NGÂN HÀNG LỚN NHẤT KHU VỰC, MỘT TRONG 300 TẬP ĐOÀN NGÂN HÀNG TÀI CHÍNH LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ ĐƯỢC QUẢN TRỊ THEO CÁC THÔNG LỆ QUỐC TẾ TỐT NHẤT VÀO NĂM 2020; TRONG NĂM 2017, VIETCOMBANK ĐÃ VÀ ĐANG TIẾP TỤC TẠO RA NHỮNG BƯỚC ĐI ĐỘT PHÁ



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Tích cực triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN

- ◆ Chủ động và đi đầu thị trường để chia sẻ, hỗ trợ khách hàng vay vốn thông qua việc giảm lãi suất cho vay và triển khai các chương trình lãi suất cạnh tranh.
- ◆ Tích cực triển khai các chương trình cho vay đối với 05 lĩnh vực ưu tiên, các chính sách hỗ trợ tín dụng cho khách hàng bị ảnh hưởng, thiệt hại do bão lụt tại các tỉnh Miền Trung, rét đậm rét hại tại các tỉnh miền núi phía Bắc, và sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ...

Điều hành công tác huy động vốn linh hoạt, hài hòa với với mục tiêu tăng trưởng tín dụng đồng thời tiết giảm chi phí vốn

- ◆ Rút giảm các chương trình khuyến mại/ưu đãi lãi suất huy động vốn; giảm dần phạm vi huy động các khoản tiền gửi có lãi suất cạnh tranh cao so với mặt bằng thị trường.
- ◆ Tăng cường phát triển, mở rộng tài khoản chuyên thu cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, bảo hiểm, kho bạc. Tính đến cuối 2017, đã có 246 đơn vị KBNN mở tài khoản chuyên thu, tài khoản thanh toán VND tại Vietcombank.

Củng cố danh mục tín dụng theo đúng định hướng chiến lược; Kiểm soát chặt chất lượng tín dụng

- ◆ Tiếp tục tăng trưởng tín dụng đối với doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, các khoản tín dụng có tài sản bảo đảm và có tính thanh khoản tốt; thay đổi cơ cấu tín dụng thông qua ưu tiên tăng trưởng tín dụng ngắn hạn, tín dụng bán lẻ và tín dụng tại các Phòng giao dịch.
- ◆ Rút giảm dư nợ đối với doanh nghiệp có tình hình tài chính suy giảm, các doanh nghiệp có dư nợ lãi suất thấp và hiệu quả tổng thể không cao, các khách hàng là công ty cổ phần, công ty TNHH có tính chất sở hữu tư nhân, gia đình sở hữu mà có tỷ lệ tài sản bảo đảm thấp.
- ◆ Hạn chế cho vay trung dài hạn cho các nhóm khách hàng không sử dụng kèm các dịch vụ ngân hàng.
- ◆ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng tại Chi nhánh; đẩy mạnh công tác phân tích dự báo rủi ro tín dụng theo ngành, từ đó có định hướng tín dụng phù hợp; quán triệt tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định của Vietcombank về cấp tín dụng.



Kịp thời ghi nhận và xử lý các khó khăn vướng mắc phát sinh của các Đơn vị thành viên; Tích cực thu hồi nợ ngoại bảng

- ◆ Ban lãnh đạo Vietcombank thường xuyên tổ chức đoàn công tác tại 7 vùng kinh tế để đôn đốc thực hiện kế hoạch của các Chi nhánh đồng thời ghi nhận và xử lý kịp thời khó khăn vướng mắc để thúc đẩy kinh doanh.
- ◆ Phân công thành viên Ban lãnh đạo phụ trách để tăng cường đôn đốc chỉ đạo công tác xử lý thu hồi nợ đối với các Chi nhánh.

Thoái vốn tại một số TCTD và đẩy nhanh kế hoạch tăng vốn nhằm nâng cao năng lực tài chính

- ◆ Thực hiện thành công phương án tăng vốn cấp II để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN và cải thiện khả năng đáp ứng tiêu chuẩn Basel II của Vietcombank.
- ◆ Được Chính phủ và NHNN phê chuẩn phương án tăng vốn cấp I với quy mô tương đương 10% vốn điều lệ và khẩn trương triển khai công tác tăng vốn trong năm 2018.
- ◆ Thoái vốn theo lộ trình tại một số định chế tài chính CFC, SGB và OCB với kết quả khả quan.

Kiểm toàn quy trình, quy chế nội bộ, nâng cao chất lượng dịch vụ

- ◆ Ban hành mới nhiều quy trình, quy chế nội bộ như: Quy định cho vay đối với khách hàng; Quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng... Kiểm toàn các quy trình, quy chế nội bộ như Chính sách bảo đảm tín dụng; quy trình tín dụng dành cho khách hàng bán buôn, khách hàng SMEs...
- ◆ Ban hành và áp dụng đồng bộ một loạt các cơ chế quản trị quan trọng như: Quy chế sắp xếp lại lao động trong hệ thống, Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền quản lý Trưởng PGD và số lượng cán bộ tín dụng tại PGD; Triển khai xây dựng/sửa đổi các Quy trình/Quy chế: Quy chế luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ trong hệ thống Vietcombank...
- ◆ Thực hiện nhiều dự án, chương trình quản lý chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng: Dự án Xây dựng và đo lường Cam kết chất lượng dịch vụ nội bộ SLA, dự án Khách hàng bí mật, khảo sát chuyên sâu ý kiến của khách hàng CSI, rà soát ban hành Bộ tiêu chuẩn Chất lượng dịch vụ khách hàng...





ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán trên toàn hệ thống

Hoàn thành các kế hoạch kiểm tra, kiểm toán năm 2017 đồng thời thực hiện một số cuộc kiểm toán đột xuất tại các Chi nhánh và kiểm toán theo chuyên đề, tập trung vào các đơn vị và quy trình hoạt động tiềm ẩn rủi ro; kiểm toán các công ty con, kiểm toán các Phòng/Ban tại TSC đặc biệt là các phòng thuộc khối quản trị rủi ro.

Mô hình tổ chức và nhân sự được cơ cấu lại phù hợp với chiến lược trung và dài hạn, đẩy mạnh phát triển mạng lưới Chi nhánh và Phòng giao dịch

- ◆ Chuẩn hóa mô hình tổ chức, bổ sung chức năng nhiệm vụ các Phòng, Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn; thành lập các Bộ phận Quản lý bán vùng tại khu vực miền Trung và miền Nam; chuẩn hóa chức năng của Chi nhánh, tập trung vào công tác bán hàng và quản trị rủi ro.
- ◆ Sắp xếp lại và tinh giản lao động; thực hiện công tác luân chuyển cán bộ từ Trụ sở chính về Chi nhánh; đề bạt, bổ nhiệm và điều động nhân sự để đáp ứng sự thay đổi của mô hình tổ chức, môi trường kinh doanh và cải thiện năng suất lao động.
- ◆ Tiếp tục mở rộng mạng lưới trong và ngoài nước: mở rộng mạng lưới Chi nhánh và Phòng giao dịch; thành lập Trung tâm xử lý tiền mặt; thành lập Công ty Kiều hối; chuẩn bị thành lập Ngân hàng con tại Lào và Chi nhánh tại Úc. Sắp xếp lại mạng lưới PGD tại khu vực Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh.

Kết quả triển khai Đề án phát triển VCB đến năm 2020

Đề án, tiểu đề án, chương trình hành động Khối được xây dựng và triển khai mạnh mẽ

- ◆ Trong năm 2017, trên cơ sở Đề án phát triển của VCB đến năm 2020, căn cứ Nghị quyết 42, Đề án cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch hành động của Ngành Ngân hàng, VCB đã xây dựng và được NHNN phê duyệt Phương án



cơ cấu lại VCB đến năm 2020 gắn với xử lý nợ xấu với các giải pháp cụ thể nhằm củng cố, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực tài chính và năng lực quản trị, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

- ◆ Quán triệt và triển khai đồng bộ các tiểu Đề án (gồm Đề án CNTT, Dịch vụ, Đầu tư, Nguồn nhân lực) và các Chương trình hành động của các Khối (Bán buôn, Bán lẻ, Vốn và Tài chính).
 - ◆ Các tiểu đề án, chương trình hành động của các khối đã bám sát mục tiêu và được triển khai đúng tiến độ, đạt được những kết quả quan trọng ban đầu và đóng góp vào kết quả kinh doanh năm 2017, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Vietcombank thời gian tới.
- Đề án phát triển Chi nhánh
- ◆ Ban hành và triển khai Đề án phát triển Chi nhánh đến 2020 cho 49 Chi nhánh có quy mô nhỏ, thị phần tại địa bàn chưa tương xứng với tiềm năng.
 - ◆ Năm 2017, các Chi nhánh thuộc diện thực hiện Đề án phát triển Chi nhánh đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Thị phần huy động vốn và tín dụng, việc phát triển khách hàng mục tiêu... đều có bước phát triển đáng kể.

Đẩy mạnh triển khai các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị

- ◆ Trong năm 2017, các dự án nâng cao năng lực quản trị được triển khai tích cực, từng bước áp dụng vào



hoạt động kinh doanh: (i) Chương trình Basel II: Triển khai 24/37 sáng kiến với mục tiêu đảm bảo là ngân hàng tiên phong trong việc tuân thủ các quy định và mốc thời gian theo yêu cầu của NHNN. Đến nay, phần lớn sáng kiến triển khai đã có kết quả ứng dụng trong hoạt động quản trị - kinh doanh; (ii) Chương trình CTOM: Triển khai 22/24 sáng kiến, trong đó đang triển khai giai đoạn 1 tại một số Chi nhánh cho 6 sáng kiến cốt lõi (về chuyển đổi mô hình tổ chức, mô hình bán, mô hình phê duyệt tín dụng). Dự án CLOS đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và chính thức khởi động vào tháng 9/2017; (iii) Dự án đầu tư đổi mới hệ thống Corebanking: Tiếp tục quyết liệt triển khai các cấu phần của dự án, đồng thời huy động một lực lượng đáng kể nhân lực cho triển khai dự án...

Tăng cường các hoạt động hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật với Mizuho

- ◆ Vietcombank và Mizuho khẳng định cam kết tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác chiến lược lâu dài giữa hai ngân hàng thông qua việc tiếp tục ký kết các Hợp đồng Hợp tác Chiến lược bao gồm Hợp đồng

sửa đổi của Hợp đồng Mua cổ phần năm 2011 và Hợp đồng Hỗ trợ Kỹ thuật mới (thay thế bản đã ký).

- ◆ Các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Mizuho tiếp tục đi vào chiều sâu, bám sát thực tiễn hoạt động và đề án phát triển của Vietcombank. Năm 2017, Vietcombank phối hợp với Mizuho thực hiện 16 phiên hỗ trợ kỹ thuật trong các mảng sau: Mô hình chi nhánh hiện đại; Tăng thu ngoài lãi; Phòng chống Rửa tiền; Chuyển đổi mô hình kiểm toán khi tham gia Basel II; Quản lý nợ; Chức năng nghiên cứu thị trường cho công ty chứng khoán;...
- ◆ Ngoài tổ chức các phiên hỗ trợ kỹ thuật chính thức, Mizuho đã chia sẻ các tài liệu nghiên cứu chuyên sâu, quy trình nội bộ của Mizuho với các Phòng/Ban/ Trung tâm liên quan tại Vietcombank bao gồm: Tài liệu về quản trị chất lượng dữ liệu; Phân bổ chi phí; Quy trình phê duyệt tín dụng; Tài liệu liên quan đến phân cấp thẩm quyền phê duyệt đối với nhóm khách hàng (DoA)...





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

VIỆT NAM LÀ MỘT TRONG NHỮNG QUỐC GIA CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ NHẤT CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA TOÀN XÃ HỘI. NHẬN THỨC RÕ ĐIỀU ĐÓ, NĂM 2015, VCB ĐÃ NGHIÊM TÚC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 03/CT-NHNN NGÀY 24/03/2015 CỦA THỐNG ĐỐC NHNN VỀ THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG XANH VÀ QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI, QUYẾT ĐỊNH SỐ 403/QĐ-TTg NGÀY 20/03/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2014 - 2020 CŨNG NHƯ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC CÓ LIÊN QUAN CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Nhận thức rõ điều đó, năm 2017, VCB đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội, Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, Vietcombank thực hiện đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Vietcombank đưa ra yêu cầu chủ đầu tư các dự án được xem xét cấp tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội, đồng thời thường xuyên, định kỳ kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng. Đối với một số dự án đầu tư có nguy cơ tác động đến môi trường, hoặc một số dự án trong lĩnh vực thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí,... chủ đầu tư phải cung cấp các báo cáo đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật có liên quan như Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Khoáng sản, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT...

Không dừng lại ở đó, Vietcombank chú trọng truyền thông về trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường của tổ chức tín dụng để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của khách hàng.

Chính sách liên quan đến người lao động

Trong những năm qua, Ban lãnh đạo Vietcombank luôn quan tâm, chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực. Với mục tiêu xây dựng chính sách đãi ngộ tối ưu cho người lao động, Vietcombank từng bước cải thiện, nâng cao thu nhập của cán bộ, góp phần nâng cao sự gắn bó, niềm tin của cán bộ đối với Vietcombank. Đồng thời, luôn tạo điều kiện để người lao động được phát huy năng lực, mở rộng cơ hội thăng tiến trong công việc, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động.

Cụ thể như sau:

Người lao động được đảm bảo việc làm ổn định:

- ◆ Năm 2017, lao động của Vietcombank được tiếp tục tăng so với cuối năm 2016. Tổng số lao động đến 31/12/2017 là 16.227 người.
- ◆ Toàn thể người lao động tại Vietcombank đều được ký hợp đồng lao động phù hợp, đúng quy định của Pháp luật.
- ◆ Thời gian làm việc cho người lao động 8h/ngày, 5 ngày trong một tuần. Vietcombank bảo đảm chế độ nghỉ phép năm, nghỉ các ngày lễ, Tết, nghỉ việc riêng của người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, nghỉ thai sản, ốm đau theo đúng quy định tại Luật BHXH.
- ◆ Việc tuyển dụng có quy chế rõ ràng, mỗi đợt thi tuyển đều do Hội đồng thi tuyển thực hiện theo quy chế đảm bảo trung thực, khách quan nên cán bộ được tuyển dụng đều có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công tác được giao, đáp ứng được yêu cầu công việc. Người lao động mới tuyển được đảm bảo đúng quy định về thời gian thử việc và chế độ trả lương trong thời gian thử việc.
- ◆ Việc tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định trong Bộ Luật lao động. Người lao động có nguyện vọng xin nghỉ hưu trước tuổi cũng được tạo điều kiện thuận lợi.

Xây dựng cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ đảm bảo quyền lợi của người lao động:

Trong thời gian qua, cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao động của VCB đã từng bước tiệm cận với thị trường trong khu vực và trên thế giới, cụ thể như sau:

Về cơ chế tiền lương

Về cơ bản, cơ chế lương của Vietcombank đã được xây dựng trên nguyên tắc cấu trúc ngạch/bậc phù hợp để phân biệt các chức danh/vị trí công việc tương xứng với giá trị đóng góp trong ngân hàng, mang tính công bằng và cạnh tranh với thị trường, giảm bớt và tiến tới loại bỏ yếu tố thâm niên trong việc xếp lương. Theo đó, tiền lương của người lao động được chia thành hai phần:





ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- ♦ **Tiền lương cố định:** Được xác định theo ngạch/bậc phù hợp với vị trí công việc chuyên môn đảm nhận. Người lao động sẽ được trả lương theo vị trí công việc, theo mức độ cống hiến, không phụ thuộc vào thâm niên công tác.
- ♦ **Tiền lương hiệu quả:** Được xác định theo kết quả đánh giá hoàn thành công việc được đo lường bằng các chỉ tiêu KPIs, xóa bỏ tình trạng cào bằng, khuyến khích người lao động phấn đấu đạt kết quả công việc tốt. Vietcombank đã hoàn thành việc thiết kế, xây dựng Bộ chỉ tiêu KPIs cho cấp đơn vị (Phòng/Ban, Chi nhánh) và cấp cá nhân. Hiện nay, Bộ chỉ tiêu KPIs đã phát huy tốt vai trò đo lường mức độ hoàn thành công việc của người lao động một cách khách quan, là căn cứ chính xác để phân phối thu nhập cho người lao động.

Vietcombank đã xây dựng cơ chế lương chuyên gia, với mức lương rất cạnh tranh đối người lao động có trình độ cao nhằm tuyển dụng được lao động cần thiết cho một số lĩnh vực đặc thù, các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị và hoạt động.

Vietcombank áp dụng cơ chế linh hoạt và giao quyền chủ động cho Trưởng các Đơn vị trong việc rà soát, sắp xếp lương của người lao động theo năng lực, số lượng, chất lượng hoàn thành công việc. Việc nâng lương

được thực hiện dựa trên mức độ đánh giá hoàn thành công việc của người lao động. Đối với các cán bộ có thành tích đặc biệt xuất sắc, có sáng kiến và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả cao, được Ban lãnh đạo Vietcombank khen thưởng sẽ được nâng bậc lương vị trí công việc trước hạn.

VỀ CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ

Vietcombank thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Hiện nay, Vietcombank đã thực hiện việc đóng Bảo hiểm xã hội cho 100% người lao động ký Hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các chế độ Bảo hiểm xã hội như thai sản, ốm đau,... cho người lao động. Đối với các trường hợp nghỉ chế độ hưu trí, thai sản, thương tật, bệnh hiểm nghèo hoặc phẫu thuật, ngoài các chế độ được hưởng từ Bảo hiểm xã hội, Vietcombank cũng thực hiện chi trả bổ sung nhằm hỗ trợ về tài chính cho người lao động.

Ngoài ra, Vietcombank đã thực hiện mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cũng như tổ chức kiểm tra khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Đặc biệt, từ năm 2017, Vietcombank đã kết hợp với các cơ sở y tế có uy tín thực hiện khám tầm soát phát hiện sớm ung thư cho người lao động.



TỔNG TÀI TRỢ AN SINH XÃ HỘI NĂM 2017

132,5
TỶ ĐỒNG

Đồng thời, Vietcombank cũng tích cực xây dựng các chương trình đào tạo trong và ngoài nước cho người lao động để nâng cao năng lực chuyên môn của mỗi cá nhân, qua đó, tạo sự gắn kết giữa người lao động với Vietcombank.

Như vậy, cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao động đã được Vietcombank thực hiện nghiêm túc, góp phần tạo nguồn lao động có chất lượng cao, làm nên giá trị thương hiệu bền vững của Vietcombank.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Vietcombank luôn tích cực trong công tác an sinh - xã hội vì cộng đồng; đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội. Năm 2017, Vietcombank đã tài trợ các chương trình an sinh xã hội với giá trị thực hiện ~132,5 tỷ đồng, bao gồm các chương trình xây dựng trường học, trạm y tế, nhà cho người nghèo, người có công, khắc phục hậu quả thiên tai...





ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

KINH TẾ THẾ GIỚI 2018 DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN VÀ ĐẠT MỨC 3,9% (IMF); LẠM PHÁT VẪN TRONG TẦM KIỂM SOÁT. TUY NHIÊN, RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ NGUY CƠ CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI CÓ CHIỀU HƯỚNG GIA TĂNG. BÊN CẠNH ĐÓ, THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH THẾ GIỚI CÓ THỂ CHỊU TÁC ĐỘNG BỞI XU HƯỚNG ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH BÌNH THƯỜNG HÓA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ Ở CÁC NỀN KINH TẾ CHỦ CHỐT (MỸ, ANH, EU...).

Kinh tế Việt Nam trong đà tăng trưởng tích cực, khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% trong khi lạm phát trong tầm kiểm soát dưới mục tiêu 4%. Hoạt động xuất nhập khẩu dự báo vẫn khả quan, đầu tư FDI thuận lợi. Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế tiếp tục được đẩy mạnh. Chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt; định hướng tín dụng tập trung vào khu vực sản xuất hạn chế vào các lĩnh vực rủi ro cao. Chính phủ và NHNN chỉ đạo giảm lãi suất, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Ngành ngân hàng đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ, phù hợp với xu hướng phát triển tài chính hiện đại.

Tiếp tục phương châm hành động **Chuyển đổi – Hiệu quả – Bền vững** và quan điểm điều hành **Đổi mới – Kỳ cương – Trách nhiệm**, toàn hệ thống Vietcombank nỗ lực đẩy mạnh các mảng hoạt động, thực hiện thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018
1	Tổng tài sản	Tăng ~14%
2	Huy động vốn từ nền kinh tế	Tăng ~15%
3	Dư nợ tín dụng	Tăng ~15%
4	Tỉ lệ Nợ xấu	< 1,5%
5	Lợi nhuận trước thuế	13.300 tỷ đồng

13.300 TỶ ĐỒNG
TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2018





NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

Tập trung triển khai Ba trụ cột trọng tâm trong hoạt động kinh doanh năm 2018: Dịch vụ, Bán lẻ, Kinh doanh vốn và đầu tư

Đối với hoạt động dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng nguồn thu phí, nâng tỷ trọng thu dịch vụ (bao gồm phí và kinh doanh ngoại tệ) trong tổng thu nhập hoạt động

- ◆ Khối Bán buôn: (i) Xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhiều tiềm năng như dịch vụ quản lý dòng tiền, dịch vụ liên quan tới thị trường nợ, sản phẩm cho vay hợp vốn, dịch vụ lưu ký chứng khoán; (ii) Xây dựng hệ thống kiểm soát việc thu phí, cơ chế thẩm quyền phê duyệt và cài đặt việc miễn/giảm phí.
- ◆ Khối Bán lẻ: (i) Đưa ra các sản phẩm trọn gói bán gộp/bán kèm với các khách hàng cá nhân là chủ doanh nghiệp; (ii) Triển khai các giải pháp thu phí tự động, quản lý thu phí, thu phí theo gói dịch vụ.

Mở rộng và phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử

- ◆ Phát triển các kênh bán hàng theo hướng chuyển dần lượng giao dịch sang kênh điện tử.
- ◆ Phát triển các dịch vụ hợp tác với đối tác thứ ba; đề xuất mở rộng mô hình hợp tác Fintech trong các lĩnh vực tiềm năng.
- ◆ Mở rộng mạng lưới đối tác chấp nhận thanh toán thẻ/DVNHT của Vietcombank.
- ◆ Xây dựng và triển khai dự án chuyển đổi ngân hàng số, nghiên cứu ứng dụng công nghệ 4.0 để phát triển dịch vụ ngân hàng thông minh.

Cải tiến chất lượng dịch vụ TTQT – TTTM

- ◆ Hỗ trợ Chi nhánh trong công tác bán hàng: chú trọng theo dõi, hỗ trợ, tạo điều kiện, kịp thời có giải pháp cho các khu vực trọng điểm về TTQT-TTTM; hình thành lực lượng chuyên trách bán hàng sản phẩm TTQT-TTTM (Trade Sales) từ Trụ sở chính đến Chi nhánh.
- ◆ Đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu của từng đối tượng khách hàng; đặt trọng tâm vào nhóm

khách hàng FDI; sử dụng linh hoạt các gói phí cạnh tranh kết hợp cho vay để tiếp cận và thu hút khách hàng có hoạt động thanh toán quốc tế từ các đối thủ.

- ◆ Chú trọng tối ưu hóa quy trình, cải thiện chất lượng dịch vụ; xây dựng tầm nhìn bán hàng từ tín dụng đến dịch vụ, từ bán buôn đến phối kết hợp bán lẻ cho đối tượng khách hàng FDI.

Mở rộng nguồn thu từ hoạt động khác

- ◆ Cung cấp các sản phẩm chuỗi trọn gói.
- ◆ Khai thác nguồn thu từ hoạt động ngân quỹ, chuyển tiền và Bancassurance.

Đối với hoạt động bán lẻ

Triển khai chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ (RTOM)

- ◆ Phân đoạn khách hàng và xây dựng chính sách cho từng phân đoạn khách hàng mục tiêu từ sản phẩm, marketing, cách thức bán hàng...

- ◆ Phát triển các kênh bán mới gồm kênh bán trực tiếp, kênh điện tử, kênh bán hàng qua đối tác thứ ba; nâng cao tính chuyên nghiệp của hoạt động marketing.

- ◆ Cải tiến quy trình tín dụng dành cho khách hàng bán lẻ và tối đa việc số hóa các sản phẩm dịch vụ bán lẻ. Rà soát danh mục, đơn giản hóa hồ sơ thủ tục các sản phẩm tín dụng thẻ nhân, thẻ.

Chính sách, sản phẩm, chất lượng dịch vụ

- ◆ Xây dựng các sản phẩm đặc thù cho các vùng/khu vực, các sản phẩm bán cho nhân viên/khách hàng của KHDN.
- ◆ Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng thông qua các chương trình Khách hàng bí mật; đào tạo, đo lường và giám sát thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; thí điểm công tác nhắc nợ tập trung tại VCC.
- ◆ Trang bị các phương tiện và chương trình hỗ trợ cho cán bộ bán hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nâng cao hiệu quả bán hàng và marketing chuyên nghiệp.





ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KIỂM SOÁT TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DƯ NỢ TRUNG DÀI HẠN, ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CHỈ VAY TRUNG DÀI HẠN; PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG THEO CHUỖI, TĂNG CƯỜNG BÁN CHÉO; TĂNG CƯỜNG BÁN TÍN DỤNG GẮN VỚI SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI NHÓM KHÁCH HÀNG HIỆU QUẢ.



Đối với hoạt động kinh doanh vốn và đầu tư

- ◆ Nâng cao hiệu quả sinh lời của hoạt động đầu tư. Giữ vững và cải thiện thị phần của Vietcombank trong các lĩnh vực giao dịch trái phiếu chính phủ, kinh doanh ngoại tệ...
- ◆ Gia tăng tỉ trọng đóng góp của hoạt động đầu tư trong tổng thu nhập hoạt động của VCB.
- ◆ Phát triển các sản phẩm kinh doanh ngoại tệ mới, sản phẩm cấu trúc, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đẩy mạnh tín dụng bán lẻ và huy động vốn giá rẻ; Đa dạng hóa danh mục và rút giảm dư nợ đối với doanh nghiệp hiệu quả thấp; Tăng cường bán tín dụng gắn với sử dụng các dịch vụ ngân hàng

- ◆ Rà soát các khách hàng mục tiêu, các khách hàng Vietcombank có thị phần thấp để có giải pháp nâng cao thị phần và hiệu quả kinh doanh từ khách hàng.



- ◆ **Cơ cấu lại danh mục tín dụng theo hướng:** rút giảm dư nợ doanh nghiệp có tình hình tài chính suy giảm, khách hàng có lãi suất thấp và hiệu quả tổng thể không cao, các nhóm khách hàng có tính chất tư nhân, gia đình với tỷ lệ tài sản bảo đảm thấp.
- ◆ **Kiểm soát tốc độ tăng trưởng dư nợ trung dài hạn,** đặc biệt đối với khách hàng chỉ vay trung dài hạn; phát triển khách hàng theo chuỗi, tăng cường bán chéo; tăng cường bán tín dụng gắn với sử dụng các dịch vụ ngân hàng đối với nhóm khách hàng hiệu quả.
- ◆ **Hoàn thiện các dòng sản phẩm tín dụng phục vụ nhu cầu đời sống;** phát triển dòng sản phẩm kinh doanh; xây dựng dòng sản phẩm chuỗi hợp tác giữa Bán buôn – Bán lẻ; triển khai hợp tác có chọn lọc với các dự án bất động sản, hàng sản xuất kinh doanh chuỗi nhằm đẩy mạnh cho vay bán lẻ.
- ◆ **Chú trọng nguồn vốn huy động giá rẻ:** Huy động

vốn không kỳ hạn thông qua công cụ quản lý vốn tập trung, cung cấp các dịch vụ thanh toán; hạn chế tối đa huy động vốn doanh nghiệp giá cao. Huy động vốn ngoại tệ thông qua chương trình Đồng hành cùng doanh nghiệp xuất khẩu (các doanh nghiệp có nguồn USD lớn).

Triển khai chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn

- ◆ **Tại Trụ sở chính:** triển khai mô hình bán và quy trình bán cho từng phân khúc khách hàng; đầu tư hệ thống CRM hỗ trợ công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng; đánh giá kết quả triển khai giai đoạn 1 và lập kế hoạch áp dụng chuyển đổi mô hình cho các Chi nhánh còn lại trong hệ thống; chuyển đổi mô hình CRC để giảm tải cho RM.
- ◆ **Tại Chi nhánh:** truyền thông chương trình dự án chuyển đổi tới tất cả các bộ phận có liên quan tại Chi nhánh; tích cực ứng dụng kết quả dự án để thay đổi về chất hoạt động kinh doanh.





Quyết liệt triển khai các Đề án phát triển/Chương trình hành động/Tiểu dự án/Dự án chuyển đổi theo tiến độ

- ◆ Đẩy nhanh tiến độ triển khai các Chương trình/dự án: Basel II, Dự án chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ nhằm đáp ứng các yêu cầu quản trị theo chuẩn mực quốc tế và mục tiêu số 1 về bán lẻ.
- ◆ Ưu tiên đầu tư và triển khai các dự án thuộc Đề án phát triển CNTT đến năm 2020.
- ◆ Tập trung triển khai đúng tiến độ các dự án Corebanking, dự án TF, dự án CLOS, dự án ALM/FTP, dự án MPA...
- ◆ Nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án, hoàn thiện và ban hành các quy định hướng dẫn quản lý dự án, tăng cường công tác truyền thông và quản lý thay đổi của các dự án.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR

- ◆ Tiếp tục thực hiện chuyển đổi hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ theo định hướng của Ban Điều hành, phù hợp thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu Basel II. Khẩn trương triển khai dự án đầu tư hệ thống phần mềm quản lý hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ.
- ◆ Tăng cường kiểm tra, giám sát các đơn vị và quy trình hoạt động của Vietcombank, đặc biệt là các đơn vị và quy trình có độ rủi ro cao, rủi ro có tính hệ thống, để kịp thời cảnh báo, phát hiện và hạn chế các rủi ro; tăng cường giám sát, theo dõi từ xa đối với các hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kiến nghị kiểm tra, kiểm toán.
- ◆ Xây dựng phương án xử lý thu hồi nợ đối với từng khoản nợ và phân công cụ thể trách nhiệm thu hồi nợ đối với từng thành viên Ban Giám đốc Chi nhánh, lãnh đạo phòng và cán bộ.

Các công tác khác

- ◆ Tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín thương hiệu Vietcombank.
- ◆ Chú trọng xây dựng văn hóa học tập, tự đào tạo nâng cao trình độ; sử dụng kết quả đào tạo, khảo thí, thi tay nghề trong công tác nhân sự.
- ◆ Triển khai phong trào thi đua bán hàng, thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 55 năm thành lập Vietcombank.
- ◆ Tích cực triển khai công tác an sinh xã hội, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục, y tế, hỗ trợ khắc phục giảm nhẹ thiên tai...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Quản trịet phương châm Chuyển đổi – Hiệu quả – Bền vững và quan điểm chỉ đạo điều hành Đổi mới – Kỳ cương – Trách nhiệm được đề ra cho năm 2017, Hội đồng Quản trị đã quyết liệt chỉ đạo ngay từ đầu năm, linh hoạt và kịp thời định hướng hoạt động của Vietcombank trong cả năm.

Với nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, kết thúc năm 2017, Vietcombank đã đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao, vươn lên mạnh mẽ để dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra như sau:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2017, Vietcombank tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc và đạt những kết quả ấn tượng trên hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động; đạt và vượt các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao.

Tổng tài sản đến 31/12/2017 đạt 1.035.293 tỷ đồng, tăng 31,4% so với 31/12/2016, vượt kế hoạch 18%. Dự nợ tín dụng đạt 557.688 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2016, vượt kế hoạch 2% và nằm trong định hướng tăng trưởng tín dụng của Thống đốc NHNN giao. Huy động vốn đạt 726.734 tỷ đồng, vượt kế hoạch 6%.

Cơ cấu tài sản có sự chuyển biến rõ nét về chất: cơ cấu tín dụng dịch chuyển theo đúng định hướng gia tăng tỷ trọng tín dụng bán lẻ và giảm dần tín dụng bán buôn; cơ cấu nguồn vốn huy động dịch chuyển theo sát với định hướng phát triển của Vietcombank từ bán buôn sang bán lẻ và định hướng thu hút nguồn vốn huy động chi phí thấp; tỷ lệ nợ xấu giảm và thấp hơn mức khống chế kế hoạch. Hệ số an toàn vốn (CAR) đáp ứng tỉ lệ quy định của NHNN.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2017 do ĐHĐCĐ giao

STT	Chỉ tiêu	TH2016	KH2017	TH2017	TH2017/ TH 2016	TH2017/ KH2017
1	Tổng tài sản	787.935	874.577	1.035.293	31,4%	118%
2	Dự nợ tín dụng	475.887	547.133	557.688	17,2%	102%
3	Huy động vốn	600.738	684.841	726.734	21,0%	106%
4	Lợi nhuận trước thuế	8.578	9.200	11.341	32,2%	123%
5	Lao động cuối kỳ (người)	15.615	tăng không quá 5%	16.227	3,9%	Trong kế hoạch
6	Chi phí lương trên LNTT chưa bao gồm lương	37%	37%	37%		Trong kế hoạch
7	Số Chi nhánh tăng thêm	5	5	5		Trong kế hoạch
8	Tỷ lệ nợ xấu	1,48%	<2%	1,11%	Kiểm soát nợ xấu tốt hơn	Kiểm soát nợ xấu tốt hơn

DỰ NỢ TÍN DỤNG (TỶ ĐỒNG)



475.887
NĂM 2016

557.688
NĂM 2017

HUY ĐỘNG VỐN (TỶ ĐỒNG)



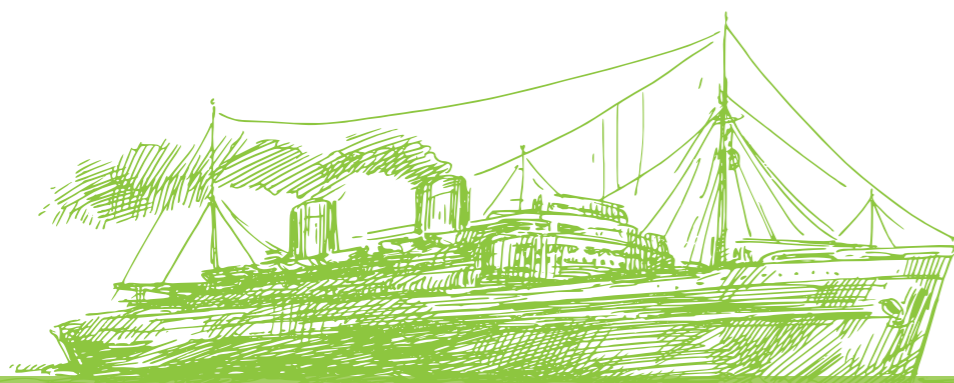
600.738
NĂM 2016

726.734
NĂM 2017





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK



CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Công tác quản trị ngân hàng được HĐQT đặc biệt chú trọng với các hoạt động nổi bật trong năm 2017, bao gồm:

Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng; Tích cực thu hồi nợ ngoại bảng

Tập trung nguồn lực cho công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng tại Chi nhánh; HĐQT đã giao nhiệm vụ và phân công thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành phụ trách một số Chi nhánh cụ thể nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả xử lý và thu hồi nợ.

Đẩy mạnh công tác phân tích dự báo rủi ro tín dụng theo ngành cả về tần suất và nội dung làm cơ sở đưa ra định hướng tín dụng phù hợp.

Quản triệt tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định của Vietcombank về cấp tín dụng.

Xây dựng và triển khai đồng bộ các Đề án, tiểu đề án, chương trình hành động khối một cách mạnh mẽ nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra tại Đề án phát triển Vietcombank đến năm 2020

Kịp thời quản triệt và triển khai đồng bộ các tiểu Đề án (gồm Đề án CNTT, Dịch vụ, Đầu tư, Nguồn nhân lực) và các Chương trình hành động của các Khối (Bán

buôn, Bán lẻ, Vốn và Tài chính) thống nhất với mục tiêu chung tại Phương án cơ cấu lại Vietcombank đến năm 2020 được NHNN phê duyệt gắn với xử lý nợ xấu với các giải pháp cụ thể nhằm củng cố, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực tài chính và năng lực quản trị.

Kết thúc năm 2017, các tiểu đề án, chương trình hành động của các Khối đã bám sát mục tiêu và thực hiện đúng tiến độ. Các định hướng lớn, giải pháp trọng tâm của Đề án và các tiểu đề án, chương trình hành động của các khối đều đã được triển khai và đạt được những kết quả quan trọng ban đầu đóng góp vào kết quả kinh doanh năm 2017, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Vietcombank thời gian tới.

Cơ cấu lại mô hình tổ chức và nhân sự phù hợp với chiến lược trung và dài hạn

Chuẩn hóa mô hình tổ chức tại Trụ sở chính, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, giảm các Phòng, Ban có tính chất công việc tương đồng; chuẩn hóa chức năng của Chi nhánh, tập trung vào công tác bán hàng và quản trị rủi ro; thành lập các Bộ phận Quản lý bán vùng tại khu vực miền Trung và miền Nam;

Triển khai hiệu quả công tác sắp xếp lại và tinh giản lao động; công tác luân chuyển cán bộ; công tác bổ nhiệm và điều động nhân sự để đáp ứng sự thay đổi của mô hình tổ chức, cải thiện năng suất lao động và chất lượng lao động.

Chỉ đạo hoàn thành công tác mở rộng mạng lưới trong và ngoài nước, bao gồm: mở rộng mạng lưới Chi nhánh và Phòng giao dịch; thành lập Trung tâm xử lý tiền mặt; thành lập Công ty Kiểu hối; chuẩn bị thành lập Ngân hàng con tại Lào và khảo sát, lập Đề án thành lập Chi nhánh tại Úc.

Triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tài chính thông qua kế hoạch bổ sung vốn và thoái vốn tại một số các TCTD

Thực hiện thành công phương án tăng vốn cấp II để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN và cải thiện khả năng đáp ứng tiêu chuẩn Basel II của Vietcombank.

Quyết liệt triển khai các thủ tục liên quan đến phương án tăng vốn cấp I với quy mô tương đương 10% vốn điều lệ ngay sau khi nhận được chấp thuận của Chính phủ và NHNN.

Thoái vốn đạt kết quả khả quan tại CFC, SGB và OCB theo kế hoạch. Tiếp tục thực hiện kế hoạch thoái vốn tại EIB, MBB.

Tiếp tục kiện toàn quy trình, quy chế nội bộ

Ban hành và áp dụng đồng bộ một số các cơ chế quản trị quan trọng như: Quy chế sắp xếp lại lao động, Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền quản lý Trưởng PGD và số lượng cán bộ tín dụng tại PGD.

Ban hành mới nhiều quy trình, quy chế nội bộ; kiện toàn các quy trình, quy chế hiện có như: Quy định cho vay đối với khách hàng; Quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng; Chính sách bảo đảm tín dụng; Quy trình tín dụng dành cho khách hàng bán buôn, khách hàng SME;...

Quyết liệt triển khai các Dự án chuyển đổi nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành hướng tới chuẩn mực quốc tế

Các dự án nâng cao năng lực quản trị được triển khai tích cực, kết quả của một số dự án bước đầu được áp dụng vào hoạt động kinh doanh:

Chương trình Basel II: Triển khai 24/37 sáng kiến với mục tiêu đảm bảo là ngân hàng tiên phong trong việc tuân thủ các quy định và mốc thời gian theo yêu cầu của NHNN.

Chương trình CTOM: Triển khai 22/24 sáng kiến, trong đó đang triển khai giai đoạn 1 tại một số Chi nhánh cho 6 sáng kiến cốt lõi (về chuyển đổi mô hình tổ chức, mô hình bán, mô hình phê duyệt tín dụng).

Dự án ALM/FTP/MPA, Dự án TF: đang triển khai theo đúng tiến độ.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Định kỳ hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao của từng thành viên HĐQT. Trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết chỉ đạo hoạt động kinh doanh, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT và thực hiện giám sát Ban Điều hành tổ chức thực hiện, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định liên quan của Vietcombank.

Năm 2017, nắm bắt những chuyển biến tích cực của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, Ban Điều hành đã điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở các định hướng của HĐQT cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2017 do ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

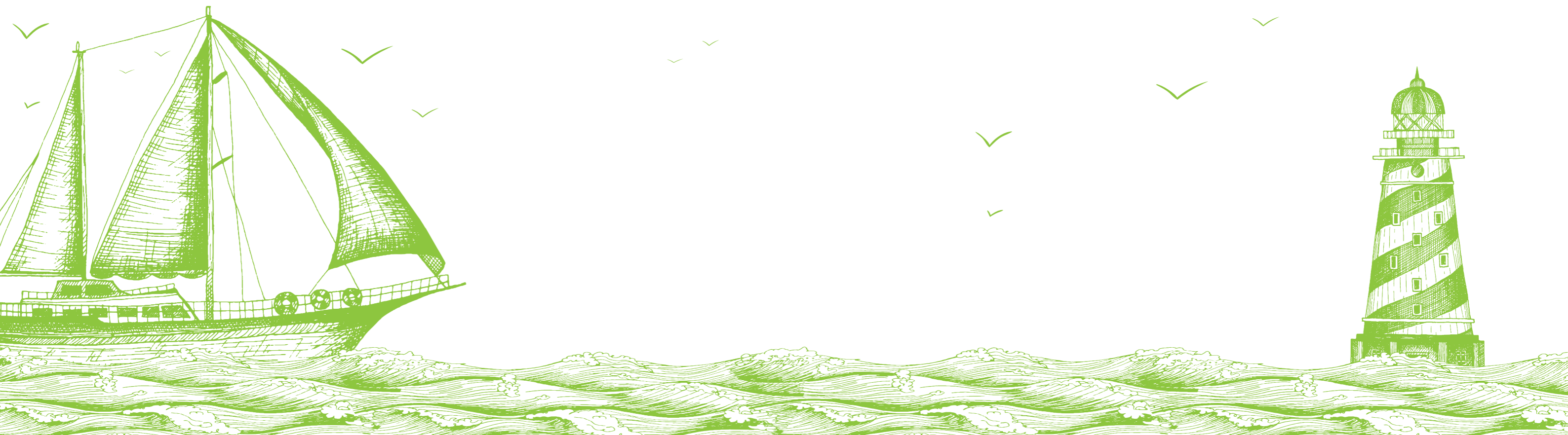
CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

Các mục tiêu và lộ trình triển khai các giải pháp tại Đề án cơ cấu lại Vietcombank đến năm 2020 với quy mô tổng tài sản mục tiêu khoảng 60 tỷ USD, quy mô vốn chủ sở hữu khoảng 4,5 tỷ USD, ROE khoảng 15%, tỷ lệ nợ xấu khống chế dưới 2%.

Các chỉ báo vĩ mô 2018 và dự kiến mức tăng trưởng tín dụng của ngành 2018: CPI được dự báo kiểm soát dưới 4%, tăng trưởng GDP mục tiêu ở mức 6,7%, chính sách tiền tệ tiếp tục được điều hành chủ động, linh hoạt; tăng trưởng tín dụng toàn ngành dự kiến ở mức 17-18%; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước dự kiến tăng trưởng tốt ở mức ~10%.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tiếp tục phương châm hành động Chuyển đổi – Hiệu quả – Bền vững và quan điểm điều hành Đổi mới – Kỳ cương – Trách nhiệm, toàn hệ thống Vietcombank nỗ lực đẩy mạnh các mảng hoạt động, thực hiện thắng lợi kế hoạch theo đúng định hướng của Chính phủ và NHNN.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

Định hướng chính trên một số lĩnh vực cụ thể như sau:

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đẩy mạnh tín dụng bán lẻ và huy động vốn giá rẻ; Đa dạng hóa danh mục và rút giảm dư nợ đối với doanh nghiệp hiệu quả thấp; Tăng cường bán tín dụng gắn với sử dụng các dịch vụ ngân hàng

Cơ cấu lại danh mục tín dụng theo hướng nâng cao hiệu quả thông qua một số giải pháp: rút giảm dư nợ doanh nghiệp có tình hình tài chính suy giảm, khách hàng có lãi suất thấp và hiệu quả tổng thể không cao...

Kiểm soát tốc độ tăng trưởng dư nợ trung dài hạn; phát triển khách hàng theo chuỗi, tăng cường bán chéo;...

Chú trọng nguồn vốn huy động giá rẻ và huy động vốn ngoại tệ.

Tập trung triển khai Ba trọng tâm, trụ cột trong hoạt động kinh doanh năm 2018: Dịch vụ, Bán lẻ, Kinh doanh vốn và đầu tư

Đối với phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng nguồn thu phí, nâng tỷ trọng thu dịch vụ (bao gồm phí và kinh doanh ngoại tệ) trong tổng thu nhập hoạt động;

Tích cực triển khai chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ (RTOM); chủ động xây dựng các sản phẩm đặc thù cho các vùng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hiệu quả bán sản phẩm, dịch vụ ngân hàng bán lẻ;

Nâng cao hiệu quả sinh lời của hoạt động đầu tư. Gia tăng tỷ trọng đóng góp của hoạt động đầu tư trong tổng thu nhập hoạt động của Vietcombank; phát triển các sản phẩm kinh doanh ngoại tệ mới, sản phẩm cấu trúc, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đẩy mạnh hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR

Xây dựng tiến độ thu hồi đến từng khoản nợ có vấn đề và có kế hoạch hành động cụ thể, đồng thời gắn với trách nhiệm của từng thành viên trong Ban xử lý nợ để rút ngắn thời gian thu hồi nợ.

Rà soát từng khoản nợ, đánh giá khó khăn vướng mắc và tích cực chủ động phối hợp

với các đơn vị, cơ quan chính quyền địa phương để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ.

Đổi mới mạnh mẽ hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại

Duy trì vị trí Top 1 trên thị trường trái phiếu. Giữ vững mục tiêu dẫn đầu trên thị trường ngoại hối trong nước và đẩy mạnh tăng trưởng doanh số mua bán ngoại tệ với khách hàng. Duy trì và nâng cao vai trò của Vietcombank trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng.

Phát triển mở rộng thanh toán bằng đồng bản tệ đối với các nước là đối tác thương mại lớn của Việt Nam, rà soát cải tiến dịch vụ đại lý thanh toán cho các ngân hàng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Nỗ lực mở rộng thị phần TTQT-TTTM thông qua tập trung khai thác có hiệu quả các ngành hàng có kim ngạch XNK lớn, các ngành thế mạnh của địa phương, các khách hàng FDI và doanh nghiệp phụ trợ.

Tiếp tục củng cố hoạt động của các công ty con, nâng cao hiệu quả đầu tư

Giám sát chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự liên kết/phối hợp giữa các Chi nhánh/Khois kinh doanh với các công ty con nhằm cải thiện hiệu năng hoạt động của các công ty con.

Hoàn thiện các đề án chuyển đổi hình thức sở hữu các công ty con: VCBL, VCBS, tiếp tục thoái vốn tại một số các tổ chức tín dụng.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Quyết liệt triển khai các Dự án chuyển đổi theo tiến độ

Đẩy nhanh tiến độ triển khai các Chương trình/dự án: Basel II, Dự án chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ nhằm đáp ứng các yêu cầu quản trị theo chuẩn mực quốc tế và mục tiêu số 1 về bán lẻ.

Ưu tiên đầu tư và triển khai các dự án thuộc Đề án phát triển CNTT đến năm 2020.

Tập trung triển khai đúng tiến độ các dự án Corebanking, dự án TF, dự án CLOS, dự án ALM/FTP, dự án MPA...

Triển khai chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn

Triển khai mô hình bán và quy trình bán cho từng phân khúc khách hàng; đầu tư hệ thống CRM hỗ trợ công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng;

Đánh giá kết quả triển khai giai đoạn 1 và lập kế hoạch áp dụng chuyển đổi mô hình cho các Chi nhánh còn lại trong hệ thống; chuyển đổi mô hình CRC để giảm tài cho RM.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ theo đúng định hướng, phù hợp thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu Basel II.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các đơn vị và quy trình hoạt động của Vietcombank, đặc biệt là các đơn vị/quy trình có độ rủi ro cao, rủi ro có tính hệ thống, để hạn chế và kịp thời cảnh báo, phát

hiện các rủi ro; tăng cường giám sát, theo dõi từ xa đối với các hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kiến nghị kiểm tra, kiểm toán.

Các công tác khác

Chú trọng xây dựng văn hóa học tập, tự đào tạo nâng cao trình độ; sử dụng kết quả đào tạo, khảo thí, thi tay nghề trong công tác nhân sự; tăng số lượt đào tạo, số lượt khảo thí/thi tay nghề bình quân nhằm củng cố chất lượng nguồn nhân lực.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, mua trụ sở Chi nhánh; triển khai thay đổi nhận diện thương hiệu Vietcombank.

Tích cực triển khai phong trào thi đua bán hàng, thi đua lập thành tích hướng đến kỷ niệm 55 ngày thành lập Vietcombank.

Tích cực triển khai công tác an sinh xã hội, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục, y tế, hỗ trợ khắc phục giảm nhẹ thiên tai...

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2018

Với những thành quả đã đạt được trong những năm vừa qua, Vietcombank đang củng cố nền tảng vững chắc để tiếp tục phát triển và bứt phá mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

Với nỗ lực quyết tâm của HĐQT, Ban Điều hành cùng hơn 16 ngàn cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống Vietcombank, chắc chắn Vietcombank sẽ tận dụng tốt mọi lợi thế và cơ hội của năm 2018, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao, đưa Vietcombank phát triển hơn nữa và tiến gần hơn tới mục tiêu chiến lược là trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng hàng đầu khu vực, một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, được quản trị theo các thông lệ tốt nhất.

Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018 trình ĐHĐCĐ

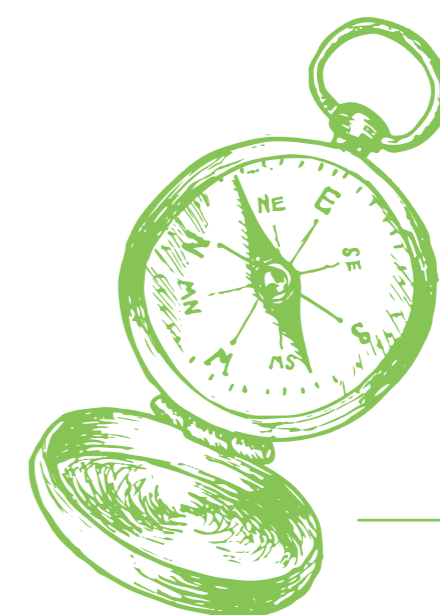
TT	CHỈ TIÊU	TH 2017	KH 2018
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.035.293	tăng ~14,0%
2	Dư nợ tín dụng (tỷ đồng)	557.688	tăng ~15,0%
3	Huy động vốn (tỷ đồng)	726.734	tăng ~15,0%
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	11.341	13.300
5	Lao động cuối kỳ (người)	16.227	tăng không quá 6%
6	Chi phí lương trên LNTT chưa bao gồm lương	37,00%	37,00%
7	Số chi nhánh tăng thêm	5	6
8	Tỷ lệ nợ xấu	1,11%	< 1,5%
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	8%	8%





1

CAM KẾT





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lao động của Vietcombank tính đến 31/12/2017 là 16.227 người (số hợp nhất bao gồm cả các công ty thành viên). Với quy mô lao động lớn và không ngừng tăng lên, Ban lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng:

- ◆ Nguồn nhân lực được quản trị theo thông lệ tốt nhất nhằm xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ thực hiện mục tiêu của VCB là Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực.
- ◆ Chủ động vận dụng linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, đổi mới trong công tác tổ chức, nhân sự. Một mặt thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, mặt khác không ngừng đổi mới các chính sách quản lý cán bộ trong tất cả các khâu từ tuyển dụng tới quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm, luân chuyển, kỷ luật, đánh giá, đào tạo cán bộ; đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ.

- ◆ Chất lượng nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, chuyên nghiệp; cán bộ được tuyển dụng phù hợp với vị trí công việc.
- ◆ Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đầy đủ và chuẩn mực, xây dựng được đội ngũ lãnh đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.
- ◆ Công tác đào tạo được đẩy mạnh nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các khóa đào tạo cho cán bộ, nhân viên.
- ◆ Cơ chế lương được xây dựng mới, gắn chế độ đãi ngộ với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, tạo động lực cho cán bộ cống hiến.

Vietcombank đang tích cực triển khai Chiến lược quản trị và phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020, coi đây là tiên đề để thực hiện thành công Đề án cơ cấu lại ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.



THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thành phần Ban lãnh đạo có thay đổi như sau:

Giảm:

- ◆ Ông Nguyễn Danh Lương - Phó Tổng Giám đốc, nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2017.
- ◆ Bà Lê Thị Hoa - Ủy viên Hội đồng Quản trị, nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/07/2017.
- ◆ Ông Yutaka Abe thôi giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 28/04/2017.
- ◆ Bà Phùng Nguyễn Hải Yến thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 15/12/2017.

Tăng:

- ◆ Ông Eiji Sasaki - Ủy viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/04/2017, kiêm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 15/12/2017.
- ◆ Ông Nguyễn Mỹ Hào giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/04/2017.
- ◆ Ông Phạm Anh Tuấn giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/04/2017.
- ◆ Bà Phùng Nguyễn Hải Yến giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 15/12/2017.
- ◆ Ông Lê Quang Vinh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 15/12/2017.
- ◆ Ông Lê Hoàng Tùng giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 15/12/2017.
- ◆ Ông Thomas William Tobin giữ chức vụ Giám đốc Khối Bán lẻ từ ngày 16/10/2017.
- ◆ Ông Nguyễn Thanh Tùng giữ chức vụ Giám đốc Khối Bán buôn từ ngày 15/12/2017.

MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC CỦA VIETCOMBANK

Tính đến 31/12/2017, mạng lưới hoạt động của Vietcombank bao gồm:

- ◆ Trụ sở chính.
- ◆ 101 Chi nhánh.
- ◆ 397 Phòng giao dịch.
- ◆ 04 Công ty con tại Việt Nam.
- ◆ 01 Văn phòng đại diện tại Singapore, 01 Văn phòng đại diện tại khu vực phía Nam và 02 Công ty con tại nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong và Công ty chuyển tiền Vietcombank).
- ◆ 02 Đơn vị sự nghiệp (Trung tâm đào tạo, Trung tâm xử lý tiền mặt).
- ◆ 04 công ty liên doanh, liên kết khác.

16.227
TỔNG NHÂN SỰ - TÍNH ĐẾN 31/12/2017





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



< Ông NGHIÊM XUÂN THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng

Ông PHẠM QUANG DŨNG

Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiểm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học Tổng hợp
Birmingham (Anh Quốc)
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân

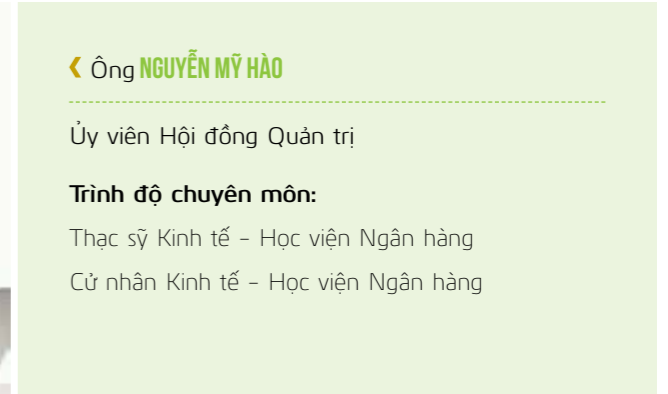


Ông PHẠM ANH TUẤN >

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh -
Đại học Nam Columbia
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh



< Ông NGUYỄN MỸ HẢO

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



< Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Cao học Việt Nam - Hà Lan
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội



< Ông EIJI SASAKI

Ủy viên Hội đồng Quản trị
Kiểm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - University at Buffalo, The State
University of New York
Cử nhân Kinh tế - Đại học Nihon (Nhật Bản)



Bà NGUYỄN THỊ DŨNG >

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Kinh tế - Đại học tài chính Moscow (Liên Xô)





GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



< Ông PHẠM QUANG DŨNG >

Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc)

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân

Ông ĐÀO HẢO >

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội



< Ông EIJI SASAKI >

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế - University at Buffalo, The State University of New York

Cử nhân Kinh tế - Đại học Nihon (Nhật Bản)



Bà TRƯƠNG THỊ THÚY ANH >

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường IMPAC UNIVERSITY

Cử nhân Kế toán - Đại học Bách khoa Đà Nẵng
Cử nhân Luật - Đại học Luật



Bà NGUYỄN THỊ KIM ANH >

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học New South Wales

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



< Bà ĐINH THỊ THÁI >

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân;

Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương.



Ông PHẠM MẠNH THẮNG >

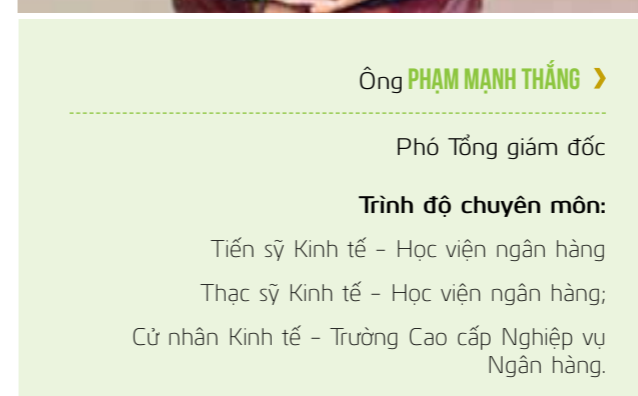
Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng;

Cử nhân Kinh tế - Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng.



< Ông BÀO MINH TUẤN >

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng;

Kỹ sư Toán ứng dụng - Đại học Bách khoa Hà Nội;

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân





GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **LÊ QUANG VINH** >

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học New South Wales, Australia
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



< Bà **PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng - CPA Australia
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **LÊ HOÀNG TÙNG** >

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính
Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính



Ông **THOMAS WILLIAM TOBIN** >

Giám đốc Khối Bán lẻ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học McMaster (Canada);
Cử nhân Kinh tế - Đại học Toronto (Canada).



< Ông **NGUYỄN THANH TÙNG**

Giám đốc Khối Bán buôn

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

< Bà **TRƯƠNG LỆ HIỂN**

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế phát triển - Cao học Việt Nam - Hà Lan
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng

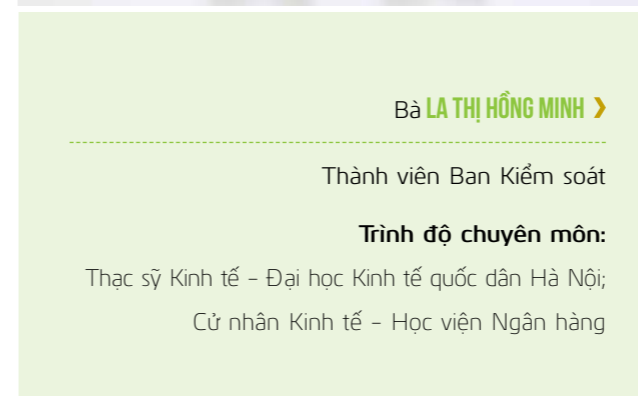


Bà **LA THỊ HỒNG MINH** >

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội;
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



< Bà **ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngoại thương;
Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương

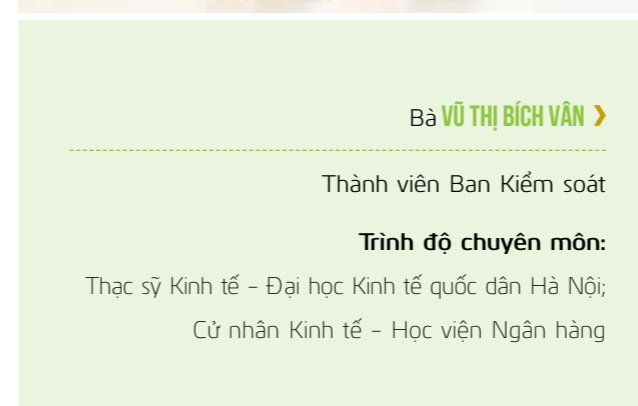


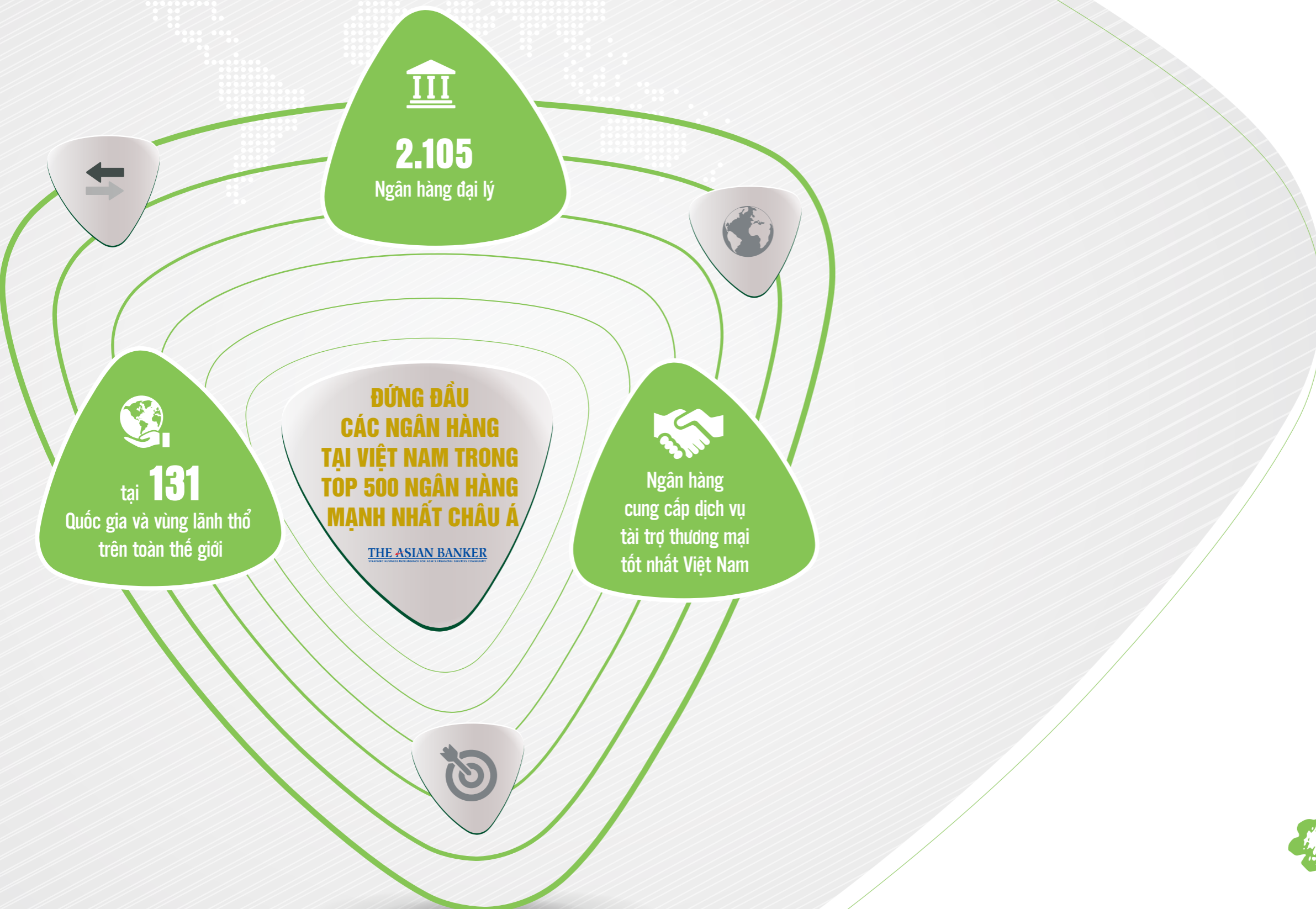
Bà **VŨ THỊ BÍCH VÂN** >

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

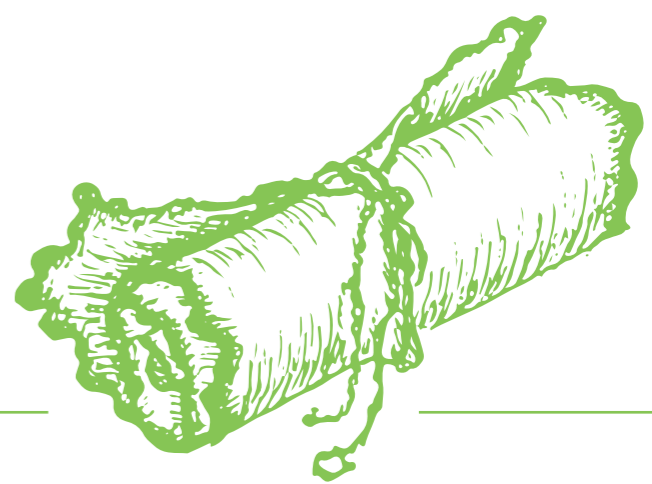
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội;
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng





1

TIẾP CẬN





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	39.025	0,00108%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014. Thành viên không điều hành
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	3.281	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	Eiji Sasaki	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017.
4	Nguyễn Thị Dũng	Ủy viên HĐQT	3.105	0,00008%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Thành viên độc lập
5	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành
6	Nguyễn Mỹ Hào	Ủy viên HĐQT	7.012	0,00019%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	2.270	0,00006%	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Thành viên không điều hành

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) đã tổ chức họp 70 phiên họp (22 phiên toàn thể và 48 phiên theo cơ chế thường trực) để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

Tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT trong năm 2017 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	70/70	100%	
2.	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT, TGD	70/70	100%	
3.	Yutaka Abe	TV HĐQT ¹ , Phó TGD	6/22	27%	(3)
4.	Eiji Sasaki	TV HĐQT	16/22	73%	(3)
5.	Nguyễn Danh Lương	TV HĐQT ¹ , Phó TGD	17/22	77%	(4)
6.	Lê Thị Hoa	TV HĐQT	40/70	57%	(4)
7.	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	70/70	100%	
8.	Nguyễn Mỹ Hào	TV HĐQT	45/70	64%	(3)
9.	Nguyễn Thị Dũng	Thành viên độc lập HĐQT ²	22/22	100%	
10.	Phạm Anh Tuấn	TV HĐQT	45/70	64%	(3)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Các ông Nguyễn Danh Lương và Yutaka Abe là các TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể; Ngoài ra, căn cứ tính chất từng vụ việc cụ thể, thành viên HĐQT Nguyễn Danh Lương có thể được mời tham dự các phiên họp thường trực nhưng không thống kê tại bảng nêu trên;
- ⁽²⁾ Bà Nguyễn Thị Dũng là TV HĐQT độc lập, chỉ tham gia các phiên họp toàn thể;
- ⁽³⁾ Ông Yutaka Abe miễn nhiệm chức vụ TV HĐQT từ ngày 28/04/2017 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia họp từ T1/2017 đến hết 28/04/2017. Ông Eiji Sasaki, Phạm Anh Tuấn và Nguyễn Mỹ Hào được bầu làm TV HĐQT từ ngày 28/04/2017 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia từ ngày 28/04/2017 đến ngày 30/12/2017.
- ⁽⁴⁾ Bà Lê Thị Hoa nghỉ hưu từ ngày 01/07/2017 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia họp từ T1/2017 đến hết 30/06/2017. Ông Nguyễn Danh Lương nghỉ hưu từ ngày 01/11/2017 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia họp từ T1/2017 đến hết 31/10/2017.





CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu các Ủy ban

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các chính sách và định hướng phù hợp trong từng thời kỳ liên quan đến các loại rủi ro (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động...), bao gồm cả việc xác định các tỷ lệ, giới hạn/hạn chế và mức độ chấp nhận rủi ro của Ngân hàng.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro gồm có:

- 1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, thành viên HĐQT - Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Dũng, thành viên độc lập của HĐQT - Thành viên
3. Ông Phạm Anh Tuấn, thành viên HĐQT - Thành viên
4. Ông Eiji Sasaki, thành viên HĐQT - Thành viên
5. Bà Đinh Thị Thái, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên
6. Ông Đào Hào, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên
7. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên

Năm 2017, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ, phối hợp với các phòng ban có liên quan để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế của VCB, tham mưu đề xuất cho HĐQT về các chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên nhiều mặt hoạt động. Ủy ban cũng đóng vai trò tích cực trong việc xúc tiến triển khai các sáng kiến nhằm từng bước áp dụng Basel II theo lộ trình đã được phê duyệt.

Ủy ban nhân sự

Ủy ban nhân sự là ủy ban có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của VCB.

Thành viên Ủy ban Nhân sự gồm có:

- 1. Ông Nghiêm Xuân Thành, Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban
2. Ông Phạm Quang Dũng, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên
3. Ông Nguyễn Mỹ Hòa, Ủy viên HĐQT - Thành viên
4. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên HĐQT - Thành viên
5. Ông Hồng Quang, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ - Thành viên.

Sau khi các văn bản quy chế về quản lý cán bộ được ban hành đồng bộ, UBNS đã tích cực, chủ động trong việc tham mưu đánh giá, đề xuất quy hoạch bổ nhiệm quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền. Trong thời gian qua, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức vụ lãnh đạo thuộc Trụ Sở chính và các đơn vị kinh doanh đều được thông qua bởi UBNS, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng trong việc quản lý cán bộ.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỀU ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.





BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

Tại thời điểm 01/01/2017, Ban Kiểm soát gồm có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm, trong năm 2017 cơ cấu BKS không thay đổi so với thời điểm đầu năm. Dưới đây là danh sách cụ thể các thành viên Ban Kiểm soát và số lượng cổ phần sở hữu Vietcombank tại thời điểm 31/12/2017:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1.	Trương Lệ Hiền	Trưởng BKS	5.051	0,00014%
2.	Vũ Thị Bích Vân	Thành viên BKS	0	0,00000%
3.	La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	3.281	0,00009%
4.	Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	5.304	0,00015%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BDH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2017 của VCB được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành. Nhìn chung, trong năm 2017, HĐQT và BDH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng mục tiêu, các chỉ tiêu kinh doanh đạt kết quả tốt so với kế hoạch đề ra; HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định của Luật TCTD và Điều lệ Ngân hàng trong quản trị, điều hành.

Thực hiện theo quy định của Luật TCTD, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của TV HĐQT, TV BKS, TGD và cập nhật thông tin định kỳ. Trong năm 2017, tại VCB phát sinh 01 giao dịch nội bộ mua cổ phiếu VCB, giao dịch được thực hiện đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ VCB, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HĐQT/thường trực HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BDH. BKS cũng được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm soát của BKS. Các thành viên BKS được tham gia các khóa học, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành ngân hàng.

Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng và hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh năm 2017 của VCB.

Hoạt động khác của BKS

Trong năm 2017, BKS đã hoàn thành việc lập báo cáo đánh giá hệ thống KSNB năm 2016, thực hiện công tác thẩm định BCTC năm 2016 và 06 tháng đầu năm 2017, tổ chức thực hiện 23 cuộc kiểm toán theo kế hoạch và 02 cuộc kiểm toán đột xuất (các đơn vị được kiểm toán bao gồm: 05 công ty con, 08 chi nhánh, 04 phòng/ban/trung tâm TSC và 08 chuyên đề với phạm vi toàn hàng), thực hiện giám sát với các mảng hoạt động của ngân hàng và giám sát hoạt động của các công ty con, theo dõi việc tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn...

Năm 2017, BKS tiếp tục làm đầu mối triển khai giai đoạn 2 dự án Nâng cao năng lực Kiểm tra/Kiểm toán nội bộ và chuyển đổi chức năng kiểm toán nội bộ (thuộc chương trình Basel II của ngân hàng), hoàn thành dự án kiểm toán công nghệ thông tin, bắt đầu triển khai Dự án đầu tư phần mềm quản lý hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ VCB; thực hiện đào tạo cán bộ thuộc BKS...





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách và nội dung các phiên họp thường kỳ của Ban Kiểm soát:

Ngày	Số lượng TV BKS dự họp	Nội dung cuộc họp
19/01/2017	4/4	Tổng kết hoạt động năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của BKS
07/04/2017	4/4	Báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2016 của NHNT Thông qua dự thảo báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017
21/07/2017	4/4	Sơ kết hoạt động của BKS 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2017
13/10/2017	4/4	Việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các khuyến nghị của BKS. Phương hướng hoạt động 03 tháng cuối năm 2017 và năm 2018 của Kiểm toán nội bộ.

THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Tại Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ mười của Ngân hàng ngày 28/04/2017, ĐHĐCĐ đã phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 bằng 0,35% lợi nhuận sau thuế.

Trên thực tế, Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương và các phúc lợi khác theo Quy chế tiền lương và các quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tổng mức chi cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát trong năm 2017 không vượt quá mức được ĐHĐCĐ phê duyệt.

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2017 có phát sinh giao dịch mua cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	29.025	0,00081%	39.025	0,00108%	Mua
2	Đình Thị Thái	Phó tổng giám đốc	1.798	0,00005%	98	0,0000002%	Bán
3	Lê Đức Thành		5.051	0,00014%	51	0,00000002%	Bán



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2017 tiếp tục được đẩy mạnh và có nhiều đổi mới. Một mặt Vietcombank thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới cộng đồng các nhà đầu tư. Mặt khác, Vietcombank tiếp tục củng cố chất lượng công tác tiếp xúc với cổ đông, nhà đầu tư thông qua các cuộc trao đổi trực tiếp tại trụ sở, tham dự các hội nghị đầu tư trong và ngoài nước, cập nhật thường xuyên và đăng tải rộng rãi tài liệu giới thiệu về Vietcombank và kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý.

Tiếp xúc nhà đầu tư

- ◆ Tổ chức 70 cuộc tiếp xúc và làm việc tại Vietcombank với hàng trăm nhà đầu tư cá nhân/tổ chức, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong, ngoài nước.
- ◆ Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tìm hiểu về Vietcombank đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó nhiều nhất là các quỹ đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tiếp sau đó là các nhà đầu tư đến từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Châu Âu...

Qua tiếp xúc, các nhà đầu tư đã được cập nhật kịp thời về những diễn biến kinh tế vĩ mô và ngành ngân hàng, về tình hình hoạt động cũng như triển vọng phát triển của Vietcombank. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt cùng hiệu quả công tác quan hệ nhà đầu tư tiếp tục hỗ trợ nâng cao vị thế cổ phiếu Vietcombank trên thị trường chứng khoán, đặc biệt trong tương quan so sánh với các ngân hàng niêm yết.

Tham dự các Hội nghị đầu tư quốc tế

Là công ty đại chúng lớn, có tầm ảnh hưởng, đồng thời với đội ngũ IR được đánh giá cao về tính chuyên nghiệp, hàng năm Vietcombank được mời tham gia nhiều sự kiện đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2017, Vietcombank đã lựa chọn tham gia một số sự kiện tiêu biểu sau:

- ◆ Chuỗi sự kiện đầu tư do Daiwa Capital Markets (Nhật Bản) tổ chức tại các trung tâm tài chính lớn của thế giới: New York (05/2017), Singapore (08/2017), Hong Kong (11/2017).
- ◆ Các sự kiện đầu tư do các tổ chức tài chính uy tín khác tổ chức tại nước ngoài: Credit Suisse tổ chức tại London và New York (02/2017), UBS tổ chức tại Bangkok (05/2017), KIS tổ chức tại Seoul (06/2017).
- ◆ Các sự kiện đầu tư trong nước do các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam tổ chức: Vietnam Access Day của VCSC (03/2017), Vietnam Conference 2017 của HSC (09/2017), Gateway to Vietnam của SSI và Dragon Capital (10/2017).

Việc liên tục được chọn mời tham dự tất cả các sự kiện đầu tư quan trọng nhất tổ chức trong nước và một trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam liên tục được mời tham gia các sự kiện quốc tế đã khẳng định vị thế của Vietcombank trong mắt cộng đồng đầu tư. Thông qua các sự kiện này, bộ phận IR đã cung cấp thông tin đầy đủ, thường xuyên đến nhà đầu tư, tăng cường kết nối với hàng trăm tổ chức tài chính, quỹ đầu tư uy tín trong và ngoài nước, góp phần tạo điều kiện triển khai các phương án tăng vốn trong thời gian tới.





QUẢN TRỊ RỦI RO

NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO, VIETCOMBANK ĐÃ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO MỘT CÁCH TOÀN DIỆN, KHOA HỌC VÀ CÓ HỆ THỐNG NHẪM NHẬN DẠNG, KIỂM SOÁT, PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU NHỮNG TỔN THẤT CÓ THỂ PHÁT SINH.

CÁC RỦI RO CHÍNH



RỦI RO TÍN DỤNG

Vietcombank luôn chủ động nghiên cứu và áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro tín dụng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất, cụ thể:

Vietcombank, 1 trong 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn tham gia thực hiện Hiệp ước vốn Basel II tại Việt Nam. Bám sát lộ trình thực hiện, cùng với sự phối hợp, hỗ trợ triển khai của đơn vị Tư vấn quốc tế có uy tín và kinh nghiệm, Vietcombank đã đạt được những kết quả căn bản, nền tảng cho việc triển khai thành công Chương trình Basel II như: (i) thiết lập văn hóa và khẩu vị rủi ro; (ii) rà soát và kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro hướng tới thông lệ quốc tế; (iii) phân tách rõ chức năng của 3 tầng bảo vệ trong quản trị rủi ro; (iv) hình thành cơ cấu tổ chức, khung chính sách về quản trị dữ liệu; (v) xây dựng và/hoặc định kỳ rà soát hệ thống các văn bản, chính sách quản lý rủi ro tín dụng, các công cụ, mô hình định lượng rủi ro tín dụng (như mô hình xác suất vỡ nợ - PD; mô hình tổn thất sau vỡ nợ LGD,...).

Hoàn thiện mô hình hoạt động tín dụng, hướng đến tập trung, chuyên môn hóa theo chức năng, phân tách giữa kinh doanh và quản trị rủi ro, phù hợp với thông lệ quốc tế, điều kiện thị trường Việt Nam, và chiến lược phát triển của Vietcombank. Đây là bước thay đổi lớn trong hoạt động tín dụng của Vietcombank trên tất cả các khía cạnh - mô hình tổ chức, quản trị, con người và hệ thống công nghệ.



Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm giúp Ngân hàng kịp thời phát hiện rủi ro có thể phát sinh, từ đó có kế hoạch hành động kịp thời trong quản lý khách hàng để hạn chế rủi ro, đồng thời tăng hiệu quả kiểm tra, giám sát.

Để phát huy hiệu quả vai trò của 3 tầng bảo vệ, Vietcombank đã thực hiện nâng cấp, nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ, tập trung hóa chức năng kiểm tra nội bộ tại Trụ sở chính, thành lập các bộ phận kiểm tra nội bộ tại các khu vực, đồng thời triển khai dự án nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng các yêu cầu của chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

RỦI RO THANH KHOẢN

Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Vietcombank quản lý sát sao biến động cung cầu vốn hàng, đảm bảo cân đối giữa an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh.

Vietcombank luôn hướng tới đáp ứng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro thanh khoản. Năm 2017 Vietcombank đã chủ động hoàn thiện khung quản lý rủi ro thanh khoản, triển khai và cải tiến các công cụ quản trị khe hở thanh khoản có tích hợp mô hình hành vi khách hàng, dấu hiệu cảnh báo sớm và thử nghiệm căng thẳng thanh khoản theo các kịch bản và xây dựng kế hoạch dự phòng tương ứng...



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế. Vietcombank đã tiến hành đo lường, quản lý chênh lệch kỳ hạn tài định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất, độ nhạy thu nhập lãi thuần và độ nhạy giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu, sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro thị trường giao dịch, Vietcombank thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái giấy tờ có giá, ngoại tệ của toàn hệ thống và các biện pháp phòng ngừa rủi ro để hạn chế các tác động của biến động lãi suất và tỷ giá đến danh mục trên Sổ kinh doanh của ngân hàng.

Năm 2017, Vietcombank tiếp tục hoàn thiện khung quản lý rủi ro thị trường theo yêu cầu của Basel II, triển khai và hoàn thiện các mô hình về quản trị rủi ro thị trường và áp dụng một số hạn mức rủi ro thị trường theo thông lệ quốc tế.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Công tác quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) của Vietcombank ngày càng được chú trọng và tăng cường, hướng đến chuẩn mực quản lý rủi ro tiên tiến trên thế giới. Mô hình, cơ cấu tổ chức, và các chính sách, quy trình QLRRHĐ theo tiêu chuẩn Basel II liên tục được hoàn thiện và triển khai các công cụ QLRRHĐ trên toàn hàng. Mọi chính sách, quy định, sản phẩm, và hoạt động mới của ngân hàng, bao gồm cả hoạt động thuê ngoài, đều được đánh giá để bảo đảm ngăn ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro hoạt động trước khi ban hành và trong quá trình triển khai. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro hoạt động được thực hiện và giám sát chặt chẽ. Cảnh báo về rủi ro hoạt động tiềm tàng được phổ biến kịp thời trên toàn hệ thống dựa trên các sự cố rủi ro hoạt động nội bộ và bên ngoài.

Ngoài ra, Vietcombank cũng chú trọng đến công tác quản lý rủi ro gian lận, với việc xây dựng và triển khai khung Quản lý Rủi ro Gian lận (QLRRGL), ban hành chính sách, quy trình QLRRGL và các quy định liên quan về quản lý nhân sự nhằm phòng ngừa và phát hiện rủi ro gian lận. Cơ chế tố giác cũng đã được Vietcombank triển khai.

Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Vietcombank cũng tiến hành chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua mua các gói bảo hiểm rủi ro hoạt động đối với tài sản của ngân hàng.





MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
An Giang	30-32 Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.898999-02963.841075-02963.841816
Ba Đình	521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	024.37665318
Bắc Bình Dương	Lô D1-4-TT, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0274.3697979
Bắc Giang	Số 278 đường Hoàng Văn Thụ, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.	0204.3855.576
Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trần Phú, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.6262555
Bạc Liêu	Số 14-15 lô B đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.	0291.3955055
Bắc Ninh	Ngã 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	0222.3811880
Bắc Sài Gòn	Khu hành chính, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, thành phố HCM	028.37654666
Bến Tre	Số 55B3, đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	0275.6255888
Biên Hoà	Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251.3991944
Bình Định	66C đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3526666- 0256.3526526
Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0274.3831227
Bình Phước	Số 744 đường Phú Riềng Đỏ, phường Tân Xuân, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước	0271.3558888
Bình Tây	129-129A Hậu Giang, phường 5, Quận 6, thành phố HCM	028.39600477 - 028.39600478
Bình Thuận	Số 50 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	0252.3739064 - 0252.3739065
Cà Mau	Số 07 đường An Dương Vương, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0290.3575857-0290.3835207
Cần Thơ	03-05-07 Hòa Bình, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0292 3820445
Châu Đốc	Số 20 Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0296.3565603 - 0296.3561702
Chương Dương	562 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội	024.3652.3333
Đà Nẵng	140-142 Lê Lợi, phường Hải Châu, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	0236.3822110
Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	02623.818444-0262.2240777-0262.3857899
Đông Anh	Thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	(024).38835999
Đồng Nai	Số 53-55, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251.3823666
Đông Sài Gòn	22F-24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	028.38407924
Đông Tháp	Số 66, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0277.3872110 - 0277.3872114
Dung Quất	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3632333- 0255.3632212-0255.3632797
Gia Định	Số 423-425 đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	028.37307799
Gia Lai	33 Quang trung, phường Hội Thương thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	0269.3875566
Gò Vấp	Số 366A33 đường Phan Văn Trị, phường 5, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	028. 3985 6868
Hạ Long	166 Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203.3811808 - 0203.3811911
Hà Nam	TTTT DV Hải Hà, đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam	0226 361 6666

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	024.39746666
Hà Tây	Lô HH-03, Điểm tiểu thủ công nghiệp làng nghề Vạn Phúc, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	024.33554545
Hà Thành	Số 344 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	024.36503333
Hà Tĩnh	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.3857003 - 0239.377886
Hải Dương	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0220.3896545
Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	0225.3842658
Hồ Chí Minh	Tòa nhà VBB, số 5 công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố HCM	028.38297245 - 028.39141777
Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	024 39335566
Hoàng Mai	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	024.38383383
Huế	78 Hùng Vương, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3811900
Hùng Vương	664 Sư Vạn Hạnh, phường 12, Quận 10, thành phố HCM	028.38663983 - 028.38663984 028.38624810
Hung Yên	Thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên	0221.3941886
Khánh Hòa	17 Quang Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0221.3589368
Kiên Giang	Số 89, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	02973862749
Kon Tum	348 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0260.3703337
Kỳ Đồng	13-13 Bis Kỳ Đồng, phường 9, Quận 3, thành phố HCM	028.39318968
Lâm Đồng	Số 33 Nguyễn Văn Cừ, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263.3511811
Lạng Sơn	Tầng 1, trung tâm thương mại Phú Lộc, khu dự án Phú Lộc IV, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	0205.3859859
Lào Cai	Số 79 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	0214.3828396 - 0214.3828265
Long An	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0272.3633683
Long Khánh	Số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	02513.646151
Móng Cái	Số 05, đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	0203.3757575
Nam Bình Dương	Số 121 đường ĐT 743B, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0274.7307777
Nam Đà Nẵng	Số 137 đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	0236.3932999
Nam Định	Số 629 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	0228.3558666
Nam Hà Nội	Tầng 1,2,3, Tòa nhà "Nhà ở cao tầng và dịch vụ Cầu Tiên", 1277 Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	024.38699696
Nam Hải Phòng	Số 11 Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	0225 3552299- 0225 3841080





MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
Nam Sài Gòn	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà V6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố HCM	028.37701634
Nghệ An	Số 21 Đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.3842033 02388685678
Nhà Rồng	Nguyễn Lâm Tower, số 133 đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	028.38516688
Nha Trang	21 Lê Thành Phương, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258.3826279- 0258.829689
Nhon Trạch	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, ấp Xóm Hố, xã Phú Nội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0251.3521888-0251.3561628
Ninh Bình	Số 872 Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	0229.3894444
Ninh Thuận	số 47 đường 16/4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	0259.3922.755
Phố Hiến	Số 186 đường Chu Mạnh Trinh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	0221.3596666
Phú Quốc	Số 1A, đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	0297.3626264
Quy Nhơn	433 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3541377
Phú Thọ	1606A Đại Lộ Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	0210.3766666
Phú Yên	Số 192-194-196 Hùng Vương, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	0257.3811709
Quảng Bình	Số 03 Lý Thường Kiệt, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	0232.3840380
Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0235.3813062
Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3828578
Quảng Ninh	Đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203.3629215
Quảng Trị	51 TRẦN HUNG ĐẠO, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	0233.3555727
Sài Gòn	69 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	028.38359323/ 028.38359262
Sài Thành	2D-2E Lý Thường Kiệt, P12, Quận 5, thành phố HCM	028.39573378
Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	024.39368547
Sóc Sơn	Số nhà 51, đường Quốc Lộ 3, tổ 12, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	024.35950000
Sóc Trăng	Số 3 Trần Hưng Đạo, khóm 6, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	02993 883888 - 02993 883889
Sóng Thần	Số 79/8 Khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0274.37241627 -0274.37245248-0274.3792158
Tân Bình	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố HCM	028.38157777
Tân Định	72 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, Quận 3, thành phố HCM	(028) 38 208 762
Tây Cần Thơ	Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	0292.3844 272
Tây Hồ	Số 565 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	024.37581111
Tây Ninh	Số 313, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	0276.3818996-0276.3818997
Tây Sài Gòn	Số 321-323-325 đường Phạm Hùng, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	028 3758 9297

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
Thái Bình	Nhà khách công vụ - Trụ sở 1 Công an tỉnh Thái Bình- đường Lê Quý Đôn, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	02273.839.724
Thái Nguyên	Số 10 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0208.3658200
Thăng Long	Tòa nhà PVOIL Phú Thọ, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	024.3755.7194
Thành Công	Lô 3 Ô 4.1cc Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	024.62578686
Thanh Hóa	05 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0237.3728286
Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	024.35578589
Thủ Đức	Khu chế xuất Linh Trung I, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	028.38966806
Thủ Thiêm	Số 55-56 đường Song Hành, phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	028.73079668
Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	0273.3976999
Trà Vinh	Số 05 Lê Thánh Tôn, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	0294.3868780
Vinh	Số 9, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.8699567
Vinh Long	Số 5C, Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long	0270.3888288
Vinh Phúc	Số 392A, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	02113720920
Vũng Tàu	Số 27 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3852309-0254.3859874- 0254.3859168

VCB LEASING

Tầng 4, Tòa nhà 25T1 N05, đường Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 9 289 289
[F] : (84.24) 39 289 150

VCBS

Tầng 12 - Tầng 17 VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3936 6990
[F] : (84.24) 3936 0262

VCB TOWER

Phòng 1406, Tầng 14, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3934 0919
[F] : (84.24) 3934 0920

VINAFICO

Tầng 16, Tòa nhà Golden Star, 20 Lockhart Road, Hongkong
[T] : (852) 2865 3905 7
[F] : (852) 2865 3908

VCB MONEY

12112 Brookhurst St., Suite 11 Garden Grove, CA 92840, United States
[T] : 1-714-979-1055
[F] : 1-714-979-1278

VPĐD TP.HCM

Tầng 33-34, Tòa nhà VBB 5 Công Trường Mê Linh P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM
[T] : (84.28) 3982 6468
[F] : (84.28) 3939 3948

VPĐD SINGAPORE

1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore 048616
[T] : +65 6323 7558
[F] : +65 6323 7559

VCBF

Tầng 15, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3936 4540
[F] : (84.44) 3936 4542

VCB BONDAY

35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
[T] : (84.24) 3936 4540
[F] : (84.44) 3936 4542

VCB BONDAY BẾN THÀNH

Số 5 Công trường Mê Linh Tòa nhà VCB, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
[T] : (84.28) 3915 6789
[F] : (84.28) 3915 3354

VCLI

Tầng 11 Tháp Capital, 109 Trần Hưng Đạo, TP. Hà Nội
[T] : (84.24) 3936 8507

CÔNG TY KIỀU HỐI VCB

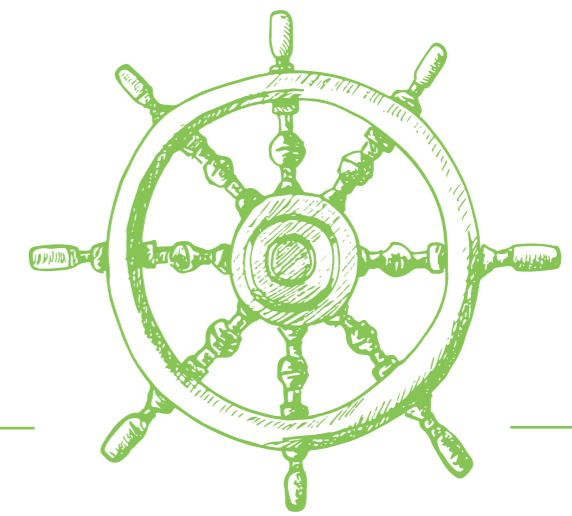
13 - 13 Bis đường Kỳ Đồng, P. 9, Quận 3, Tp.HCM
[T] : (84.28) 3526 0888
[F] : (84.28) 3526 0808





1

TRÁCH NHIỆM





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2017, Vietcombank đã dành hơn 132 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2013-2017, số tiền cho hoạt động này là trên 971 tỷ đồng.



971

TỶ ĐỒNG

LÀ SỐ TIỀN VIETCOMBANK ĐÃ DÀNH CHO
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2013-2017



HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



THÔNG ĐIỆP XANH TỪ LÒNG ĐẤT

Đây là chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh được Ban Chỉ đạo nhà nước triển khai theo Quyết định số 504/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu mà chương trình đặt ra là huy động nguồn lực trong nước và quốc tế nhằm giảm thiểu và tiến tới khắc phục hoàn toàn ảnh hưởng của bom mìn, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an toàn cho nhân dân, giúp đỡ nạn nhân bom mìn hòa nhập đời sống xã hội. Vietcombank vinh dự được tham gia đồng hành cùng chương trình.



NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT

Giải thưởng Nhân tài Đất Việt do Hội Khuyến học Việt Nam cùng Báo Dân trí tổ chức thường niên, khởi đầu là khuyến khích và tôn vinh tài năng trong lĩnh vực CNTT - truyền thông. Qua các năm, Giải thưởng Nhân tài Đất Việt không ngừng mở rộng ra các lĩnh vực Khoa học công nghệ, Y dược, Môi trường và Khuyến tài.

Vietcombank đã đồng hành cùng Giải thưởng Nhân tài Đất Việt trong suốt 5 năm qua (2013-2017) với mong muốn được chung tay cùng Ban Tổ chức để khơi dậy sự sáng tạo từ cộng đồng, đặc biệt là những sáng kiến, nghiên cứu của các cá nhân, tập thể đem lại những giải pháp thiết thực cho cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



THẤP SÁNG ƯỚC MƠ THIẾU NHI VIỆT NAM



Chương trình "Thấp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam" là hoạt động thường niên (được tổ chức lần đầu tiên năm 2008) do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Hội đồng Đội Trung ương thực hiện, dành cho trẻ em nghèo hiếu học và trẻ em lang thang đường phố, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. Qua 10 năm thực hiện và được tổ chức tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, chương trình đã nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ to lớn của các tổ chức, cá nhân với mục đích chung tay góp sức cùng cộng đồng, chia sẻ với các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em vươn lên có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em vươn lên trong cuộc sống. Vietcombank đã đồng hành trong 10 năm qua với vai trò đơn vị đồng tổ chức chương trình.

MÀU XANH CHO CUỘC SỐNG

"Green for life - Màu xanh cho cuộc sống" là dự án hướng tới việc nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống xung quanh, được Vietcombank triển khai tại một số trường tiểu học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017. Mong muốn lớn nhất của những người làm dự án là phát triển ý thức trách nhiệm cộng đồng cho học sinh thông qua các hoạt động ý nghĩa.

Với nội dung gần gũi, đội ngũ tình nguyện viên của chương trình "Green for life" khéo léo truyền cảm hứng bảo vệ môi trường cho các bạn nhỏ Hà Nội thông qua những trò chơi tương tác vô cùng lý thú. Tham gia vào chương trình, các học sinh tiểu học không chỉ được hòa mình vào nhiều hoạt động thú vị mà còn được hướng dẫn cách để nhận biết những loại rác thải nào là rác vô cơ và loại rác thải nào là rác hữu cơ,

bỏ vào các thùng đựng rác màu xanh đậm hoặc xanh nhạt do Vietcombank tài trợ.

Qua từng hoạt động cụ thể, các em học sinh đã dần hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc phân loại rác, những loại rác có thể phân hủy và những loại rác không thể phân hủy cần phải được xử lý đúng cách để có thể tái chế trước khi thải ra ngoài môi trường. Đây đều là những kiến thức thực tế rất bổ ích mà các bạn nhỏ cần phải ghi nhớ để vận dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, các em còn được tham gia các trò chơi như ghép tranh liên quan đến bảo vệ môi trường rất ý nghĩa.

Những trải nghiệm này đã mang đến cho các em học sinh những phút giây thật thoải mái khi được cùng chung tay lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp. Đây cũng là nỗ lực của Vietcombank trong việc không ngừng xây dựng hình ảnh một Ngân hàng Xanh phát triển bền vững vì cộng đồng.





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



TẶNG BÒ GIÚP ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CÁC HUYỆN GIÁP TÂY NGUYÊN THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG



Năm 2015, 2016 Vietcombank đã triển khai chương trình tài trợ bò cho đồng bào nghèo với hàng nghìn con bò được tài trợ cho các huyện miền núi khu vực Tây Nguyên và các huyện giáp Tây Nguyên. Chương trình đã được Trường Ban chỉ đạo Tây Nguyên đánh giá rất cao về tính thiết thực, hiệu quả trong việc cải thiện đời sống kinh tế đồng bào miền núi khu vực Tây Nguyên, giúp Tây Nguyên, nhằm giúp các hộ phát triển kinh tế và thoát nghèo bền vững.



HƯỚNG VỀ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG



Nhận thức được tầm quan trọng chiến lược trong việc gìn giữ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ đồng hành cùng lịch sử đấu tranh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế - xã hội đất nước, với tấm lòng luôn hướng về biển đảo Tổ quốc, Vietcombank đã có nhiều hoạt động thiết thực như: Phát động cuộc vận động "Vì Trường Sa thân yêu" với việc quyên góp từ CBNV số tiền 5 tỷ đồng trong tổng số 50 tỷ đồng của toàn ngành ngân hàng để góp phần cải thiện đời sống người dân cũng như cán bộ, chiến sỹ đảo Trường Sa, tiếp thêm sức mạnh và ý chí cho quân, dân huyện đảo trong việc quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; Quyên góp ủng hộ các chương trình "Tắm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa"; "Góp đá xây Trường Sa"; Tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô; Trao tặng xưởng Hải Quân CQ - 01 trị giá 3 tỷ đồng tới các cán bộ chiến sỹ Trường Sa; Tặng hệ thống loa tuyên truyền đặc biệt trị giá 3 tỷ đồng cho lực lượng cảnh sát biển Việt Nam...





CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)

BÊN CẠNH ĐÓ, CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG NHƯ TÂY BẮC, TÂY NGUYÊN, TÂY NAM BỘ; PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC Y TẾ; GIÁO DỤC; HỖ TRỢ XÂY NHÀ TÌNH NGHĨA; HỖ TRỢ QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI MIỀN TRUNG VÀ NHIỀU LĨNH VỰC KHÁC NHƯ: CHĂM LO CHO CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH; HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO, NGƯỜI TÀN TẬT, TRẺ EM NGHÈO VÀ NGƯỜI GIÀ CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT LUÔN ĐƯỢC VIETCOMBANK QUAN TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VỚI NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THIẾT THỰC, CÓ Ý NGHĨA.

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.



ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng tin học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank hết sức quan tâm thông qua việc tặng hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học...

Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc... Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thắp lên niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện chưa may mắn, thắp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC Y TẾ

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh... Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank cũng luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.



**HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)**

LUÔN XÁC ĐỊNH AN TOÀN, HIỆU QUẢ TRONG KINH DOANH LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU, VIETCOMBANK CŨNG LUÔN ĐỀ CAO TÍNH “NHÂN VĂN” BỞI ĐÓ LÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA VĂN HOÁ VIETCOMBANK, QUAN TÂM VÀ DÀNH MỘT NGUỒN LỰC KHÔNG NHỎ CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU QUAN TRỌNG ĐƯỢC VIETCOMBANK ĐỀ RA HÀNG NĂM. BỞI VẬY NẾU TRONG KINH DOANH, VIETCOMBANK LUÔN COI CHỮ “TÍN” LÀ KIM CHỈ NAM THÌ VỚI HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, VIETCOMBANK LUÔN LẤY CHỮ “TÂM” LÀM GỐC, LUÔN NỖ LỰC ĐỂ ĐEM LẠI NHỮNG GIÁ TRỊ THIẾT THỰC, LÂU DÀI TRONG CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN, CHĂM SÓC CỘNG ĐỒNG NHẪM GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG DÂN NGHÈO. ĐÓ CHÍNH LÀ THÔNG ĐIỆP VÀ CŨNG LÀ CAM KẾT “CHUNG NIỀM TIN VỮNG TƯƠNG LAI” MÀ VIETCOMBANK MUỐN GỬI GẮM TỚI TẤT CẢ KHÁCH HÀNG CÙNG MỌI NGƯỜI DÂN VIỆT.

**BẢNG SỐ LIỆU AN SINH XÃ HỘI****Tổng số liệu ASXH**

STT	NỘI DUNG	NĂM (ĐVT: triệu đồng)	
		2017	2013 - 2017
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	132.499	971.567

Khu vực

STT	KHU VỰC	NĂM 2017 (ĐVT: triệu đồng)
1	Khu vực Tây Bắc	31.805
2	Khu vực Tây Nguyên	3.541
3	Khu vực Tây Nam Bộ	23.227
4	Các tỉnh/thành phố khác	73.926

Các lĩnh vực

STT	MỤC ĐÍCH TÀI TRỢ	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN NĂM 2017 (ĐVT: triệu đồng)
1	Giáo dục	53.436
2	Y tế	8.971
3	Xây dựng nhà cho người nghèo/nhà đại đoàn kết	33.351
4	Khắc phục hậu quả thiên tai	9.021
5	Lĩnh vực khác	27.720

Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2017

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	SỐ TIỀN
1	Tài trợ Trường Mầm non Lạng Khê, Con Cuông, tỉnh Nghệ An	6,5 tỷ đồng
2	Xây dựng nhà cho người có công tại tỉnh Thái Bình	4 tỷ đồng
3	Xây dựng Trường Mầm non Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	4,5 tỷ đồng
4	Xây dựng Trường Tiểu học Xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	5,3 tỷ đồng
5	Xây nhà cho người nghèo tại tỉnh Trà Vinh	5 tỷ đồng

1.035.293

Tỷ đồng
Tổng tài sản



52.558

Tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu



726.734

Tỷ đồng
Huy động vốn



11.341

Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế



557.668

Tỷ đồng
Dư nợ tín dụng

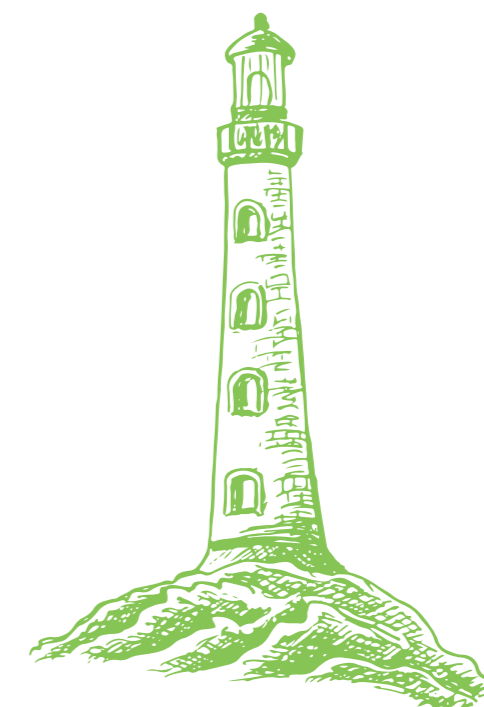


**NGÂN HÀNG
CÓ THỊ GIÁ
LỚN NHẤT**

Forbes®

1

VỊ THẾ





NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin về Ngân hàng	133 - 134
Báo cáo của Ban Điều hành	135
Báo cáo kiểm toán độc lập	136 - 137
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	138 - 140
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	141 - 142
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	143 - 144
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	145 - 219

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017 và Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 12 vào ngày 16 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Eiji Sasaki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 11 năm 2017
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Yutaka Abe	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Đào Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 8 năm 2015
Bà Trương Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Kéo dài thời gian giữ chức vụ từ ngày 1 tháng 12 năm 2017
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Eiji Sasaki	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Danh Lương	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Thôi giữ chức vụ từ ngày 21 tháng 8 năm 2017
Ông Yutaka Abe	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017





BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Lê Hoàng Tùng
Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
Thôi giữ chức vụ từ ngày 15 tháng 12 năm 2017

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Nghiêm Xuân Thành
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ-VCB
-CSTCKT ngày 8 tháng 1 năm 2018)

Từ ngày 8 tháng 1 năm 2018
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

TRỤ SỞ CHÍNH

198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam



Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:



Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018





KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 138 đến trang 219.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Ngân hàng và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2017.

CÔNG TY TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-571/4



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2018-007-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	10.102.861	9.692.053
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	93.615.618	17.382.418
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	232.973.403	151.845.570
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		159.043.345	103.236.053
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		73.930.058	48.609.517
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	9.669.033	4.233.529
1	Chứng khoán kinh doanh		9.750.244	4.271.362
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(81.211)	(37.833)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	832.354	230.658
VI	Cho vay khách hàng		535.321.404	452.721.687
1	Cho vay khách hàng	9	543.434.460	460.808.440
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(8.113.056)	(8.086.753)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	129.952.272	131.771.107
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		34.688.298	51.931.950
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		95.404.021	80.019.284
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(140.047)	(180.127)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn		3.552.828	3.627.814
2	Vốn góp liên doanh	12(a)	861.567	803.098
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12(b)	10.434	9.645
4	Đầu tư dài hạn khác	12(c)	2.705.966	2.829.418
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(25.139)	(14.347)
X	Tài sản cố định		6.162.361	5.729.637
1	Tài sản cố định hữu hình	13	4.198.053	3.726.000
a	Nguyên giá tài sản cố định		9.701.927	8.632.207
b	Hao mòn tài sản cố định		(5.503.874)	(4.906.207)
3	Tài sản cố định vô hình	14	1.964.308	2.003.637
a	Nguyên giá tài sản cố định		2.606.775	2.603.156
b	Hao mòn tài sản cố định		(642.467)	(599.519)
XII	Tài sản Có khác		13.111.149	10.700.615
1	Các khoản phải thu	15(a)	4.505.735	2.958.093
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15(b)	6.025.653	5.791.137
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		5.548	1.943
4	Tài sản Có khác	15(c)	2.576.228	1.950.379
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(2.015)	(937)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		1.035.293.283	787.935.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	16	171.385.068	54.151.413
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	66.942.203	72.238.405
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		55.803.878	53.282.230
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		11.138.325	18.956.175
III	Tiền gửi của khách hàng	18	708.519.717	590.451.344
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	23.153	-
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	18.214.504	10.286.376
VII	Các khoản nợ khác		17.650.679	12.661.994
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	8.467.337	6.454.174
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		20.052	18.461
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	9.163.290	6.189.359
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		982.735.324	739.789.532
VIII	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn của tổ chức tín dụng		36.321.931	36.022.846
a	Vốn điều lệ		35.977.686	35.977.686
g	Vốn khác		344.245	45.160
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		7.253.682	5.936.667
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		94.485	84.245
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		83.285	83.285
5	Lợi nhuận chưa phân phối		8.715.252	5.874.992
a	Lợi nhuận để lại năm trước		2.476.000	1.204.902
b	Lợi nhuận để lại năm nay		6.239.252	4.670.090
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		89.324	143.521
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22(a)	52.557.959	48.145.556
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.035.293.283	787.935.088





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1	Bảo lãnh vay vốn		265.179	222.549
2	Cam kết giao dịch hối đoái		74.729.089	24.605.699
	Cam kết mua ngoại tệ		8.223.247	9.019.812
	Cam kết bán ngoại tệ		66.505.842	15.585.887
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		45.239.213	43.914.997
5	Bảo lãnh khác		51.953.402	36.670.024
6	Các cam kết khác		284.135	63.624

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng



Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B03/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	46.158.768	37.718.211
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(24.221.222)	(19.185.461)
I	Thu nhập lãi thuần		21.937.546	18.532.750
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		5.378.176	4.326.483
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(2.839.967)	(2.219.778)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	2.538.209	2.106.705
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	2.042.417	1.850.118
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	476.400	495.768
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	(19.742)	(89.416)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		2.355.831	2.294.727
6	Chi phí hoạt động khác		(256.301)	(376.349)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	2.099.530	1.918.378
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	331.761	71.556
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		29.406.121	24.885.859
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(11.866.345)	(9.939.012)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		17.539.776	14.946.847
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(6.198.415)	(6.368.707)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TRANG SAU)		11.341.361	8.578.140





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TỪ TRANG TRƯỚC)		11.341.361	8.578.140
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(2.234.378)	(1.683.093)
8	Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		3.605	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.230.773)	(1.683.093)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		9.110.588	6.895.047
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(19.518)	(19.276)
XVI	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		9.091.070	6.875.771
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	2.103	1.517

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng



Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		45.928.055	36.779.872
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(22.219.679)	(17.717.796)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được		2.538.209	2.106.705
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		2.502.513	2.488.711
05	Chi phí khác đã trả		(90.716)	(209.799)
06	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro		2.185.100	2.121.544
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(10.478.516)	(9.305.422)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(2.082.461)	(1.739.934)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động (Tăng)/giảm về tài sản hoạt động		18.282.505	14.523.881
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(11.802.549)	(12.195.279)
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.619.967)	(31.805.807)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(601.696)	(230.030)
12	Các khoản cho vay khách hàng		(82.626.020)	(73.085.531)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(6.212.835)	(7.403.039)
14	Tài sản hoạt động khác		(2.109.501)	(203.801)
	Tăng/(giảm) về nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN		117.233.655	12.671.860
16	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		(5.296.202)	103.024
17	Tiền gửi của khách hàng		118.068.373	89.288.794
18	Phát hành giấy tờ có giá		7.928.128	7.807.306
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		23.153	-
21	Nợ hoạt động khác		1.480.116	(1.231.890)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(1.141.469)	(1.199.774)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		151.605.691	(2.960.286)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	Mua sắm tài sản cố định		(1.139.976)	(1.272.248)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		7.542	7.206
03	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(2.396)	(1.762)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		265.688	12.540
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		129.685	24.549
10	Tiền thu từ cổ tức đã có quyết định trả cổ tức năm trước		-	7.123
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(739.457)	(1.222.592)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG tài chính				
04	Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(2.896.942)	(2.665.020)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.896.942)	(2.665.020)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		147.969.292	(6.847.898)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	36	157.564.955	164.412.853
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	36	305.534.247	157.564.955

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng



Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Mẫu B05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 12 vào ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017 và Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

(b) Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 được cấp đổi lần thứ 12 vào ngày 16 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Ngân hàng là 35.977.685.750.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	2.774.353.387	77,10%	2.774.353.387	77,10%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	539.668.502	15,00%	539.668.502	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	283.746.686	7,90%	283.746.686	7,90%
	3.597.768.575	100%	3.597.768.575	100%





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(c) Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trung tâm Đào tạo, một (1) Trung tâm xử lý tiền mặt và một trăm linh một (101) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trung tâm Đào tạo, và một trăm linh một (101) chi nhánh trên toàn quốc, ba (3) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "Vietcombank".

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của NHNN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 được sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN")	Chứng khoán	100%
Công ty TNHH Tài chính Việt Nam	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 7 tháng 3 năm 1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 3 tháng 11 năm 1992 và bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19 tháng 9 năm 1995	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiều hối	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và số 1578/GPĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 4 năm 2006	Cho thuê văn phòng	70%
Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 09 năm 2017	Nhận tiền kiều hối	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và hai Giấy phép điều chỉnh số 2458/GCNĐC1/41/1 ngày 26 tháng 10 năm 2011 và số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005; sửa đổi lần gần đây nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2015	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Giấy phép đầu tư số 55/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008	Bảo hiểm nhân thọ	45%

Công ty liên kết

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991; sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 2 tháng 10 năm 2000	Cho thuê văn phòng	16%

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Vietcombank có 16.227 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 15.615 nhân viên).





2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(a) Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1(d). Ngân hàng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại thông tư này, Ngân hàng cũng đã lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("Báo cáo tài chính riêng") phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2018.

(b) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng ("TCTD") do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Vietcombank, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hoạt động kinh doanh ngoại tệ trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo các tỷ giá giao dịch áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.



(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp này và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác đảo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đảo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.



**(g) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09"). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(h) Cho vay khách hàng**(i) Dư nợ cho vay khách hàng**

Cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên số dư và kết quả phân loại nợ của các khoản cho vay của từng khách hàng tại ngày làm việc cuối cùng của quý. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên số dư và kết quả phân loại nợ của các khoản cho vay tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ngân hàng đã được NHNNVN chấp thuận thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Ngân hàng phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 02. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 02 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.



Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Ngân hàng phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ gốc sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được chiết khấu:

	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Ngân hàng trích lập khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của quý. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập bằng 0,75% tổng số dư nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- » Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- » Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

(i) Các khoản đầu tư**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.



**Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ban điều hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được. Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết cũng được Vietcombank phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") mà Vietcombank đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại TCKT và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Vietcombank so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại TCKT. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

**(j) Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(k) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- » Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- » Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- » Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-----------|
| » Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| » Máy móc, thiết bị | 3 - 5 năm |
| » Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 năm |
| » Tài sản cố định hữu hình khác | 4 năm |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- » Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không được trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

(ii) Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong vòng 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)



Mẫu B05/TCTD-HN

(m) Tài sản Có khác

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, các tài sản có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các tài sản có chưa đến hạn thanh toán nhưng TCKT lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(h).

(n) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

(o) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(p) Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(q) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên ("người lao động đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó. Trước năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Vietcombank.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC ("Thông tư 180") hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Vietcombank đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(r) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Ngân hàng sử dụng theo mục đích quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 ("Nghị định 93"). Mức trích lập quỹ trong năm được trình bày tại Thuyết minh 22.

(s) Vốn và các quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi căn trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(iv) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank ("VCBL") dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL.
- » Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế. Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 ("Nghị định 57"), mức tối đa của quỹ dự phòng tài chính là 25% vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL. Theo Nghị định 93 thay thế Nghị định 57, thì không có quy định về mức tối đa này.
- » Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối của Vietcombank.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS") trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.
- » Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của VCBS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(v) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang Đồng Việt Nam cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(t) Doanh thu và chi phí

(i) Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn được trình bày tại Thuyết minh 2(h). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán theo phương pháp dự thu. Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác lập.

(iii) Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư 200, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

(iv) Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 1 năm 2013, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập hoạt động kinh doanh.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(u) Thuê tài sản

(i) *Đi thuê*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) *Cho thuê*

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại nợ cho các khoản cho thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

(v) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(w) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- » Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Vietcombank;
- » Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- » Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- » Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Vietcombank;
- » Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Vietcombank;
- » Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Vietcombank.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Vietcombank. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên liên quan của Vietcombank.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các khoản mục ngoại bảng

(i) *Các hợp đồng ngoại hối*

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.





(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng cho mục đích quản lý (Thuyết minh 2(h)).

(z) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

(aa) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Vietcombank (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

3 TRÌNH BÀY CÔNG CỤ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Tiền;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- » Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Cho vay khách hàng;
- » Chứng khoán kinh doanh;
- » Chứng khoán đầu tư;
- » Đầu tư dài hạn;
- » Các tài sản phái sinh; và
- » Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- » Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- » Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- » Tiền gửi của khách hàng;
- » Phát hành giấy tờ có giá;
- » Các khoản nợ phải trả phái sinh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ riêng cho mục đích mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210").

Đối với tài sản tài chính, phân loại thành:

- » Tài sản tài chính kinh doanh;
- » Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- » Các khoản cho vay và phải thu; và
- » Tài sản sẵn sàng để bán.

Đối với nợ phải trả tài chính, phân loại thành:

- » Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- » Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.



**(b) Ghi nhận**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Vietcombank tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Vietcombank ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch).

(c) Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

(d) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 43(b).

Việc lập và trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày tại Thuyết minh 43(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

4. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	8.185.268	7.550.927
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.917.103	2.140.681
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	490	445
	10.102.861	9.692.053

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền gửi bằng VND	77.675.012	11.205.807
Tiền gửi bằng USD	15.940.606	6.176.611
	93.615.618	17.382.418

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản thanh toán.

Số dư bình quân tài khoản thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong tháng. Dự trữ bắt buộc cho tháng duy trì dự trữ bắt buộc được tính bằng cách lấy số dư bình quân các loại tiền gửi huy động phải dự trữ bắt buộc của Ngân hàng trong tháng xác định dự trữ bắt buộc nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định cho Ngân hàng và cho từng loại tiền gửi tương ứng.

Tỷ lệ DTBB thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất thực tế của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2017	31/12/2016
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	1,2%/năm	1,2%/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0%/năm	0%/năm
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%/năm	0,05%/năm





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	136.596	35.746
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	44.995.386	32.965.428
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	58.303.507	48.491.747
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	55.607.856	21.743.132
	159.043.345	103.236.053
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VND	71.438.839	47.986.807
Cho vay bằng ngoại tệ	2.491.219	622.710
	73.930.058	48.609.517
	232.973.403	151.845.570

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	187.841.421	118.844.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	6.753.281	3.198.613
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	2.267.809	453.522
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	283.298	64.500
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	2.962	3
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	442.894	554.724
	9.750.244	4.271.362
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(81.211)	(37.833)
	9.669.033	4.233.529

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	9.021.090	3.652.135
Chưa niêm yết	283.298	64.500
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	344.264	444.856
Chưa niêm yết	101.592	109.871
	9.750.244	4.271.362

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	37.833	16.343
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 28)	43.378	21.490
Số dư cuối năm	81.211	37.833





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	59.934.601	785.882	21.388.496	207.249
Hợp đồng kỳ hạn	6.863.062	46.472	2.314.850	23.409
	66.797.663	832.354	23.703.346	230.658

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	536.742.491	455.371.521
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	3.109.627	2.569.000
Cho thuê tài chính	3.576.815	2.854.489
Các khoản trả thay khách hàng	432	277
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	5.095	13.153
	543.434.460	460.808.440

Phân tích dư nợ theo chất lượng nợ cho vay như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Nợ đủ tiêu chuẩn	532.442.513	446.465.882
Nợ cần chú ý	4.783.258	7.420.187
Nợ dưới tiêu chuẩn	684.223	1.359.507
Nợ nghi ngờ	3.584.263	1.347.185
Nợ có khả năng mất vốn	1.940.203	4.215.679
	543.434.460	460.808.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Nợ ngắn hạn	303.366.942	260.095.582
Nợ trung hạn	56.529.525	53.767.184
Nợ dài hạn	183.537.993	146.945.674
	543.434.460	460.808.440

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Doanh nghiệp nhà nước	83.310.960	91.143.102
Công ty trách nhiệm hữu hạn	109.118.330	96.800.842
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	38.357.370	30.651.691
Hợp tác xã và công ty tư nhân	5.250.845	7.459.542
Cá nhân	177.778.008	116.463.229
Khác	129.618.947	118.290.034
	543.434.460	460.808.440

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Sản xuất và gia công chế biến	147.736.460	140.793.745
Thương mại, dịch vụ	118.528.188	117.623.973
Xây dựng	32.115.297	25.148.575
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	26.547.170	28.619.537
Khai khoáng	16.311.491	18.477.439
Nông, lâm, thủy hải sản	11.296.702	12.740.155
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	23.016.953	26.914.695
Nhà hàng, khách sạn	9.441.003	8.471.154
Các ngành khác	158.441.196	82.019.167
	543.434.460	460.808.440





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Dự phòng chung	4.116.920	3.374.674
Dự phòng cụ thể	3.996.136	4.712.079
	8.113.056	8.086.753

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Số dư đầu năm	3.374.674	2.706.385
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 33)	742.246	668.287
Chênh lệch tỷ giá	-	2
Số dư cuối năm	4.116.920	3.374.674

Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Số dư đầu năm	4.712.079	5.903.493
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 33)	5.496.249	2.980.900
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(6.212.835)	(4.174.822)
Chênh lệch tỷ giá	643	2.508
Số dư cuối năm	3.996.136	4.712.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	34.671.798	51.914.700
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	95.280.474	79.856.407
	129.952.272	131.771.107

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ	25.153.866	39.127.435
Tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN	2.000.000	-
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	7.426.242	12.496.325
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	100.000	300.000
<i>Chứng khoán vốn</i>		
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	8.190	8.190
	34.688.298	51.931.950
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(16.500)	(17.250)
Tổng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	34.671.798	51.914.700

(i) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	16.500	17.250

Biến động dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	17.250	18.150
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 33)	(750)	(900)
Số dư cuối năm	16.500	17.250





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu Chính phủ	73.423.370	62.660.834
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	7.647.900	2.400.099
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	14.332.751	14.958.351
	95.404.021	80.019.284
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(123.547)	(162.877)
Tổng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.280.474	79.856.407

(ii) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	123.547	113.536
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	49.341
	123.547	162.877

Biến động dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	113.536	74.466
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 33)	10.011	39.070
Số dư cuối năm	123.547	113.536

Biến động dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	49.341	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	(49.341)	49.341
Số dư cuối năm	-	49.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(iii) Phân tích chất lượng chứng khoán chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	22.432.752	18.548.351
Nợ cần chú ý	-	1.010.000
	22.432.752	19.558.351

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

(a) Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	452.854
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	136.665
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	272.048
			815.515	861.567

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành (i)	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	397.244
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	132.307
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	273.547
			815.515	803.098





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(i) Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành và 51% vốn góp của Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank. Điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty con”.

(ii) Ngân hàng sở hữu 45% vốn góp của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif. Điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty này. Khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết”.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	10.434

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	9.645

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Quản trị nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(c) Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất – Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	6,97%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	3,97%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,83%	499.602
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			2.705.966
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(25.139)
			2.680.827





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(c) Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: (tiếp theo)

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất - Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Ngân hàng	4,30%	123.452
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	7,04%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	4,72%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,83%	499.602
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
			2.829.418
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(14.347)
			2.815.071

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	14.347	35.789
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh 32)	10.792	(21.442)
Số dư cuối năm	25.139	14.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn Triệu VND	Tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	3.524.303	3.479.396	742.238	886.270	8.632.207
Tăng trong năm	343.270	354.524	105.648	335.938	1.139.380
- Mua trong năm	326.034	354.496	105.648	265.799	1.051.977
- Tăng khác	17.236	28	-	70.139	87.403
Giảm trong năm	(3.473)	(31.449)	(18.203)	(16.535)	(69.660)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.582)	(31.246)	(18.088)	(14.191)	(66.107)
- Giảm khác	(891)	(203)	(115)	(2.344)	(3.553)
Số dư cuối năm	3.864.100	3.802.471	829.683	1.205.673	9.701.927
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	768.935	3.082.135	482.161	572.976	4.906.207
Tăng trong năm	167.687	250.804	79.459	168.694	666.644
- Khấu hao trong năm	166.989	250.804	79.459	168.196	665.448
- Tăng khác	698	-	-	498	1.196
Giảm trong năm	(2.894)	(31.431)	(18.203)	(16.449)	(68.977)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.636)	(31.228)	(18.088)	(14.037)	(64.989)
- Giảm khác	(1.258)	(203)	(115)	(2.412)	(3.988)
Số dư cuối năm	933.728	3.301.508	543.417	725.221	5.503.874
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	2.755.368	397.261	260.077	313.294	3.726.000
Số dư cuối năm	2.930.372	500.963	286.266	480.452	4.198.053

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 3.609.533 triệu VND.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Bản quyền và bằng sáng chế Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	1.964.288	541.970	96.898	2.603.156
Mua trong năm	35.802	48.492	3.705	87.999
Giảm khác trong năm	(84.380)	-	-	(84.380)
Số dư cuối năm	1.915.710	590.462	100.603	2.606.775
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	50.145	477.060	72.314	599.519
Khấu hao trong năm	9.055	29.122	7.849	46.026
Giảm khác trong năm	(3.078)	-	-	(3.078)
Số dư cuối năm	56.122	506.182	80.163	642.467
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	1.914.143	64.910	24.584	2.003.637
Số dư cuối năm	1.859.588	84.280	20.440	1.964.308

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 539.560 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Các khoản phải thu nội bộ	942.915	862.386
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	3.562.820	2.095.707
	4.505.735	2.958.093

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	436.817	109.277
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	252.797	195.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	134	67
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.425	2.129
Tạm ứng thuế khác	2	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	428.340	404.096
Các khoản phải thu khác	2.426.305	1.384.253
	3.562.820	2.095.707





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	428.340	404.096
<i>Trong đó, những dự án lớn:</i>	353.210	290.262
Dự án trụ sở Chi nhánh Nam Định	133.500	-
Dự án trụ sở Chi nhánh Ninh Bình	60.000	-
Dự án trụ sở Chi nhánh Hưng Yên	-	128.871
Dự án trụ sở Chi nhánh Đông Sài Gòn	58.321	45.323
Dự án trụ sở Chi nhánh Bình Thuận	57.643	37.623
Dự án trụ sở Chi nhánh Trà Vinh	22.906	12.014
Dự án trụ sở Chi nhánh Kon Tum	20.785	1.327
Dự án trụ sở Chi nhánh Vũng Tàu	55	30.112
Dự án trụ sở Chi nhánh Bình Dương	-	14.170
Dự án trụ sở Chi nhánh Khánh Hòa	-	11.072
Dự án trụ sở Chi nhánh Thái Bình	-	9.750

(b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Từ cho vay khách hàng	2.343.515	1.839.006
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	458.793	417.424
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	3.205.653	3.509.975
Từ các giao dịch phái sinh	15.969	20.286
Phí phải thu	1.723	4.446
	6.025.653	5.791.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(c) Tài sản Có khác

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	698.732	829.789
Vật liệu	107.908	94.973
Tạm ứng thanh toán thẻ	954.952	461.401
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	383.423	252.750
Tài sản Có khác	431.213	311.466
	2.576.228	1.950.379
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(2.015)	(937)
	2.574.213	1.949.442

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNNVN

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.158.664	4.630.802
Vay theo hồ sơ tín dụng	3.400.693	3.903.811
Vay khác	757.971	726.991
Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước	165.081.565	42.752.358
Tiền gửi bằng VND	155.836.670	28.492.101
Tiền gửi bằng ngoại tệ	9.244.895	14.260.257
Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.144.839	6.768.253
	171.385.068	54.151.413





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	55.803.878	53.282.230
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	12.085.649	3.246.953
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	39.883.554	38.323.368
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	-	6.150.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.834.675	5.561.909
Vay các tổ chức tín dụng khác	11.138.325	18.956.175
Vay bằng VND	3.401.700	4.109.645
Vay bằng ngoại tệ	7.736.625	14.846.530
	66.942.203	72.238.405

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	201.004.132	159.627.676
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	149.797.322	120.425.822
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	51.206.810	39.201.854
Tiền gửi có kỳ hạn	495.438.508	422.812.904
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	417.756.992	352.762.147
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	77.681.516	70.050.757
Tiền gửi vốn chuyên dùng	10.951.390	6.227.201
Tiền gửi kỳ quỹ	1.125.687	1.783.563
	708.519.717	590.451.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	316.488.540	263.487.641
Cá nhân	392.031.177	326.963.703
	708.519.717	590.451.344

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	23.153	-

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi		
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	170	168
Trung hạn bằng VND	325	324
Trung hạn bằng ngoại tệ	2.298	4.931
Kỳ phiếu, trái phiếu		
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	30	103
Trung hạn bằng VND	7.211.622	4.280.791
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
Dài hạn bằng VND	11.000.000	6.000.000
	18.214.504	10.286.376





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Lãi tiền gửi của khách hàng	7.851.033	6.064.335
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	307.489	272.919
Lãi phải trả phát hành giấy có giá	268.081	49.768
Lãi phải trả giao dịch phái sinh	34.403	64.016
Phí ủy thác đầu tư	6.331	3.136
	8.467.337	6.454.174

(b) Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Các khoản phải trả nội bộ (i)	2.811.953	2.004.130
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	4.500.523	2.945.862
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.850.814	1.239.367
	9.163.290	6.189.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(i) Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	2.447.077	1.770.722
Các khoản phải trả khác	364.876	233.408
	2.811.953	2.004.130

(ii) Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Thuế phải trả	484.827	249.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	276.569	124.533
Thuế giá trị gia tăng chờ nộp ngân sách	37.539	36.749
Các thuế khác phải trả	170.719	88.499
Lãi nhận trước chờ phân bổ	36.021	32.966
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	357.244	128.468
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	161.561	161.071
Các khoản khác phải trả khách hàng	532.487	525.297
Các khoản chờ thanh toán khác	355.780	346.219
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vay Bộ Tài chính	702.162	651.693
Phải trả khác	1.805.913	785.839
	4.500.523	2.945.862





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Triệu VND

	Vốn điều lệ	Vốn khác	Quỹ của tổ chức tín dụng		Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
			Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính							
Số dư tại ngày 1/1/2017 (trình bày lại)	35.977.686	45.160	1.952.746	3.913.260	70.661	5.936.667	84.245	83.285	5.874.992	143.521	48.145.556
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	9.091.070	19.518	9.110.588
Tạm trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm 2017	-	-	442.458	884.916	-	1.327.374	-	-	(1.327.374)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.501.302)	-	(1.501.302)
Điều chỉnh trích các quỹ năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	-	-	2	4	-	6	-	-	(224.072)	-	(224.066)
Trích các quỹ của các công ty con	-	-	8.452	11.888	-	20.340	-	-	(42.596)	(449)	(22.705)
Sử dụng trong năm	-	-	-	(8.803)	-	(8.803)	-	-	-	-	(8.803)
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	(583)	-	(583)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.878.215)	(18.727)	(2.896.942)
Giảm vốn công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(54.708)	(54.708)
Tăng vốn công ty con (*)	-	299.085	(21.884)	-	-	(21.884)	-	-	(277.201)	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	10.240	-	-	185	10.425
Biến động khác	-	-	-	(18)	-	(18)	-	-	533	(16)	499
Số dư tại ngày 31/12/2017	35.977.686	344.245	2.381.774	4.801.247	70.661	7.253.682	94.485	83.285	8.715.252	89.324	52.557.959

(*) Trong năm 2017, Ngân hàng đã thực hiện sử dụng lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS") để tăng vốn điều lệ của VCBS theo Nghị quyết số 380/NQ-VCB-HĐQT ngày 1 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng Quản trị của Ngân hàng.





(b) Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Cổ phiếu phổ thông		
Nhà nước	27.743.534	27.743.534
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	5.396.685	5.396.685
Các cổ đông khác	2.837.467	2.837.467
	35.977.686	35.977.686

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần theo giấy phép	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

23. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết số 10/TN2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng đã quyết định mức chia cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt là 8% mệnh giá, tương đương với số tiền là 2.878.215 triệu VND. Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cổ tức năm 2016 cho các cổ đông vào ngày 16 tháng 10 năm 2017 theo Nghị quyết số 258/NQ-VCB-HĐQT ngày 5 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Quản trị.

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng	36.165.352	29.024.053
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.974.911	1.521.011
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:	7.197.869	6.563.613
<i>từ chứng khoán đầu tư</i>	<i>6.936.567</i>	<i>6.446.456</i>
<i>từ chứng khoán kinh doanh</i>	<i>261.302</i>	<i>117.157</i>
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	253.228	216.949
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	390.347	313.407
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	-	66.752
Thu khác từ hoạt động tín dụng	177.061	12.426
	46.158.768	37.718.211

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	22.348.284	17.938.402
Chi phí lãi tiền vay	773.985	840.751
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.067.368	349.491
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	31.585	56.817
	24.221.222	19.185.461





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	3.451.048	2.765.256
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	243.295	215.643
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	30.477	21.722
Thu khác	1.653.356	1.323.862
	5.378.176	4.326.483
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		
Chi về dịch vụ thanh toán	(2.190.939)	(1.694.872)
Chi về dịch vụ ngân quỹ	(59.688)	(58.074)
Chi về dịch vụ viễn thông	(94.812)	(88.295)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(7.093)	(4.852)
Chi khác	(487.435)	(373.685)
	(2.839.967)	(2.219.778)
	2.538.209	2.106.705

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ ki nh doanh ngoại tệ giao ngay	3.033.367	2.657.525
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	333.649	304.878
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	921	2.687
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	86.975	4.929
	3.454.912	2.970.019
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(681.035)	(444.741)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(573.197)	(457.342)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(37.520)	(198.781)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	(120.743)	(19.037)
	(1.412.495)	(1.119.901)
	2.042.417	1.850.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	598.033	595.413
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(78.255)	(78.155)
Chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(43.378)	(21.490)
	476.400	495.768

29. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	338	52.590
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(20.080)	(142.006)
	(19.742)	(89.416)

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	2.185.100	2.122.701
Thu về nghiệp vụ bán nợ	-	57.110
Thu nhập khác	170.731	114.916
	2.355.831	2.294.727
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(85.028)	(132.417)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	-	(2.026)
Chi công tác xã hội	(106.832)	(216.968)
Chi phí khác	(64.441)	(24.938)
	(256.301)	(376.349)
	2.099.530	1.918.378





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 34)	129.685	24.549
<i>Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận</i>	116.966	16.641
<i>Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận</i>	12.719	7.908
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	142.236	-
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 34)	59.840	47.007
	331.761	71.556

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	229.392	214.059
Chi phí cho nhân viên	6.733.373	5.357.363
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi lương và phụ cấp (Thuyết minh 37)</i>	6.289.709	4.959.636
<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	308.610	278.035
<i>Chi trợ cấp</i>	3.539	1.952
Chi về tài sản	2.051.907	1.976.666
<i>Trong đó:</i>		
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>	711.474	712.406
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.358.518	2.030.266
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	444.889	355.746
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(c))	10.792	(21.442)
Chi phí hoạt động khác	37.474	26.354
	11.866.345	9.939.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

33. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	742.246	668.287
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	5.496.249	2.980.900
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 11)	9.261	38.170
Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	(49.341)	2.681.350
	6.198.415	6.368.707

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	11.341.361	8.578.140
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(302.354)	(220.863)
Cổ tức thu được trong năm (Thuyết minh 31)	(129.685)	(24.549)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 31)	(59.840)	(47.007)
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(7.935)	(106.648)
Chi phí từ các hoạt động không chịu thuế TNDN	19.081	1.325
Thu nhập chịu thuế	10.860.628	8.180.398
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của Ngân hàng (thuế suất: 20%)	(2.172.126)	(1.636.079)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 20%)	(60.201)	(45.474)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 16,5%)	(2.051)	(1.540)
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	(2.234.378)	(1.683.093)





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, ngoài trừ Công ty TNHH Tài chính Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 16%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần	9.091.070	6.875.771
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.523.558)	(1.417.855)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	7.567.512	5.457.916

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập vào thời điểm cuối năm. Do đó, lợi nhuận thuần dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng.

(b) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	3.597.768.575	2.665.020.334
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm (*)	-	932.748.241
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	3.597.768.575	3.597.768.575

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Ngân hàng điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo (Thuyết minh 2(aa)).

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017	2016 (trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.103	1.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	10.102.861	9.692.053
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	93.615.618	17.382.418
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	199.815.768	130.490.484
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	2.000.000	-
	305.534.247	157.564.955

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2017	2016 (trình bày lại)
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	16.227	15.615
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (Thuyết minh 32)	6.289.709	4.959.636
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	32,30	26,47





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)



Mẫu B05/TCTD-HN

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư tại ngày 1/1/2017		Phát sinh trong năm		Số dư tại ngày 31/12/2017		
	Triệu VND (trình bày lại)	Triệu VND	Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Ứng trước Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	34.620		364.252	(379.758)	37.539	(18.425)	19.114
Thuế TNDN hiện hành	124.466		2.234.430	(2.082.461)	276.569	(134)	276.435
Trong đó:							
Thuế TNDN của Ngân hàng	124.533		2.234.378	(2.082.342)	276.569	-	276.569
Điều chỉnh thuế các năm trước	(11)		52	(119)	-	(78)	(78)
Nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico	(56)		-	-	-	(56)	(56)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	18.461		1.591	-	20.052	-	20.052
Các loại thuế khác	88.497		881.887	(799.667)	170.719	(2)	170.717
	266.044		3.482.160	(3.261.886)	504.879	(18.561)	486.318

39. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền gửi	68.674.401	53.666.664
Giấy tờ có giá	108.914.574	71.392.260
Bất động sản	453.798.437	339.931.848
Tài sản bảo đảm khác	208.494.777	389.638.755
	839.882.189	854.629.527

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Vietcombank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

41. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Mối liên hệ	Thu nhập/(chi phí)	
	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu	
Thu nhập từ lãi tiền gửi	134.601	124.475
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay	(173.156)	(160.765)
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu	
Chi phí lãi tiền gửi	(565.023)	(204.319)
Chi phí lãi tiền vay	(28.991)	(26.959)

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã chi không vượt quá 0,35% lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Nghị quyết số 10/TN2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông.

Thu nhập của Ban Điều hành đã chi theo Quy chế Tiền lương trong hệ thống Vietcombank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Số dư với các bên liên quan

Mối liên hệ	Phải thu/(phải trả)	
	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu	
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNNVN	93.615.296	17.382.418
Tiền gửi và tiền vay của NHNNVN tại Vietcombank	(6.303.503)	(11.399.055)
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu	
Tiền gửi tại Ngân hàng	(165.081.565)	42.752.358
Vay Bộ Tài chính	(702.162)	(651.693)
Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	Cổ đông chiến lược	
Tiền gửi của Ngân hàng tại Mizuho Bank Ltd.,	5.994.987	625.946
Tiền gửi của Mizuho Bank Ltd., tại Ngân hàng	(3.190.241)	(2.287.708)
Cho vay Mizuho Bank Ltd.,	448.500	-





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)



42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:		Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	65.206.586	11.444.290	31.275.800	37.660	(61.805.568)	46.158.768
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(55.727.008)	(8.274.306)	(22.018.642)	(12.604)	61.811.338	(24.221.222)
I	Thu nhập lãi thuần	9.479.578	3.169.984	9.257.158	25.056	5.770	21.937.546
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.022.788	491.677	1.950.460	27.650	(114.399)	5.378.176
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.758.199)	(21.157)	(77.496)	(10.323)	27.208	(2.839.967)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	264.589	470.520	1.872.964	17.327	(87.191)	2.538.209
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.542.001	74.641	424.565	1.210	-	2.042.417
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	482.170	-	-	-	(5.770)	476.400
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(19.742)	-	-	-	-	(19.742)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	925.959	304.469	1.135.143	605	(10.345)	2.355.831
6	Chi phí hoạt động khác	(200.279)	(24.889)	(31.133)	-	-	(256.301)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	725.680	279.580	1.104.010	605	(10.345)	2.099.530
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	331.761	-	-	-	-	331.761
	Tổng thu nhập hoạt động	12.806.037	3.994.725	12.658.697	44.198	(97.536)	29.406.121
VIII	Chi phí hoạt động	(7.865.647)	(1.091.651)	(2.963.507)	(43.076)	97.536	(11.866.345)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.940.390	2.903.074	9.695.190	1.122	-	17.539.776
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.558.949)	(760.192)	(3.879.355)	81	-	(6.198.415)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.381.441	2.142.882	5.815.835	1.203	-	11.341.361
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(640.489)	(428.576)	(1.163.261)	(2.052)	-	(2.234.378)
8	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	3.605	-	-	-	-	3.605
XII	Chi phí thuế TNDN	(636.884)	(428.576)	(1.163.261)	(2.052)	-	(2.230.773)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	2.744.557	1.714.306	4.652.574	(849)	-	9.110.588





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)



42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:		Dịch vụ tài chính ngân hàng Triệu VND	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng Triệu VND	Chứng khoán Triệu VND	Khác Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	107.386.440	300.838	184.080	29.752	(61.742.342)	46.158.768
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(85.768.709)	(117.769)	(82.856)	-	61.748.112	(24.221.222)
I	Thu nhập lãi thuần	21.617.731	183.069	101.224	29.752	5.770	21.937.546
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.113.031	7.411	232.642	137.987	(112.895)	5.378.176
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.760.506)	(852)	(43.397)	(60.916)	25.704	(2.839.967)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.352.525	6.559	189.245	77.071	(87.191)	2.538.209
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.040.601	1.816	-	-	-	2.042.417
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	471.229	-	10.941	-	(5.770)	476.400
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(19.742)	-	-	-	-	(19.742)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.347.077	18.430	88	581	(10.345)	2.355.831
6	Chi phí hoạt động khác	(256.298)	-	(3)	-	-	(256.301)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	2.090.779	18.430	85	581	(10.345)	2.099.530
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	319.043	-	12.718	-	-	331.761
	Tổng thu nhập hoạt động	28.872.166	209.874	314.213	107.404	(97.536)	29.406.121
VIII	Chi phí hoạt động	(11.639.315)	(100.889)	(191.986)	(31.691)	97.536	(11.866.345)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	17.232.851	108.985	122.227	75.713	-	17.539.776
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.187.511)	(10.904)	-	-	-	(6.198.415)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.045.340	98.081	122.227	75.713	-	11.341.361
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.172.125)	(19.233)	(25.507)	(17.513)	-	(2.234.378)
8	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	-	-	3.605	-	-	3.605
XII	Chi phí thuế TNDN	(2.172.125)	(19.233)	(21.902)	(17.513)	-	(2.230.773)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	8.873.215	78.848	100.325	58.200	-	9.110.588





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)



43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Vietcombank không nắm giữ tài sản bảo đảm mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Giá trị ghi sổ – gộp						Giá trị hợp lý Triệu VND
	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	10.102.861	-	-	10.102.861	10.102.861
II Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	93.615.618	-	-	93.615.618	93.615.618
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	232.973.403	-	-	232.973.403	(*)
IV Chứng khoán kinh doanh	9.750.244	-	-	-	-	9.750.244	(*)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	832.354	-	-	-	-	832.354	(*)
VI Cho vay khách hàng	-	-	543.434.460	-	-	543.434.460	(*)
VIII Chứng khoán đầu tư	-	95.404.021	-	34.688.298	-	130.092.319	(*)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	2.705.966	-	2.705.966	(*)
XII Tài sản tài chính khác	-	-	10.389.978	-	-	10.389.978	(*)
	10.582.598	95.404.021	890.516.320	37.394.264	-	1.033.897.203	(*)
Nợ phải trả tài chính							
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	238.327.271	238.327.271	(*)
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	708.519.717	708.519.717	(*)
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	23.153	23.153	(*)
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	18.214.504	18.214.504	(*)
VI Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	9.581.693	9.581.693	(*)
	-	-	-	-	974.666.338	974.666.338	(*)

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.





43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có ("ALCO") là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

(i) Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay, ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 09 (Thuyết minh 2(h)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.



43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, không tính đến tài sản bảo đảm hay hỗ trợ tín dụng:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN	93.615.618	-	-	93.615.618
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	232.973.403	-	-	232.973.403
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	159.043.345	-	-	159.043.345
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	73.930.058	-	-	73.930.058
Chứng khoán kinh doanh	9.304.388	-	-	9.304.388
Cho vay khách hàng - gộp	530.523.725	1.918.788	10.991.947	543.434.460
Chứng khoán đầu tư - gộp	130.084.129	-	-	130.084.129
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	34.680.108	-	-	34.680.108
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.404.021	-	-	95.404.021
Tài sản Có khác	10.389.978	-	-	10.389.978
	1.006.891.241	1.918.788	10.991.947	1.019.801.976

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm Ngân hàng nắm giữ tại ngày báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 39.



43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho tới kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản có khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi;
- » Chứng khoán kinh doanh được xếp vào khoản mục đến 1 tháng;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và các khoản nợ khác được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế của các giấy tờ có giá đã phát hành được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Vietcombank đối với từng đợt phát hành.

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)



43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn Triệu VND	Không chịu lãi Triệu VND	Dưới 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng Triệu VND	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản									
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	10.102.861	-	-	-	-	-	-	10.102.861
II Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	93.615.618	-	-	-	-	-	93.615.618
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	342.551	194.099.786	24.221.210	3.455.884	1.166.465	9.687.507	-	232.973.403
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	445.856	9.304.388	-	-	-	-	-	9.750.244
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	832.354	-	-	-	-	832.354
VI Cho vay khách hàng - gộp	4.585.850	-	136.312.274	190.400.868	134.793.655	50.901.816	25.880.118	559.879	543.434.460
VII Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	2.865.431	3.754.383	7.481.502	7.361.237	76.189.267	32.440.499	130.092.319
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	3.577.967	-	-	-	-	-	-	3.577.967
IX Tài sản cố định	-	6.162.361	-	-	-	-	-	-	6.162.361
X Tài sản Có khác - gộp	-	13.113.164	-	-	-	-	-	-	13.113.164
Tổng tài sản	4.585.850	33.744.760	436.197.497	219.208.815	145.731.041	59.429.518	111.756.892	33.000.378	1.043.654.751
Nợ phải trả									
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	223.572.873	8.805.484	4.650.151	1.298.763	-	-	238.327.271
II Tiền gửi của khách hàng	-	22.799	392.353.563	116.798.766	104.491.082	90.564.536	4.282.108	6.863	708.519.717
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	153	-	-	1.640	21.360	23.153
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.017	-	-	3.220.387	14.252.100	740.000	18.214.504
VI Các khoản nợ phải trả khác	-	17.650.679	-	-	-	-	-	-	17.650.679
Tổng nợ phải trả	-	17.673.478	615.928.453	125.604.403	109.141.233	95.083.686	18.535.848	768.223	982.735.324
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	4.585.850	16.071.282	(179.730.956)	93.604.412	36.589.808	(35.654.168)	93.221.044	32.232.155	60.919.427





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Vietcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Một số tài sản khác của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Vietcombank áp dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2017	31/12/2016
USD/VND	22.425	22.159
EUR/VND	26.696	23.573

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

	VND Triệu VND	USD Triệu VND	EUR Triệu VND	Tiền tệ khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản					
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.185.268	1.345.517	281.095	290.981	10.102.861
II Tiền gửi tại NHNNVN	77.675.012	15.940.606	-	-	93.615.618
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	129.878.942	75.960.809	21.827.430	5.306.222	232.973.403
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	9.750.244	-	-	-	9.750.244
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	61.595.944	(60.522.893)	(171.207)	(69.490)	832.354
VI Cho vay khách hàng - gộp	457.398.574	84.734.916	14.1579	1.159.391	543.434.460
VII Chứng khoán đầu tư - gộp	74.029.819	56.062.500	-	-	130.092.319
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	3.577.967	-	-	-	3.577.967
IX Tài sản cố định	6.162.361	-	-	-	6.162.361
X Tài sản Có khác - gộp	11.240.963	1.781.388	50.640	40.173	13,113,164
Tổng tài sản	839.495.094	175.302.843	22.129.537	6.727.277	1.043.654.751
Nợ phải trả					
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD khác	175.475.376	40.611.363	17.597.016	4.643.516	238.327.271
II Tiền gửi của khách hàng	572.968.721	128.587.593	4.382.048	2.581.355	708.519.717
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	23.153	-	-	-	23.153
V Phát hành giấy tờ có giá	18.211.995	2.509	-	-	18.214.504
VI Các khoản nợ phải trả khác	15.577.170	2.021.213	26.742	25.554	17.650.679
Tổng nợ phải trả	782.256.415	171.222.678	22.005.806	7.250.425	982.735.324
Trạng thái tiền tệ nội bảng	57.238.679	4.080.165	123.731	(523.148)	60.919.427



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- » Tiền gửi tại NHNNVN được xem như tiền gửi thanh toán, bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được coi là dưới 1 tháng do các chứng khoán này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- » Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đến hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- » Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- » Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay, tiền gửi và giấy tờ có giá này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ tài khoản tiền gửi thanh toán của các TCTD khác tại Vietcombank và tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể được tái tục và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2017:





43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng Triệu VND
	Trên 3 tháng Triệu VND	Đến 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	
Tài sản								
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	10.102.861	-	-	-	-	10.102.861
II Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	93.615.618	-	-	-	-	93.615.618
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	194.131.417	24.164.184	2.680.525	11.997.277	-	232.973.403
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	9.750.244	-	-	-	-	9.750.244
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	832.354	-	-	-	832.354
VI Cho vay khách hàng - gộp	2.691.053	1.894.798	45.327.702	119.756.136	165.406.550	110.207.307	98.150.914	543.434.460
VII Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	2.573.430	988.383	8.875.820	81.269.187	36.385.499	130.092.319
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	3.577.967	3.577.967
IX Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	6.162.361	6.162.361
X Tài sản Có khác - gộp	-	-	-	13.113.164	-	-	-	13.113.164
Tổng tài sản	2.691.053	1.894.798	355.501.272	158.854.221	176.962.895	203.473.771	144.276.741	1.043.654.751
Nợ phải trả								
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	222.504.598	8.751.684	4.031.038	1.953.730	1.086.221	238.327.271
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	204.482.711	124.412.793	210.522.090	33.359.982	135.742.141	708.519.717
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	153	-	-	1.640	21.360	23.153
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.017	-	-	7.352.100	10.860.387	18.214.504
VI Các khoản nợ phải trả khác	-	-	-	17.650.679	-	-	-	17.650.679
Tổng nợ phải trả	-	-	426.989.479	150.815.156	214.553.128	42.667.452	147.710.109	982.735.324
Mức chênh thanh khoản ròng	2.691.053	1.894.798	(71.488.207)	8.039.065	(37.590.233)	160.806.319	(3.433.368)	60.919.427





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

(a) Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước

Số liệu đầu kỳ tại bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được trình bày lại theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước như sau:

(i) Ảnh hưởng đối với tổng tài sản

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Cho vay khách hàng	452.721.687	452.684.316	37.371
Cho vay khách hàng	460.808.440	460.808.468	(28)
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(8.086.753)	(8.124.152)	37.399
Tài sản cố định	5.729.637	5.639.382	90.255
Tài sản cố định hữu hình	3.726.000	3.717.046	8.954
Nguyên giá tài sản cố định	8.632.207	8.621.996	10.211
Hao mòn tài sản cố định	(4.906.207)	(4.904.950)	(1.257)
Tài sản cố định vô hình	2.003.637	1.922.336	81.301
Nguyên giá tài sản cố định	2.603.156	2.518.777	84.379
Hao mòn tài sản cố định	(599.519)	(596.441)	(3.078)
Tài sản Có khác	10.700.615	10.800.045	(99.430)
Các khoản phải thu	2.958.093	2.950.677	7.416
Các khoản lãi, phí phải thu	5.791.137	5.786.098	5.039
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.943	1.943	-
Tài sản Có khác	1.950.379	2.062.264	(111.885)
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(937)	(937)	-
Tổng ảnh hưởng			28.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(ii) Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Các khoản nợ khác	12.661.994	12.677.844	(15.850)
Các khoản lãi, phí phải trả	6.454.174	6.454.174	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	18.461	18.461	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	6.189.359	6.205.209	(15.850)
Lợi nhuận chưa phân phối	5.874.992	5.830.946	44.046
Lợi nhuận để lại năm trước	1.204.902	1.204.902	-
Lợi nhuận năm nay	4.670.090	4.626.044	44.046
Tổng vốn chủ sở hữu	48.145.556	48.101.510	44.046
Tổng ảnh hưởng			28.196

(iii) Ảnh hưởng đối với các cam kết ngoại bảng:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	43.914.997	44.755.947	(840.950)
Bảo lãnh khác	36.670.024	36.683.048	(13.024)





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(iv) Ảnh hưởng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	37.718.211	37.713.172	5.039
Thu nhập lãi thuần	18.532.750	18.527.711	5.039
Thu nhập từ hoạt động khác	2.294.727	2.293.539	1.188
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.918.378	1.917.190	1.188
Chi phí hoạt động	(9.939.012)	(9.950.443)	11.431
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.946.847	14.929.189	17.658
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.368.707)	(6.406.106)	37.399
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	8.578.140	8.523.083	55.057
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.683.093)	(1.672.082)	(11.011)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.683.093)	(1.672.082)	(11.011)
Lợi nhuận sau thuế	6.895.047	6.851.001	44.046
Lợi nhuận thuần trong năm	6.875.771	6.831.725	44.046

(b) Điều chỉnh số liệu đầu kỳ của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về Chế độ báo cáo tài chính với TCTD, Ngân hàng đã trình bày lại số liệu các khoản mục có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nhưng có kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 và loại ra khỏi số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại 31 tháng 12 năm 2016 cho mục đích trình bày lại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được trình bày lại như sau:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(12.195.279)	331.414	(12.526.693)
Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(31.805.807)	(22.008.457)	(9.797.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.960.286)	19.363.757	(22.324.043)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(6.847.898)	15.476.145	(22.324.043)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	157.564.955	179.888.998	(22.324.043)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

45. THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế của Vietcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so với năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng 2.216 tỷ VND (tương đương 32,13%), nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận trước thuế của Vietcombank tăng khoảng 2.763 tỷ VND (tương đương 32,21%) do các khoản mục chính sau:

Khoản mục có biến động chủ yếu	Ảnh hưởng	
	Số tiền Tỷ VND	Tỷ lệ trên lợi nhuận trước thuế %
Tăng thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.052	12,26%
Tăng thu nhập từ thanh lý các kho ản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	142	1,66%
Tăng thu nhập từ lãi tiền gửi	454	5,29%
Tăng thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	634	7,39%
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	181	2,11%
Giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	170	1,98%
	2.633	30,69%

46. CÁC SỰ KIỆN XẢY RA SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kết thúc cùng ngày.

47. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018


Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến


Phó phòng Tổng hợp và Chế độ Kế toán Kế toán Trưởng Phó Tổng Giám đốc





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84) 24 3934 3137 Fax: (+84) 24 3826 9067
Swift: BFTV VNVX Website: www.vietcombank.com.vn